TRI TÂN

175 — 178

XUÂN ÂT DẬU

MỤC LỤC

* *Từ cái tóc ngoại quốc đến cái tóc Việt-nam* — Hoa-Bằng
* *Tùy hứng* — Mộng-Sơn — Lãng-ngâm-Tử, Cách - Chi — Cẩm - Lai, Nhật-Nham — Ngân-Giang
* *Một vài lục cổ về mùa Xuân* — Nguyễn-văn-Tố
* *Một cô điếc và câm Tiến-sĩ trường Đại-học Paris* — Phan-văn-Hùm
* *Một câu đối Tết giữa thành phố Saigon* — Đông-Hồ
* *Hoa xuân trong vườn văn học* — Tịnh-Đô nữ-sĩ
* *Hai xuân đánh Chàm* — Mãn-khánh Dương-Kỵ
* *Một quan-niệm về cuộc đời* — Nhật-Nham Tr. như-Tấu
* *Những xu hướng văn học Việt-nam năm vừa qua* — Kiều-thanh-Quế
* *Cây quất ngày Tết* — Liên-Giang
* *Bất gặp mùa Xuân* — Tuyết tiểu-muội
* *Hai cảnh tết chiến tranh (phóng sự)* — Phạm-mạnh-Phan
* *Năm ấy ở Pháp (ký ức)* — Lê-văn-Ngôn
* *Đôi trà bạch (chuyện ngắn)* — Giản-Chi

3$50

XUÂN VỀ

Hoa cợt gió nhỏ to lời luyến ái
Trên cành vương nắng yếu của bình minh.
Khắp vườn xuân ngào ngạt bởi hương trinh,
Của cỏ đẹp hoa xinh chưa kẻ hái,
Chim muốn hót, nhưng lòng còn e ngại,
Ta muốn đi song vẫn lặng chẳng đi
Muốn tơ lòng run rẩy nhạc mê-lị
Hòa với nhịp trời xuân về chậm chậm
Với vũ trụ nhuộm đầy màu tươi thắm
Với hồn xuân, mãi mãi chứa cho gần
Tình yêu xuân, ta mong mỏi thiết tha ;
Sống trăm tuổi để cùng xuân gặp gỡ.

TỊNH-ĐỀ nữ sĩ

***

Xuân dạ Lạc-thành văn địch

Thùy gia ngọc địch ám phi thanh
Tán nhập xuân phong mãn Lạc thành ;
Thử da khúc trung văn chiết liễu
Hà nhân bất khởi cố viên tình

LÝ BẠCH

春夜洛城聞笛

誰家玉笛暗飛聲
散入春風滿洛城
此夜曲中聞折柳
何人不起故園情

李白

***

Đêm xuân Lạc-thành, nghe sáo
Nhà ai tiếng sáo bay xa.
Tan vào ngọn gió bay ra Lạc-thành
Khúc đàn bỏ liễu rành rành
Đêm nghe, ai chẳng động tình cố viên ?

LÃNG-NGÂM TỬ

TÌNH XUÂN

Hỡi rừng ! Hỡi núi ! Hỡi thiên-hương
Khoan ! Cánh thời-gian chớ vội vàng !
Đôi rét muốn rạo rời ngậm giá lạnh,
Tật-nguyền nan kẻ giãi trăng suông.
Hòa-bình ! Man ! Lại màu hoa-gấm !
Chinh-chiến ! Thôi ! Về bóng tích-dương.
Tạ sót-thương ai, người nước Kỷ,
Giới xuân man-mác, sử hoang-mang ..

MỘNG-SƠN

***

TẾT THÔN - QUÊ

Phiêu-diêu khói pháo tỏa ngang trời
Im lặng hàng tre khoác áo tươi
Hồi trống đầu năm vang rộn rã
Hồn quê rung động mấy phen rồi

***

Mờ-ảo sương râu phủ cánh đồng
Hiền hòa sóng cỏ gợn êm nhung
Hương trầm thoang thoảng luồng trong gió
Đầm ấm trời xuân đệt ước mong

***

Nêu cao nhảy múa nhánh tre tơ
Pháo đỏ đường quanh phủ bụi mờ
Cả một thời xưa còn trở lại
Dịu dàng ghi một nét đơn sơ

***

Yếm trắng, phất phơ giải lụa vàng
Rất nhiều thôn nữ đón xuân sang
Quai mồm nón lá khoe tươi thắm
Vui-vẻ nhìn nhau chuyện rộn-ràng

CAM-LAI

TỪ CÁI TÓC NGOẠI-QUỐC ĐẾN CÁI TÓC VIỆT-NAM

HOA-BẰNG

Ở mỗi lần Tết đến, không ai bảo ai, chúng ta, thường gặp nhau ở hiệu thợ cạo.

— Tôi đi cạo cái « đầu mới » để ăn Tết !

— Anh cũng đi cắt tóc để... đón Xuân !

Thế là trước tiệm hớt tóc, đông đúc nhộn - nhịp những người là người...

Bấy giờ mới ta cảm thấy cái tóc là quan trọng thay ! Thật đúng như lời các cụ ta xưa đã nói : « ... *cái tóc là góc con người* ! »

Nhân Tết cắt tóc, tôi liên tưởng đến bao nhiêu chuyện tóc trên lịch-sử đông tây, nhất là đối với dân tộc Đại Việt, Tóc đã ghi biết bao nét vui, buồn, mừng, sợ, vinh, nhục, thăng, trầm. Nhờ Tóc, ta có thể biết được những vết biến thiên trên trang Quốc - sử Cũng nhờ Tóc, ta có thể đánh dấu được bước tiến-hóa và đo được cái tinh-thần phấn-đấu của dân-tộc ta.

Vậy, viết thiên *lịch-sử Tóc* này, ngoài ý mua vui cùng các bạn đọc thân mến trong dịp tân xuân, tôi còn muốn tỏ rằng, dẫu gặp số Tết, Tri - Tân cũng không xao - lãng sử-học.

***

Mớ tóc trang - sức của Tây-phương

O' Pháp, hồi thế-kỷ XIV và XV, các hoàng - hậu và các phu - nhân quý hiền thường đội những mớ tóc dan nhân-tạo. Đến thế kỷ XVI thời-thượng nhất là thứ tóc nhuộm màu vàng hoe. Dưới triều Charles IX, phụ nữ Pháp Ý không thích dùng tóc giả nữa song ưa rắc vào tóc những chất phấn tím tím, hung-hung, vân vân. Đến đời Louis XIII, thứ phấn rắc tóc màu hung - hung được thông - dụng, dần dần nhưng người ta lại rắc vào tóc bằng thứ phấn trắng mãi cho đến thời đệ nhất Đế hiệu.

Thời xưa, ở Hi-lạp, phụ nữ thường đội bộ tóc giả Mà cái tục này hãy còn sống sót ở xứ họ.

O' La-mã xưa, đàn-ông tội bộ tóc giả để giấu cái đầu trọc ; đàn bà đội tóc giả để làm đồ trang-sức rất phức-tạp.

Cái tóc phấn đấu của giống Hán

Đến cái tóc của Đông phương lại càng làm chuyện rất quan-trọng, rất lý-thú.

Từ khi người Thanh vào cửa ải (1644), làm chủ-nhân-ông Trung-quốc, cái lệnh cạo tóc kết bím chăng theo những phong tục Mãn-thanh mà ban hành khắp đất Tàu.

Rồi những người giống Hán ôm quan-niệm về chủng-tộc, không chịu lê-thê để cái đuôi sam ở đằng sau, tỏ ra tiết tháo phi-thường, đánh dấu được cái sĩ khí trên trang sử hưng vong ở cuối Minh, đầu Mãn.

Nhà văn Hồ Uẩn-Ngọc nhặt những tài-liệu đáng ca đáng khóc ấy viết thành một tập *Phát sử* (lịch-sử tóc, có in trong *Thanh quý đã sử* tập hai) trong gồm hơn ba chục nhân-vật khảng-khái cương cường chỉ vì vấn-đề đầu-tóc mà hoặc vui lòng chịu chết, hoặc ẩn mình ở dưới nhà hầm, hoặc cạo đầu đi tu, hoặc trốn tránh vào trong rừng núi...

Trong lời *Tựa* ở đầu tập « *Sử tóc* » ấy, tác-giả Hồ Uẩn-Ngọc có viết nhiều câu rất cảm động: «... *Tóc dẫn là vật nhỏ, nhưng quan-hệ rất lớn. Những bậc cố lão di hiền, sau trận quan nghĩa-dũng đã thua,(.....) ngước mắt thấy cảnh non sông đổi khác, chỉ có mớ tóc xanh xanh trên đầu kia còn đủ giàng buộc ý nghĩa về cố quốc, bay tỏ được lòng mong nhớ quê-hương. Do tấm lòng không muốn cắt tóc mà suy rộng ra, thấy rằng họ muốn lấy một sợi tóc để giữ lại non sông của giống Hán. Vậy tóc hà chẳng quan-trọng lắm sao?...* » (*Dịch nguyên văn chữ hán*).

Những vết biến thiên trên lịch sử tóc « Tiên, Rồng »

Bây giờ xin nói đến cái tóc của « con tiên, cháu rồng »

Xưa-kia, sử ta không chú trọng vào việc xã hội, nên đối với những phong tục như để tóc, cạo tóc có quan hệ đến vết biến thiên và cuộc tiến hóa của dân tộc ta ra sao, ít thấy sử sách ghi chép được phân-minh tường tận.

Theo sử gia Hoàng Cao-Khải đã khảo ở *Hán thư* mà dẫn vào *Việt sử yếu* (in mộc bản năm Duy-tân giáp-dần, 1914) quyển 1, tờ 19 a b, hồi thời xưa, dân ta *búi tóc ở đằng gáy*, lấy vải quấn mình, đi chân không.

Mớ tóc của người mình ở đời Lý (1010—1224) ra sao, nay khó khảo được. Cứ như lời bạn Tiên-Đàm thuật lại cùng tôi sau khi bạn đã vào thăm đền Đông-hải đại vương ở Bần hưng nhân (Hưng yên), thì tượng Đoàn Thượng (Đông-hải đại vương) và các bộ-hạ ngài trong đền ấy đều buông xõa tóc về sau lưng cả. Như thế có lẽ người mình đời Lý đều để tóc chăng.

Trong *Sứ Giao-châu thi-tập* của Trần Cương-Trung nhà Nguyên có chua rằng, ở đời nhà Trần, hết thảy đàn ông đều cạo tóc, người có quan-chức thì quấn khăn xanh (do Lê Quý-Đôn dẫn trong *Kiến văn tiểu lục*).

Nhưng, theo ngu kiến thì lời đó của Trần Cương Trung thật quá vũ-đoán, vì chưa quan sát được đúng mà đã nói liều hoặc mới thấy một thiểu số đã vội nói trùm cả toàn thể. Phải, Loạc gả đời Trần cũng có số ít đàn ông cạo tóc, nhưng không phải là hết thảy ai cũng trọc đầu.

Để cãi lại Trần Cương-Trung về điểm ấy, tôi xin dẫn Quốc-sử làm bằng-chứng:

Dưới đây nói về việc định rõ thể-chế áo mũ cho các văn võ đời Trần Anh-Tông (việc tháng 10, năm Hưng long thứ chín, 1301), Sử chép: « Các vương hầu, ai **tóc dài** thì đội khăn tiêu thiên, ai **tóc ngắn** thì đội khăn bao. » (*Khâm định Việt sử*, chính biên, quyển 8, tờ 37 b — 38 a).

Nếu bấy giờ còn có hạng vương hầu **tóc dài, tóc ngắn** thì quyết không thể nói rằng tất cả đàn ông đời Trần thảy đều cạo tóc được.

Sau khi nhà Hồ (1400—1407) sụp đổ, người Minh chiếm cả nước ta, ra lệnh cấm đàn ông đàn bà không được cắt tóc (*Khâm định Việt sử*, chính biên, quyển 12, tờ 42 a).

Chừng từ năm Lê Thuận-thiên thứ nhất (1428) trở đi, nước ta lại được tự-do cạo tóc sau cơn « *Càn khôn đã bĩ mà lại thái, nhật nguyệt đã tối mà lại minh.* ».

Đến triều vua Lê Thánh-Tông (1460—1497), chúng người mình đã đi sâu vào tinh thần hán học, quan niệm theo chữ « hiếu » của đạo Nho:

Mình-mẩy, da, tóc, đã nhận của cha mẹ trao cho, người con không dám làm tổn thương, hủy hoại. Vì thế, người mình mới có cái tâm lý kính trọng từng sợi tóc, không dám cắt đi. Rồi tập lâu thành quen, mớ tóc « Rồng Tiên » từ đó liền được luân-lý và luật pháp giữ gìn ủng hộ.

Đời Lê Thánh-Tông có lệnh: « *Cấm phi tăng loại bất đắc*

tiễn phát » (Nếu không phải là sư, cấm không được cắt tóc.)

Có lẽ từ đấy trong đám đạn đầu mới nảy lên một bọng người « búi tóc cu hành, buông quần lá tọa ». Rồi bọng ấy tự tôn tự đại bằng câu : « *Búi tóc củ hành là anh thiên hạ* ».

Thà chịu chặt đầu chứ không chịu cắt tóc !

Sau trận mồng 5 tháng giêng năm Kỷ-dậu (1789), Tôn Sĩ-Nghị, đại bại dưới bóng cờ hùng-kiện của chiến-sĩ Đại-Việt do vua Quang-Trung (1788-1792) điều-khiển chỉ-huy, phải nhếch nhóc chạy về Thanh-đình để đợi tội. Rồi Phúc-Khang-An lên thay Sĩ-Nghị, làm Lưỡng Quảng tổng-đốc, khuôn kếp công việc nước ta. Khang-An nói lừa vua Lê Chiêu-Thống rằng : « Quân rút chẳng bao lâu sẽ lại kéo sang; bấy giờ Tự-vương (hỉ Chiêu - Thống) sẽ phải thân suất tướng-sĩ đi trước dẫn đường. Nhưng, Tây-sơn hễ thấy quân Lê, thì thường coi khinh. Nay Tự quân nên hãy quyền-nghi, cắt tóc, cải trang để làm đồng nhất một loạt cho ba quân khỏi lạ tai mắt. Đợi đến khi đã khôi phục được nước rồi, Tự-vương sẽ lại giữ lấy lề thói như cũ. »

Vua Chiêu-Thống không ngờ Khang-An dánh lừa, bèn dần lòng nghe theo.

Đối với các bầy tôi tòng vong vua Lê, Khang An cũng bắt cắt tóc, đổi đồ mặc.

Riêng có Lê Quýnh (người làng Đại-mão, Bắc ninh) không chịu cắt tóc nói rằng : « Chúng tôi chưa được nghe dạy rõ ràng ra sao, thế mà chỉ thấy ra lệnh bắt cắt tóc, thì đó há phải là cái sơ-chí của lũ Quýnh này bôn-tẩu hàng 2 3 ngày dặm mà sang đây sao ? Đầu tôi có thể chặt được ; tóc tôi, không thể cắt được ».

Khang An giận sai giải Quýnh lên Yên - kinh. Vua Thanh lại dỗ Quýnh về việc cắt tóc. Quýnh đáp : « Muôn dặm tòng vong, xin được lấy phong-tục đất nước mà yết kiến quốc vương trước đã rồi sẽ xin vâng chỉ-dụ sau. »

Người Thanh cho thế là trái lệnh, liền bỏ Quýnh vào ngục.

Đến năm canh-thân (1800), người Thanh mới thả Quýnh ra khỏi lao - tù. Năm giáp tí (1804) Quýnh vẫn giữ toàn được cái búi tóc « Rồng, Tiên » mà về

(Xem tiếp trang 44)

Xuân tưởng

(Gắm mong các bạn thơ trả lời bằng thơ những câu hỏi thơ này).

Vời theo non nước ngẫm xa gần,
Lóng tưởng nghìn xưa, hồ tưởng xuân.
Nhớ thuở thanh bình năm tháng cũ
Ai người danh-sĩ cưỡi gió nhân ?

Bút thảo thơ đề mảnh lụa phong
Nửa đêm hàn thực gió mênh mông.
Bên cầu ai trút hai tiền lại,
Trăng vợi đường thơm để rối lòng ?

Cỏ biếc sông Yên sóng mấy bờ,
Dâu Tần mơn mởn dệt xanh tơ.
Tuyết sương tỏa lạnh trên quan tái.
Ai trách xuân phong quá ỡm ờ ?

Ngựa hý quân reo giữa lạnh lùng,
Trên yên thảo hịch cuối ngày đông.
Hương xuân đâu ngợp mùi đao kiếm,
Sắc pháo bay trong sắc máu hồng

Sông lạnh nghìn xưa ai tiễn ai,
Đàng buôn nhịp trúc đầm thiên thai,
Cố nhân một biệt, về đâu nữa, ?
Nhịp trúc cao vời, nước chảy xuôi...

Ai thấy mây chiều ngỡ lụa phong,
Của người Giang Bắc gửi Giang Đông.
Rồi than : xuân đến nơi thiên hạ,
Riêng mối tình ta vẫn não nùng.

Ai đón xuân về sắc mẫu đơn,
Áo bào để lạnh đến nguồn cơn ?
Trần gian chả thắm tình hoa đào,
Lãng Uyển năm năm bóng nguyệt tròn.

Hoa đào mười cánh cuối đông rồi,
Một vãy tay tiên đủ tám bài.
Ngày muộn trường văn tàn nét bút,
Người làm thơ muộn đấy là ai ?

NGÂN GIANG

MỘT VÀI TỤC CỔ VỀ MÙA XUÂN

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Phong-tục cổ của ta, xưa nay chưa ai chép riêng thành sách, thường chỉ chép làm một mục ở các sách nho như *Ô-châu cận-lục*, *Đại Nam phong-hóa khảo-lược*, *Đại Nam nhất-thống-chí* và các quyển địa dư khác, nên muốn khảo-cứu phải mất nhiều công sưu-tầm vì không những phải tìm ở các sách trên, lại phải đọc cả các quyển sử chữ nho.

Riêng về tục mùa xuân, sử ta chép một chuyện như sau này: « Năm thứ 8 hiệu Đại-trị (1365) đời Trần Dụ-tông, mùa xuân, tháng giêng, người Chiêm-thành (Champa, Cham), vào cướp những dân chơi xuân ở châu Hóa (Chiêm-thành nhân lược Hóa-châu xuân-du dân). Nguyên trước tục châu Hóa, mỗi năm đến mùa xuân tháng giêng, hội họp con giai con gái đánh-đu ở Bà-dương; người Chiêm-thành ẩn núp ở đầu nguồn châu Hóa từ tháng mười hai năm trước, đến bấy giờ mới ra cướp lấy nhân-dân châu Hóa đem về Chiêm-thành ». (*Đại-Việt sử-ký toàn thư*, q. 7, tờ 26 b).

Đất châu Hóa nguyên là đất Chiêm-thành, « Năm thứ 14 hiệu Hưng-long (1306), đời Trần Anh-tông, vua Trần gả Huyền-trân công-chúa cho vua Chiêm-thành là Chế-Mân (Jaya Simha arman III). Chế-Mân dâng đất châu Ô, châu Lý làm lễ dẫn cưới » (*Khâm-định Việt-sử*, q. 8, tờ 4 b). Sau bốn thôn Hà-thủy, Tà-bồng và Đã-bồng không chịu phục. Đến tháng giêng năm thứ 15 hiệu Hưng-long (1307) vua Trần đổi châu Ô, châu Lý làm châu Thuận, châu Hóa » (*Khâm-định Việt-sử*, q. 8, tờ 44 a và b). Vậy thì châu Hóa tức là châu Lý của Chiêm-thành, mà « hiện nay là huyện Phú-lộc và Phú-vang, tỉnh Thừa-thiên, huyện Diên-phước và Hòa-vang tỉnh Quảng-nam » (*Khâm định Việt-sử*, q. 1, tờ 28 a).

Kể từ khi thuộc về đất ta năm 1306 đến khi bị người Chiêm-thành bắt, năm 1365, mới sáu mươi năm; thế thì không rõ tục con giai con gái đánh đu về mùa xuân có từ trước khi còn thuộc về Chiêm-thành hay là sau khi đã thuộc về nước ta. Hiện nay hai huyện (Phú-lộc, Phú-vang) ở Thừa-thiên và hai huyện (Diên-phước, Hòa-vang) ở Quảng-nam, đều không thấy có tục ấy nữa.

Sách *Đại-nam phong-hóa khảo lược* (tờ 35 b, bản sao của trường Bác-cổ, số A 977) cũng chép là tục cổ. Đoạn « du-hý » ở sách ấy nói rằng: « Tục nước Nam ta bày ra hàng trăm trò cờ bạc đều lấy lợi làm bên thua, thế là trong cuộc vui có ý lừa gạt nhau. Xứ Nam xứ Bắc tuy không giống nhau, nhưng bày ra trò du-hý thì cũng là một. Duy có đánh cờ vây, bắn bia đầu hồ... là thú chơi thanh-nhã; còn như các trò đánh đu leo dây mùa rối, chọi gà, tuồng đều... đều là trò chơi đã thành tục cổ, ngày nay đổi ra các trò mới, nhưng cũng ở tục cũ mà ra ».

Cứ như thế, thì tục con giai con gái đánh đu có lẽ đã mất. Nhưng nếu có mất hẳn, cũng chỉ mới mất vào khoảng 50, 60 năm nay mà thôi, vì quyển *Đại-nam phong-hóa khảo-lược* làm vào năm 1838 nói tục đánh đu là tục cổ, mà trong quyển *Giai-nhân di-mặc* của cụ Nguyễn-Hữu-Tiến bản về sự-tích và thơ-từ Xuân-Hương (trang 58) có chép bài thơ vịnh cảy đu như sau này: « Khi ấy đang mùa xuân-tiết, dân quê thái-bình, hội hè vui-vẻ, giai-nhân tài tử dập-dìu chơi xuân, làng nào cũng giềng cảy đu, để cho giai gái chơi nhởn thỏa-thuê. Xuân-Hương ngắm xem những trẻ đời lẳng-lơ đa-tình, tự-nhiên thành vịnh. Thơ rằng:

Tám cột khen ai khéo khéo giồng!
Người thì lên đánh, kẻ ngồi trông.
Giai giu gối hạc khom khom cật,
Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng.
Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới,
Hai hàng chân ngọc duỗi song song.
nơi xuân đã biết xuân chăng tá?
Cọc nhỏ đi rồi lỗ bỏ không!

Không sách nào chép rõ Xuân-Hương sinh vào năm nào, mất năm nào, nhưng có thể đoán phỏng được, là vì Xuân-Hương có xướng họa với Chiêu Hổ tức Phạm-đình-Hổ, mà Phạm đình-Hổ thì sống vào khoảng 1757-1827, tức là giữa đời Lê Cảnh-hưng đến giữa đời Minh-Mạnh. Vậy thì Xuân-Hương cũng sinh vào thời

ấy. Trong khoảng 1757—1827 còn thơ vịnh cây đu, mà năm 1883 sách *Đại-Nam phong-hóa* nói là đã mất nên tôi đoán là mới mất độ 5. 6 chục năm.

Còn những phong-tục khác về mùa xuân thì không thấy sách nào chép rõ. Hồi cuối năm 1936, mấy người Pháp và người Nam (trong có tôi dự) định lập một hội để khảo-cứu phong-tục (*Société du folklore indochinois*) có nhờ nha Học-chính gửi một tờ mẫu điều-tra đi các trường ở các làng. Năm 1937 ông giáo các trường đã bắt đầu giả lời, nhưng sau Hội không thành, khảo-cứu không hết, nên không biết các làng bây giờ còn những phong-tục gì trong mấy tháng xuân mà khác hẳn với phong-tục các thành phố.

Xưa-nay ta vẫn quen dùng hai chữ phong-tục cho là tập-quán của dân; nhưng xét đến nghĩa thì hơi khác. Người trên cảm hóa gọi là phong, người dưới tập nhiễm gọi là tục (Thượng sở hóa viết phong, hạ sở tập viết tục). Còn đến chữ xuân thì xưa nay ta chỉ biết xuân là mùa thứ nhất trong bốn mùa. Tự-vị tàu giải nghĩa xuân là vạn vật sinh-nở (xuân xuân giã). Lại có nghĩa hai bên giai gái bằng lòng nhau, gọi là xuân, do *Chu-Lễ* có câu « Trọng xuân chi nguyệt, linh hội nam nữ » nghĩa là tháng trọng-xuân cho họp con giai con gái. Trọng-xuân là tháng thứ hai về mùa xuân tức là tháng hai ta. Linh hội nam nữ, là có tục cho con giai con gái được họp nhau trong tháng hai, vì thế, ta cho mùa xuân là mùa đôi bên giai gái chọn lựa, mà tháng giêng là tháng ở nhà để ăn chơi. Ta thường có tục, đi buôn bán hoặc làm nghề gì ở đâu ra, đến tết, cũng phải về nguyên-quán, mà tháng giêng hãy còn ở nhà ăn tết chưa đi được. Cho nên có câu ca-dao rằng: « *Tháng giêng ăn tết ở nhà, tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè, tháng tư trồng đậu nấu chè, ăn tết đoàn ngũ dở về tháng năm, tháng sáu buôn nhãn bán trăm, tháng bảy ngày rằm xá tội vong nhân, tháng tám chơi đèn kéo quân, dở về tháng chín chung chân buôn hồng, tháng mười buôn thóc bán bông, tháng một tháng chạp nên công hoàn toàn* ».

Đầu năm mùa nắng thong thả, thời tiết dồi mới nên người Tàu đặt ra hai tết nữa cũng trong tháng giêng, là tết khai hạ và tết thượng nguyên. Khai hạ là đầu năm mùng mở bàng, có nơi gọi là hạ cây nêu. Cây nêu giống từ ba mươi tháng chạp năm trước đến mùng bảy tháng giêng mới hạ, người Tàu gọi ngày mùng bảy tháng giêng là « nhân nhật », do điển tích giảng trong *Kinh sở tuế thời kỳ* như thế này: « ngày thứ nhất thuộc về gà, ngày thứ hai thuộc về chó, ngày thứ ba thuộc về lợn, ngày thứ tư thuộc về dê, ngày thứ năm thuộc về trâu, ngày thứ sáu thuộc về ngựa, ngày thứ bảy thuộc về người, ngày thứ tám thuộc về thóc » Vì thế gọi ngày bảy là *nhân nhật*.

Còn thượng nguyên là ngày rằm tháng giêng, người Tàu thường gọi đêm ấy là *nguyên tiêu*.

Xem như thế, thì những tục ăn tết về tháng giêng hay mùa xuân, phần nhiều là bắt chước Tàu. Riêng nước ta có tục đình đám hội hè: như làng Ngọc-cục, phủ Xuân trường, tỉnh Nam-định, có tục đến rằm tháng giêng, họp nhau ở đình để thi thổi cơm, ở Bắc - đông có làng thi cơm nắm, có làng thi bánh giầy, có làng thi thổi sôi, đều là những tục cổ thuộc về mùa xuân.

Những ca dao về tiết xuân cũng lẽ bắt chước Tàu: Xin so sánh bài nông việc nhà nông với bài *Thất nguyệt* trong *Kinh Thi*.

Bài nhà nông như sau này: « *Tháng giêng là tháng ăn chơi, tháng hai giồng đậu giồng khoai giồng cà, tháng ba thì đậu đã già, ta đi ta hái về nhà phơi khô, tháng tư đi tậu trâu bò, để ta sắp sửa làm mùa tháng năm. Sớm ngày đem lúa ra ngâm, bao giờ mọc mầm ta sẽ vớt ra, gánh đi tả nếm ruộng ta, đến khi lên mạ thì ta nhổ về, Lấy tiền mượn kẻ cấy thuê, cấy xong rồi mới dở về nghỉ ngơi. Cỏ lúa làm đã sạch rồi, nước ruộng vơi mười, còn độ một hai, ruộng cao đóng một gần giai, ruộng thấp thì phải đóng hai gầu sòng. Chờ cho lúa có đòng đòng, bấy giờ ta sẽ giả công cho người. Bao giờ cho đến tháng mười ta đem liềm hái ra ngoài ruộng ta Gặt hái ta đem về nhà, phơi khô quạt sạch, ấy là xong công.* »

Bài này so với bài « Tháng giêng ăn tết ở nhà » thì tuy có một tháng ăn chơi nhưng mười một tháng kia đều chịu khó siêng năng về việc cấy cấy, xét ra cũng giống phong-tục nước Mãn bên Tàu về đời xưa, mà đức Khổng đã nhặt vào trong *Kinh Thi*, tức là bài thơ *Thất nguyệt*, dịch ra như sau này.

« *1. — Thất nguyệt lưu hỏa, cửu nguyệt thụ y. Nhất chi nhật tất phát, nhị chi nhật lật liệt, vô y vô yết, hà dĩ tốt tuế? Tam chi nhật vu chi Tứ chi nhật cử chi, đồng ngã phu tử (tử), diệp bỉ nam mẫu, điều tuấn chi hỉ* ». tháng bảy sao Hỏa-tinh (Antarès) đã xuống (ý

(Xem tiếp trang 42)

MỘT CÔ ĐIẾC VÀ CÂM

Tiến sĩ trường Đại Học Paris

của PHAN VĂN HÙM

Trông sang các nước lớn văn minh, thấy sự nghiệp người ta vĩ đại; rồi ngoảnh lại nước mình, nhận ra mọi phương diện còn thấp hèn; một hôm thi sĩ Tản-Đà buông lời bực tức:

« *Bể sâu con cá bẫy vùng,*
« *Trời xanh muôn trượng, chim hồng cao bay.* »

***

Phỏng khiến ông Pierre Valley sinh trưởng vùng sông Đà núi Tản, chưa biết ông có hun đúc nên một khối tinh cần chăng?

Đau khổ lọt lòng mẹ, ông còn được may sinh ra trong nước Pháp, để bù lại nỗi kiết khe của số phận. Ông học thành tài xuất chúng, leo ngồi ghế giáo sư trường Đại học Bordeaux. Sự nghiệp ông để lại, ngoài những sách thám thúy về thế giới của người mù, do nhà Flammarion xuất bản, còn có bộ *Essais* của *Montaigne*, mà ông sao lục và chú thích, là công trình to tát chưa ai tỏ mắt có thể làm hơn.

Xã hội đó có người đó.

Còn ai nữa, tôi chưa hay.

Đây tôi được thấy, được nghe Lavaud, được nghe một cô điếc và câm ứng đối hoạt bát tại quảng đường thi Tiến sĩ của trường Đại Học Paris, năm 1932.

***

Trường Đại học nào của nước Pháp cũng có quyền phát hai thứ bằng Tiến sĩ: bằng quốc gia (diplôme d'Etat) và bằng riêng của trường (diplôme d'Université).

Nhưng trường Paris danh tiếng hơn cả, và bằng của trường này cũng có giá trị hơn bằng các nơi.

Vì vậy người ta đua nhau đưa luận thuyết về Paris. Thường năm, ở đây ra, về ban văn chương, có đến ba bốn mươi Tiến-sĩ Quốc gia, và mười lăm vài chục Tiến sĩ Đại học.

***

Nhiều hóa ra thường. Cho nên công chúng đến quảng đường Louis Liard ở Sorbonne, để xem thi Tiến sĩ, không đông mấy, và thường là những hàng trí thức, có quen biết, hoặc có nghe danh thi sinh. Ngoài ra cũng có kẻ ưa lục-lạo tìm sự lạ, như tôi, chớ không hiểu gì chút lắm trong cuộc khảo đối cao xa này.

***

Đặc biệt khi cô Suzanne Lavaud đi thi Tiến sĩ, công chúng tấp nập, ở cả những phóng viên các tờ báo lớn ở Paris, vào đặt máy chụp ảnh nghênh ngang trong quảng đường. Bức hòa tượng trưng Danh Dự ở trên trần đòm xuống hôm ấy, có lẽ mới một lần thấy quang cảnh náo nhiệt ở giữa những vách tường chạm hồi văn thấp vàng, nhiều theo những ngọn đuốc giả bằng pha lê, trong ấy chiếu rạng ánh đèn điện, soi các bức tượng vẽ Richelieu, Racine, Descartes.

***

Sau bàn mỏng ngựa, ở cuối quảng đường, đứng giữa hai ông Giáo sư, hội đồng khảo thí, ông chủ khảo F. Baldensperger giới thiệu người ứng thi là học trò của ông.

Cô Suzanne Lavaud trình nơi trường Đại học Paris một quyển luận thuyết về *thân thế nhật-ký và kịch khúc* của bà văn sĩ câm, đánh dội ở kịch trường nước Pháp, trong thời kì chiến 1914 - 1918, là *Marie Lenéru* (1).

***

Cô Suzanne đồng bệnh với Marie.

Những Marie năm lên mười hai tuổi bệnh mà thần mười hành cho im lặng suốt đời. Nơi Cô Suzanne ngược lại, thuở bé thơ cơ quan phát âm không hay dùng tới được mặc dầu không có gì biến thái. Nhân thuở sơ sinh cô phải điếc không nghe được tiếng, để học nói, mà hóa ra câm.

Cha mẹ cô buôn rau vì con mang tật. Hai ông bà đều là thạc sĩ giáo sư trường Trung học, quyết không để cho sơ thua sút người đủ cơ quan. Nhất là bà Lavaud, nguyện kinh với số mạng, trì chí khan khổ dạy cô học chữ câm.

Đến khi cô học được rồi, ông bà cắt nghĩa cho cô biết con người có tiếng nói, và tập cho cô nói.

Phải uốn miệng như thế nào, phải để lưỡi ở chỗ nào, phải đưa hơi ra thế nào... chúng ta trải qua một thời kỳ nhọc nhằng mà không biết, vì thơ bé quá đi. Nói được rồi tiếng mẹ đẻ, ta lấy tiếng nói làm sự tự nhiên. Nhưng có học tiếng ngoại quốc, mới biết nỗi gian nan, để cho được gần giọng nói của người khác nước.

Nghe rồi, nói lại, mồm nói, tai nghe. Như thế, ta học theo người, ta chữa giọng ta, mà tựu trung ta nói còn khó đúng.

***

Phát âm được, cô Lavaud chẳng được nghe. Tai không kiểm giọng, cô thường gieo tiếng sai âm. Cô nói lơ lớ, phẳng phất nghe như tiếng người ngoại quốc mới tập tiếng lang sa. Nhưng với giọng nói chưa hoàn toàn lắy, đã thừa chán để cho cô tiếp xúc với người đời. Cô, thời chẳng cần gì tiếng nói. Từ buổi ấu trĩ cô đã quen « đọc ở trên môi người ». Sự ấy, đối với cô, tự nhiên, cho đến nỗi cô « không hoàn toàn tưởng tượng được có gì khác nhau giữa cô với đám bạn gái nhỏ trang tuổi cô » (*mêlée depuis toujours à la vie des petites filles de mon âge, je ne réalisais pas entièrement la différence qui me séparait d'elles. — La lecture sur les lèvres m'est devenue de très bonne heure facile et pour ainsi dire instinctive — Marie Lenéru, Avant-propos.*) :

Song một bữa nọ cô phải bực mình, không biết sao trên môi một đứa nhỏ kia, cô không « đọc » ra ý gì cả. Mẹ cô bảo : Con nhỏ ấy là trẻ nước Anh !

***

Khỏi phải chữ ngôn tay ra dấu, khỏi phải chờ thay chữ mới hiểu lời, cô Lavaud đọc ở trên môi người đối thoại. Nhưng phải có điều kiện : là trước mặt người và dưới ánh sáng.

Vì thế bà Lavaud phải xin phép hội đồng khảo thí cho bà ngồi bên cạnh cô, để phòng khi lặp lại câu nào giám khảo hỏi mà cô không *thấy*

Về cuộc chấm thi Tiến sĩ Đại học có ba người giám khảo (2). Nếu cô đang chăm chỉ nhìn một người, mà có người khác hỏi thêm vào, cô không nghe, thời lấy đâu chú ý mà đây qua nhìn. Bà mẹ của cô ngồi bên cạnh, để « thông ngôn » trong khi có xảy ra như thế.

Tôi còn nhớ rõ, có một câu hỏi của ông Saldensperger làm cho cô ngơ ngẩn. Nào phải cô không hiểu, hay là không biết trả lời.

Công chúng rất cảm động, nghe cô xin lỗi : « Đèn giọi ngài không rõ. » (*Vous étiez mal éclairé*). Ông chủ khảo với tay xây cái chụp màu đạm thủy, ở trên đầu cần cây đèn điện, cắm trên bàn, trước mặt ông, và lặp lại câu hỏi.

Bấy giờ lời văn hoa bày tư tưởng sâu sắc mới nối nhau trên môi xinh xắng của cô Lavaud.

***

Cô gái ba mươi tuổi này, không đến hoa nhường nguyệt thẹn, nhưng « nghĩ cũng thường thường bậc trung ». Hai bên má, má tô ánh màu huân, rồi chuỗi cuốn đậu *anglais*, lồng một khuôn mặt có duyên và linh hoạt. Người khác lắt nguyên như cô, thời ngơ ngáo bơ bơ. So phận định cho cô trơ trọi, mà nhờ lay chữ, nhờ nói ra lời, cô vin bám được những cái lí oát mất tuyệt vọng cho người đồng bệnh với cô (3)

Sự may cho cô là đó, mà nỗi sầu kín đáo của cô cũng là đó.

***

Cô khảo về Lenéru —

Lenéru là bạn đồng sầu.

Bà văn sĩ kiêm kịch sĩ đầy trước đã xót thương cô Helen Keller người nước Mỹ, sinh ra đui, điếc và câm, mà chiến thắng được số phận, đem cảm tình tư tưởng mình ra hỏi cô tối tăm và lặng lẽ trong ấy mình vẫn bị gam cầm vĩnh kiếp. Cô Lavaud lại xót thương bà Lenéru.

Tựa trung, cũng một dượng như Nguyễn Du ta khóc Kiều, Kiều khóc Đạm Tiên, Tương ai, nhưng ấy là thượng mình.

***

Đọc luận thuyết về Lavaud trang 179, tôi cảm xúc vô cùng mà phê hai chữ « đoạn trường ». Đoạn trường nhất là câu nói về Lenéru :

(Xem tiếp trang 32)

1) *Marie Lenéru, sa vie, son journal, son théâtre. Paris, Société Française d'Editions Littéraires et Techniques, 1932.*

(2) *Chấm thi Tiến sĩ quốc gia có đến sáu người giám khảo.*

3) *Se raccrocher à tout ce qui la fait.* (Marie Lenéru, p. 36).

Một câu đối Tết

giữa thành phố Saigon

ĐÔNG-HỒ

TÂM đã sắp tàn rồi. Chung quanh chợ Bến-thành đã rộn lên rồi.

Những tờ báo Tết, những tranh phụ bản đã treo giăng-giăng trên các gian hàng.

Các thứ bánh mứt, các thứ dưa, các thứ trái đã đề lên như những ngọn núi.

Các hàng hoa giấy và những lẵng hoa xinh xinh rải rác khắp hàng phố, trong làn hương người tâm nước hoa thượng-hảo-hạng như mang lại cho một vùng vốn không có mùa xuân, những cảnh Hàng-châu, Giang-nam, cũng như những bức tranh tứ thời, bức vẽ tứ-hữu, lạc khoản những bài thơ, câu đối nét chữ bay múa sương kính như mang lại cho lòng người ta vốn quanh năm mê-mải trong cuộc vật lộn để cầu no ấm, những êm đềm của vận sự và lạc-thú đề thời.

Sáng mai thì đưa ông Táo rồi, mà cũng ngày mai thì các trường nghỉ Tết. Các học trò, có lẽ, đã chạy những diễn văn chúc Tết cho các thầy giáo, chạy những văn tế để tế ông thánh Văn-xương và cũng là dịp bè-bạn chia tay, thầy trò tạm biệt để về nghe tiếng pháo nổ ở chỗ thích nghe hơn hết. Cái tiếng pháo đó phải nghe ở nơi đó mới là thích-hợp. Cái tiếng pháo đó mà nghe ở nơi đó như có một cái gì thiêng-liêng lắm. Khi tâm hồn người ta đã bị tiếng pháo đó dội một lần rồi thì dầu cho đi xa cách bao nhiêu đất nước mà mỗi khi nghe hơi gió mới là cũng muốn chạy về để mà nghe cái tiếng nổ vui và ngửi cái mùi thuốc pháo thơm lẫn trong mùi hương nhang ngập gió giao-thừa.

Đã hơn 10 giờ đêm rồi, mà vẻ náo nhiệt của chợ đêm Saigon không kém đi chút nào.

Khách là một chàng lái buôn, đếm bước trên hè phố, cúi đầu ngẫm nghĩ như quay vào chốn xa xôi để tìm lại tâm hồn mịch. Cái tâm hồn mà người ta thường nhắc đến luôn, người ta nhắc đến để mà người ta thương tiếc nó, hay người ta khinh rẻ nó cũng có. Nhưng có một điều người ta ai cũng đều nghĩ như ai là cái tâm hồn đó nó không còn nữa. Nó đã chết lâu rồi. Nó đã trước-bạ vào sổ khai tử một lượt với cái tên anh lái buôn gửi vào sổ thuế sanh-lý, thuế môn bài của một hiệu buôn.

Mối băn khoăn đó sở dĩ phát sinh là mới nửa giờ trước đây, chàng lái buôn đi qua một gian hàng sách báo Tân Thiên hạ xúm lại giành nhau mua một quyển sách mới xuất bản.

Khách ghé lại nhìn. Mấy chữ «Thi nhân Việt nam» như làm cho khách tỉnh giấc mộng xa xôi, như bàn hoàn sống lại thời đã vãng. Chàng đứng xát vào dãy sách. Dở vội xem như tìm một cái gì mà chàng nghĩ tuy mới đánh rơi mà nó cũng hãy còn đâu đó. Nhưng mà thất vọng biết bao, khi đã lật qua hai bận từ đầu đến cuối, quyển sách đó, người ta kể ra ngót 40 thi nhân Việt-nam trong khoảng 10 năm nay mà người ta đã quên đứt cái tên chàng, cái tên mà chàng nghĩ nó phải có ít nhiều thi vị. Thì ra, trong văn- đàn thi-xã, người ta đã bỏ rơi cái tên chàng.

Chàng nghĩ có lẽ chàng bực tức, hay oán trách, hay buồn rầu về điều đó, mà lạ lùng thay, chàng thấy chàng vẫn thản nhiên như không.

Chàng nghĩ hay là cái tâm hồn thanh thú của chàng ngày xưa thực đã chết hẳn rồi. Chàng tìm lại nó xem nó có còn sót lại phần nào chăng.

Một hơi gió lạnh thổi thốc vào tóc chàng. Cái làn gió buổi năm tàn đó, trên phố vắng giữa kinh-đô, khiến chàng cảm thấy một nỗi

cô-đơn. Chàng mới hiểu được người xưa, sở dĩ làm sao ở một nơi quán trọ ngâm nên câu thơ mà ai cũng yêu được: « *Một năm đêm sắp hết; nghìn dặm khách chưa về!* »

Về với chưa về thì có làm gì ở cái con người lơ lửng đó. Có khi nào ai biết đích được cái chỗ nào là chỗ đám mây ngừng lại một buổi chiều tươi đẹp. Nhưng mà vì làm sao lòng người lại thấy bàn hoàn ở chỗ « *nhất niên tương tận* » đó.

Tâm hồn chàng không biết đã chết hay chưa, chàng đã tìm nó lại được hay chưa, chàng cũng không biết được. Duy có một điều chàng thấy được là chàng vẫn còn biết cảm như từ xưa đến nay người ta vẫn cảm.

Đã nửa đêm rồi. Ánh sáng xanh của những ngọn đèn điện hai bên đường Frère Louis về vàng Ô-ma đã buồn hơn, và đã lạnh hơn, như thấm xuống từng dưới mặt đường nhựa.

Chàng bước bước một, có cảm giác như bước trên tảng nước đá.

Chàng cố ý thử tìm một tứ thơ, để nghĩ làm một bài thơ về buổi năm tàn, cũng như những năm trên, những năm mười tám đôi mươi, cứ mỗi khi cây mai trước nhà bắt đầu rụng lá là chàng cũng bắt đầu sửa soạn những tứ thơ cho cái năm sắp tới.

Chàng lầm nhầm. Chàng cứ vấp phải những câu thơ cũ. Nếu không là « *ngũ dạ lậu thanh thôi hiểu tiễn, cửu trùng xuân sắc tảy tiên đào* » thì cũng « *Tháng tận năm cùng sự chẳng cùng, nửa đêm xuân lại nửa đêm đông* »...

Sao mà lần-quần thế? Chàng nghĩ là bởi tứ thơ của mình đã thực cạn hết rồi, hay bởi vì cảnh trí, tình sự về xuân, xưa nay người ta nói đã hết lời rồi. Chàng đi qua một gian nhà có lọe một bóng đèn. Chàng đã đi qua hơn một chút. Chàng quay lại. Không ngập ngừng, chàng bước vào, như bước vào một nhà người bạn cố giao.

Mọi người trong nhà đều còn thức. Ai cũng có công việc đang chăm-chú làm. Mọi người ngạc nhiên nhìn chàng. Ngạc nhiên nhưng mà không có vẻ xua đuổi. Có lẽ dáng điệu chàng không đủ đảm bảo cho một hành động phi thường. Không để cho chủ nhà kịp thu lại vẻ ngạc-nhiên đầu tiên khi tiếp người khách lạ, thì chàng đã tự nhiên ngồi xuống, từ tốn nói mấy câu xin lỗi vì đã làm quấy rầy chủ nhà giữa đêm khuya.

Mấy thầy sinh viên chăm-chắm mài đầu vào sách, có lẽ đó là một bài học ôn về cuối năm mà ngày mai còn phải trả nợ tất niên cho một ông giáo nghiêm khắc. Mấy cô nữ sinh thì đang dự định cái chương trình ngày mai phải thực-hành về phụ-nữ cần lao. Một ông giáo, tuổi còn trẻ lắm mà người đã già-giặn lắm, đang cúi rạp xuống tờ giấy bản khổ rộng, cầm ngọn bút lông nắn nót từng nét phẩy mũ mác tinh tả một bài văn tế cho học trò tế ông thánh văn học.

Mùi mực xạ ở chỗ mép con lý ngư tạc trên nghiên đá, phun ra một mùi thơm quen quen mà xa xăm.

Bên này, một chồng sách. Bên kia một chồng sách. Trước mặt là sách. Sau lưng là sách. Người ta như bị vây vào giữa những núi sách. Người ta như bị vây giữa đám thánh hiền, giữa rừng văn chương nghĩa lý. Có lẽ, cả gian nhà đó là một bài thơ, một bài thơ mà từ ban tối đến bây giờ chàng đi tìm mãi chưa được, thì chàng đã gặp nó ở đây rồi. Đã gặp rồi thì chàng không đành rời nó nữa. Cái mùi mực với cái mùi bụi giấy đó cho chàng biết bao nhiêu là thi hứng

Chàng khách lạ nhìn quanh gian nhà. Chàng thấy lòng mình ấm lại và vui lên. Mùa xuân đã đến trong tâm hồn chàng. Hoa thơm và cỏ đẹp đã nảy nở trong cảm hứng của chàng. Lòng chàng bằng bằng những niềm ý vui vui.

Chàng buột miệng nói lên như không từng nghĩ trước.

Cái mùi mực và cái chất giấy này giá mà được làm tài liệu cho một câu đối Tết thì đời mới không có sự đáng phàn nàn. Nói câu đó, vì chàng nhìn quanh thư phòng có nhiều chỗ khả dĩ cũng treo được những câu đối dài.

Một nữ-lang, gầy như cành phù dung bên bờ ao, đứng lên, lại chỗ tận-cùng góc phòng, mở cánh tủ con bằng gỗ mun, lấy ra đem đặt trước mặt chàng, hai cuộn giấy.

Chàng trải ra là hai bức giấy « hồ-diệp-hoa » mùi thanh-thiên điểm nhiễm ẩn-ước trên mặt giấy có những vệt mây

(Xem tiếp trang 63)

HOA XUÂN
TRONG VƯỜN VĂN-HỌC

TỊNH-ĐỀ *nữ-sĩ*

« Ngồi mà gẫm trăm hoa đua nở,
Mỗi hoa là riêng một sắc hương.
Khi chúa xuân khép nép bên tường,
Còn phong nhụy đợi Đông hoàng về cáng đáng ».

Đọc mấy câu trong bài « Yêu hoa » của Nguyễn-công-Trứ, tôi sực nhớ rằng người đời đã tặng cho phụ-nữ một danh-từ hay hay « hoa biết nói ». Phụ-nữ là một đóa hoa chẳng những về diện mạo mà còn về tinh-thần. Ít lắm, họ là *hoa xuân trong vườn văn học.*

Phải, phụ-nữ đối với văn-học có một liên-quan mật-thiết, mà văn-học không có phụ nữ chắc là kém vẻ uyển-chuyển, mỹ-miều.

Tôi không muốn kể dài giòng những bằng-chứng tỏ rằng từ xưa đến nay văn học các nước đã chịu ảnh hưởng của đàn bà. Ở đây, tôi chỉ nói phớt qua cái nguồn tài liệu thiên-nhiên mà phụ nữ đã cống hiến cho văn-học chủ-quan mà thôi.

Văn học nước nào cũng chia làm hai phần: khách quan và chủ quan. Văn học khách quan thiên về triết-lý và khoa học, nên dụng lý trí nhiều hơn, còn về chủ quan, thì lại nhờ ở tình cảm.

Theo sanh lý, đàn ông giàu tư tưởng hơn đàn bà, nên họ thiên về văn học khách-quan, trái lại phụ nữ chú trọng về văn học chủ quan là thứ văn học thiên về tình cảm. Tự nhiên là có những ngoại lệ. Thi sĩ nào chẳng « đa tình »? Ta đã thưởng thức nơi phải Lãng mạn và Đường thi những điệu trữ tình nồng nàn sôi nổi? Và hai mẹ con bà Curie có thể làm đại biểu cho đàn bà về phương diện cách vật tri-trí.

Nếu đàn ông đã đem khối óc ra đặng tìm những triết lý, những học-thuật, những phát-minh, dựng nên những công trình vĩ đại, thì đàn bà cũng biết đem quả tim mà hòa nhịp với những nỗi cay đắng bi thương của nhơn-loại, để ca lên những khúc êm ái du dương làm dịu mát cõi lòng cho kẻ đã đem khối óc giúp đời cũng như an-ủi những tâm hồn của người khốn nạn.

Có người bảo: « đời nầy là đời khoa học, thì văn chương cũng cần ở thực tế; chỉ biết có khối óc mà thôi, chớ con tim thì không cần thiết lắm ».

Nói như thế lầm. Nếu cái óc của ta cần làm bạn với những tư tưởng cao siêu, thì cái hồn của ta cũng cần phải thư-thới tiêu-dao với tác-dụng của mỹ thuật. Công trình mỹ thuật ấy, tức là văn học thiên về chủ quan.

Mỗi người của chúng ta đều có mang theo một cuốn sách nhơn loại (livre de l'humanité). Đàn ông vì khuynh-hướng về khách quan mà quên mất cuốn sách ấy. Đàn bà lại nhận thấy cái kho tàng quý báu đó, mà tùy theo ngoại cảnh nội tình kích thích mà tạo nên những áng văn chứa biết bao là tình tứ lâm ly.

Như thế thì văn-học quyết không thể thiếu tình-cảm của đàn bà được. Cái tình-tâm ấy, nó lại còn giúp cho đàn ông một cách gián tiếp rất đắc lực về văn học của họ nữa.

Những văn hào thi bá trên thế giới từ xưa nay mà được bất hủ đó, há hằng phải nhờ nơi ảnh hưởng của đàn bà một phần lớn hay sao?

Bây giờ trong phạm vi chật hẹp ta thử đề câu hỏi nầy: Việt nam có nữ văn sĩ, nữ thi sĩ nào đáng gọi là xuất sắc không?

Muốn trả lời câu hỏi trên kia, tôi tưởng không phải dựa theo thời kỳ hiện tại mà được. Trái lại ta cần phải tìm tới nguồn gốc của nó đã.

Muốn truy-nguyên cho có căn-cứ, tôi thấy rằng về văn-học phụ-nữ đã trải qua ba giai-đoạn như sau nầy:

Từ ngàn xưa, vấn đề học vấn của phụ nữ nước ta không hề có. Dở lại bao nhiêu sử sách vào thời kỳ Hán học thạnh hành, quyết không bao giờ thấy nói đến sự giáo-huấn của nhà trường đối với đàn bà con gái.

Chế độ xã hội và gia-đình lúc bấy giờ đối với phụ-nữ rất là chật chẽ, hẹp hòi và khinh miệt không thể tả xiết.

Trong gia đình cũng như ngoài xã hội, phụ nữ đã chịu thiệt thòi sút kém hơn đàn ông đủ cả các phương diện, thì sự học vấn có nhiên là không thể có được. Những trường học công và tư lúc bấy giờ không khi nào ai thấy

được cái bóng của một nữ sanh thấp thoáng ra vào nơi đó.

Chẳng những phụ nữ thời ấy không thể nưởng được ân huệ giáo dục của xã hội, mà còn không được qua lại các trường, đại khái như trường « Quốc tử giám » ở Huế. Bằng chứng là năm Minh-Mạng thứ ba, vua sắc xuống cho bộ Lễ phải cấm đàn bà con gái lai vãng nơi trường đó, lấy cớ rằng « Đi luân đường » trong Quốc tử giám bị xét đánh là bởi có dấu chơn của phụ nữ ra vào. Nhưng sự thật thì trước cái sắc chỉ ấy, đã có lịnh cấm như thế rồi.

Có chăng là những cô gái con nhà quí phái mới được cái diễm phúc là cha mẹ rước thầy đồ về nhà dạy học mà thôi. Cái học đó không ra ngoài bốn môn phong lưu tiêu khiển của những điều thơ khuê các là cầm, kỳ, thi, họa.

Nhờ nơi tổ-chức tư nhơn ấy — có ít, rất ít — mà thiên-tài phụ-nữ được phát triển một đôi phần. Những Đoàn thị Điểm, Hồ xuân Hương, bà huyện Thanh-quan đều là chứng cớ minh bạch. Bây giờ, với *Ngọc Anh thi tập* đáng ở *Nam phong*, là đứa con sống sót của thế hệ ấy.

Giai đoạn thứ hai, là thời kỳ ta tiếp xúc với văn học Tây-phương. Nữ học mới bắt đầu mở ra từ đó. Nhưng kể ra, cái danh từ « nữ học » ấy tuy đã có mặc dầu, song sự thật thì nữ sanh hãy còn hiếm lắm. Có nhiều gia đình còn bảo tồn hán học, không chịu cho con em họ đón tiếp văn hóa phương Tây. Mà người ta đối với con gái thì họ lại càng không ưng chịu hơn nữa.

Những phụ-nữ được đi học lúc bấy giờ phần nhiều là con ông Thông ông Phán ở thị-thành. Họ chỉ mưu cầu gây dựng cho họ một chức nghiệp để tiện bề sinh sống như là làm cô đỡ và bà giáo mà thôi. Đối với văn học họ không quan tâm lắm, hay có quan tâm chẳng nữa thì họ lại gặp phải một trở lực lớn lao là những chế-độ, thành-kiến và luân lý của gia đình xã hội, nên họ không phát-triển tự do theo thiên tài của họ được.

Từ vài mươi năm trở lại đây, phong trào giáo hóa phụ-nữ lần lần bành trướng. Đi đôi với giáo dục nhà trường, lại có báo chí sách vở phổ thông, cho nên chị em bạn gái đối với văn chương nước nhà không phải là người dưng nước lã nữa. Nhờ vậy mà ta được thấy trên mặt báo chí nay ngoài bìa những quyển sách gần đây có được nằm bảy danh hiệu khả ái của chị em là những bà và cô : Đạm-Phương Tương Phố, Vân-Đài, Mộng Tuyết, Nguyễn thị Kim, Phan thị Ngọc, Ngân-Giang, Anh Thơ, Tuyy-Ân, v. v.

Những nữ thi sĩ, nữ văn-sĩ ấy lẻ-tẻ như sao sớm thưa-thớt như lá thu. Đem họ mà sánh với nam văn sĩ hiện tại thì ta cũng biết trước cũng cần ngả về bên nào rồi. Thật là một điều đáng bi quan cho văn phụ-nữ nước ta!

Sự chậm tiến ấy là vì hoàn cảnh chớ không phải vì không có những tài hoa đâu, nền kinh tế của toàn thể không có mỏi vững bền, giáo dục của bình dân chưa được hoàn toàn phát triển, bao cái đó nào có phải là bảo đảm sanh kế, khuyến khích văn học của phụ nữ đâu.

Viết văn phải có nguồn cảm, phải có nghệ thuật. nhờ thực tế mà nguồn cảm mới được thay đổi, dồi dào ; nhờ đều luyện phụ lực với thiên tài mà nghệ thuật mới được cao siêu, trác tuyệt. Đàn bà nước ta chưa mấy khi được bước qua khỏi ngưỡng cửa thì mong gì thỏa mãn hai đều kiện đó.

Cũng thời là một câu chuyện một ý tưởng mà đàn ông phát biểu ra, người ta coi đó là sự thường. Đến như đàn bà có bộc lộ nỗi niềm tâng ẩn náu trong cõi lòng thì lại bị dư-luận kết án, luân lý khép

(Xem tiếp trang 29)

Tùng hứng

Xuân cảm

Thì - giờ thấm thoát tựa tên bay,
Tết mới ngày nào lại tết đây.
Hoa cỏ tiêu-giao cùng tuế nguyệt,
Công-danh hồ thẹn với râu mày.
Xuân về ngày loạn chừng lơ lảo,
Người gặp khi buồn cũng ngẩn ngây.
Say tỉnh cuộc đời cơn gió bụi !
Ngửa trông non Hồ, khuất từng mây !...

NHẬT-NHAM

HAI XUÂN ĐÁNH CHÀM

hay là làn sóng nam-tiến đầu tiên của dân-tộc Việt-nam

Mãn khánh DƯƠNG KỲ

Dân-tộc Việt-nam, sau khi bị người Tàu cai-trị, lẽ tất nhiên là nghĩ đến việc khuyếch-trương lãnh thổ bằng cách làm như vết dầu tiến lên vào Nam. Nhưng dưới được các chú con Trời, dân ta còn bận lo củng-cố lực-lượng của nước mình, để rời hẳn thời-kỳ phong-kiến mà đi đến giai-đoạn hợp-nhất (xem Tri-tân số xuân 1944, bài « Từ tinh-thần quốc-gia của dân nước Việt-nam đến sự thống-nhất của nước ấy »). Vì vậy, nên dưới các đời Ngô (939-965), Mười hai Sứ-quân (966-967) và Đinh (968-980), chưa vào đánh Chiêm-thành.

Dưới đời Tiền-Lê (980-1009) mới khỉ sự khai-chiến với Chàm. Vua Lê Đại-Hành đại thắng, phá kinh-đô Chàm, tuy chưa lấy tấc đất nào, nhưng cũng đã lấy trước việc Nam-tiến của dân-tộc ta: Ngài sai đắp con đường bộ vào châu Địa-lý (992). Người Chàm đã phập-phồng lo sợ. Để tránh người Đại-Việt, vua Chàm vội vã dời kinh-đô vào Vijaya (1) cách kinh-đô cũ 700 lý về phía Nam (1000). Nhưng tránh làm sao thoát. Ở Đại-Việt, nhà Lý lên cầm quyền: chính-trị cải-cách, trong nước giàu mạnh. Làn sóng Nam-tiến của dân-tộc Đại-Việt bắt đầu, vô cùng mãnh-liệt.

Rồi nhân hai xuân ấm-áp, gió thuận, sóng êm, người Đại-Việt bẻ thuyền vào hai lần, đại phá quân Chàm, lấy ba châu Địa-lý (2), Ma-linh (3) và Bố-chính (4).

***

Xuân Giáp-thân (Minh-đạo năm thứ 3, 1044). Đã mấy năm, tình như trong nước Chiêm-thành có loạn: thỉnh-thoảng ta thấy người Chàm tránh nạn chạy qua Đại-Việt (5). Người minh đời nào lại bỏ cơ-hội ấy mà không đánh Chàm. Vả chăng, đã 16 năm, không thấy nước Chiêm-thành ra triều-cống, rồi đến 1043, thủy-quân Chàm thình-lình kéo ra đánh miền duyên-hải.

Vua Lý Thánh-Tông liền sai sắp đặt để vào đánh Chàm. Nào là đóng hơn trăm chiến-thuyền, đặt tên: Long, Phục, Ngư, Xà, Hổ, Báo, Anh-vũ, nào là luyện-tập sĩ-tốt, nào là đặt quân-pháp rất nghiêm quân lính đào vong quá một năm thì bị đánh trăm trượng, thích vào mặt 50 chữ, không quá một năm theo nhẹ mà phạt, vân vân...

Sắp-đặt đâu đấy xong xuôi, đến tháng giêng năm Giáp-thân, Vua sai phân-phát khí giới cho quân-lính, rồi đến ngày Qui-mão tháng ấy, hạ chiếu thân chinh, cho Khai-Hoàng-vương Nhựt-Tông làm lưu-thủ chốn kinh-sư.

Người minh, trước khi làm một việc gì quan-trọng, thường tin điềm lành hay dữ, tiện việc dụng binh lại càng tin « tường thụy ». Vì vậy nên trong ngày Qui-mão ấy, Hữu-ty tế thần Núi, dâng lễ thiếu lao (một bò, một dê), được cái mặt (đầm) lớn bằng quả bưởi, liền đem dâng Vua. Vua phán:

— « Đầm (mặt) với đam (vui) đọc gần in nhau. Thiếu lao mà được mặt lớn, vậy là bắc ta ít mệt mà được nhiều vui (thiếu lao đại đầm). Chính là điềm mừng vậy ».

Rồi từ đây các điềm tốt luôn luôn theo đạo quân viễn-chinh.

Ngày Giáp-thìn, đại đội thủy-quân (6) từ kinh-sư kéo đi. Ngày Ất-tỵ đến Đại-ác hải-khẩu (7) vừa gặp gió thuận, sóng êm, thuyền đi rất lành: qua núi Ma-cô (8), mây tía che mặt trời, đến vịnh Hà-não một đám mây đi theo thuyền ngự. Chỉ trong ngày ấy, đại quân thấu Giai-nhà hải-khẩu, rồi ngày mai lại cũng thuận buồm xuôi gió vượt Đại-Trường-sa, Tiểu-Trường-sa (9), đến Ô-long hải-khẩu (10). Một điềm tốt nữa mà các cụ xưa viết sử không đời nào quên ghi: cá trắng nhảy vào thuyền ngự.

Nhưng vua Chàm Jaya Sinhavarman II (người minh gọi là Sạ-Đẩu) đã kéo binh đến, đóng trại bên bờ phía Nam sông Ngũ-bồ. Vua Lý Thái-Tông được tin ấy, liền cho quân lính đổ bộ, lập trận trên bờ phía Bắc sông Ngũ-bồ, rồi đánh trống, phất cờ, lùa quân sang sông giao chiến. « Gươm giáo chưa

chạm nhau » mà mặt trận quân Chàm đã vỡ tan tành. Tướng Chàm Quách-gia-Di thấy cơ ngay đã đến liền trở mặt, giết ngay Chiêm-vương, mang dâng tại trận. Quân ta thừa thế, thẳng tay chém giết : ba vạn quân Chàm bay đầu, năm nghìn bị bắt sống. Đồng nội ngổn-ngang xác chết. Vua Lý Thái-Tông động lòng xuống lệnh cấm giết càn : người nào không tuân thì bị tử hình. Trong trận ấy, quân ta bắt được hơn 30 thớt voi.

Thừa thắng, Vua kéo binh vào Nam, đến tháng bảy vào thành Phật-thệ (11) bắt hầu và vợ của Chiêm-vương cùng những cung-nhân biết ca múa khúc Tây-thiên, rồi sai sứ đi cùng các hương - ấp phủ dụ dân-chúng.

Đến tháng tám, Vua xuống chiếu ban sư. Kẻ chinh-phu lâm lúc cũng bàn lòng vì nhi - nữ, nhất là khi gặp gái Chàm, não-nùng và huyền bí. Về thăm Ly - nhơn (12), Vua cảm sắc đẹp của My-Ê, vợ Chiêm-vương, bèn sai người mời riêng nàng đến chầu. Nàng từ rằng :

— « Vợ mọi quê mùa, khôn sánh tày những bậc cơ khương. Nước tan, chồng chết, chỉ có một thân mà thôi, không biết ai nữa. »

Rồi nàng quấn chiến giao mình xuống sông mà chết. Vua thương trinh-tiết, phong làm « Hiệp-Chánh Hộ-Thiện Phu-nhân ».

Đánh được Chiêm-thành, thanh thế nước ta rung động « Trung-hoa ». Vua nhà Tống lo sợ, sai chuyển-vận-sứ Đỗ - Kỷ đem thêm quân lính đóng tại 13 nơi xung yếu để phòng ngừa quân của nhà Lý.

Không hiểu tại sao vua Lý Thái-Tông lại chẳng thừa cơ hội ấy mà giựt lấy mảnh đất chàm. Phải chăng là vì thế bấy giờ chưa lấy được có lẽ tuy thua, người Chàm vẫn còn mạnh, còn hãi sức kháng-chiến. Xem như việc sau khi thắng trận Ngũ-bồ, nhà vua muốn vào thành Phật-thệ mà phải đi đến sáu tháng trời (từ tháng giêng đến tháng bảy) thì nghĩ như vậy có lẽ cũng không xa sự thực bao nhiêu.

Dù sao, ta vẫn thấy vua Lý Thái-Tông đã bỏ qua một cơ-hội tốt, và nhường cái vinh-dự bắt đầu thôn-tính đất-đai nước Chiêm-thành lại cho vua Lý Thánh-Tông, như ta sẽ thấy sau này.

(Xem tiếp trang 38)

---

1) Người mình gọi là Phật - thệ hay Chà-bàn. Xem thêm chú - thích số 20.

2) Địa-lý là đất của Việt-thường hồi trước. Đời Hán thuộc quận Nhật-nam. Đời Tống là châu Địa-lý của nước Chiêm-thành. Đời Lý cải là Lâm-Bình. Đời Trần cải là Tân-Bình. Lúc (nước ta) thuộc nhà Minh cũng gọi thế. Đến đời Lê cải là Tiên-Bình. Nay là phủ Quảng-ninh, tỉnh Quảng-bình (Cương-mục, chính-biên, 29 a). Phủ Quảng-ninh bây giờ hãy còn.

3) Ma-linh là đất của Việt-thường hồi trước. Đời Hán thuộc quận Nhật-nam. Đời Tống là châu Ma-linh của nước Chiêm-thành. Đời Lý cải là Minh-linh. Đời Trần cũng gọi là thế. Nhà Minh cải là châu Nam-linh. Đời Lê đặt thành huyện, nay là đất hai huyện Minh-linh và Do-linh tỉnh Quảng - trị (Cương mục, chính-biên III 29 a b) — Huyện Do-linh đến bây giờ hãy còn (tục gọi là huyện Do) nhưng huyện Minh-linh thì nay đã đổi thành phủ Vĩnh-linh (tục gọi là phủ Vĩnh).

4) Bố chính — Châu Bố-chính hồi trước, dưới đời Hán, là đất đất của huyện Thọ lãnh, thuộc quận Nhật-nam. Đời Tống là châu Bố-chính của nước Chiêm-thành. Đời Lý cũng gọi thế. Nhà Minh—cải là châu Trấn-bình. Đời Lê lại gọi là Bố - chính, nội, ngoại, hai châu. Nay là ba huyện Bình-chánh, Minh-chánh, Bố-trạch ở Quảng-bình (Cương - mục chính-biên, III, 29 b). Huyện Bố-trạch bây giờ vẫn còn. Còn hai huyện kia thì cải thành huyện Lệ-thủy và phủ Quảng-trạch.

5) Năm Thông-Thụy thứ 5, (1038), con vua Chàm Địa-Bà-Thích chạy sang Đại-Cồ-Việt. Năm sau, Địa-Bà-Thích lại ra đem theo Lạc-Thuần, Sa-Đâu, La-Kê, A-Thát-Thích. Năm Càn-phù-hữu-đạo nguyên-niên (1039) tướng giữ trại Bố-chính là bọn Đỗ-Linh, Bố-Ca, Lang - Đà - Tinh đem theo hơn 100 bộ thuộc sang phụ.

6) Sách Cương-mục (tiền-biên, III 8 a) viết : « Vạn lô tề phát ». Ông Maspéro (Le Royaume de Champa, trang 135) viết rằng : « La flotte comprenait 10.000 rames » Tưởng dịch như thế không được đúng. Chữ vạn đây nghĩa là nhiều (muôn kỳ đa dã) chứ không phải 10 000

7) Đại-ác hải-khẩu. — Xưa gọi là Đại-ác hải-khẩu, nhà Lý cải là Đại an, nay là Liên hải - môn ở làng Quán liên huyện Đại an theo Cương-mục, tiền biên IV, 13 a). Chính là cửa sông Đáy đời xưa.

8) Núi Ma-cô. Có tên là núi Lê đỗ, nay ở ngoài biển Kỳ-anh, tỉnh Hà-tĩnh (Cương-mục, chính-biên III 9b).

9) Vũ-biên-tạp lục của Lê-quý-Đôn đọc theo bờ biển từ Nhật - lệ hải-môn vào thấu Minh-linh hải-môn gọi là Đại Trường - sa ; từ việt hải-môn, vào Nam thấu Tư dung hải-môn gọi là Tiểu Trường-sa (Cương-mục chính biên, III, 9 b 10 a).

10) Ô-long hải - khẩu ở lại phía Đông Nam huyện Phú - vinh, tỉnh Thừa-thiên. Đời Lý gọi là Ô long, đời Trần gọi là Tư-dung, đời Mạc (vì kiêng tên của Mạc-Đăng-Dung) gọi là Tư-khách. Đời Lê gọi là Tư-dung. Nay là Tư - hiền hải - khẩu (Cương-mục, chính biên III, 6b). Ông Maspéro viết sai thành Điền - long (Le Royaume de Champa, trang 135).

11) Xem chú thích số 20.

12) Ly nhơn nay là Phủ Lý nhơn ở Hànội (Cương mục, chính biên, IV, 14 b). Tục gọi là Phủ Lý thuộc Hà nam bây giờ.

Nhân Tết đến, đi tảo mộ

MỘT QUAN-NIỆM VỀ CUỘC ĐỜI

Nhật-Nham TRỊNH NHƯ-TẤU

Tục ta tin quỉ thần cho nên vẫn cho người chết có linh-hồn, có cảm-thông cũng như người sống. Sách *Trung-Dung* có câu : « Sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn, hiếu chi chí dã » (Phụng thờ tiền nhân đã quá cố cũng như lúc còn sinh thời và phụng-thờ tiền-nhân đã mất rồi cũng như lúc hãy còn. Ấy như thế là hiếu vậy.)

Vì có lòng tin tưởng như thế, nên hằng năm, ngoài tiết Thanh-Minh, gần Tết, ta vẫn thường đi tỉnh-tảo mộ-phần để thỉnh tiên-linh về nhà thờ phối-hưởng.

Đi đến chỗ mộ địa, thấy ngổn ngang gò đống, nghĩ đến tổ-tiên mình có người hương-hoa thờ phụng, có chỗ hương khói nương nhờ, ai là chẳng động lòng cảm thương mà nghĩ đến những mồ vô-chủ !

Kia, những lúc chiều đông bóng nhạt, gió bấc lạnh lùng, hay những buổi chiều tà mù-mịt, mưa sa lác-đác, ai qua mộ-địa, ngắm cảnh điu-hưu, lại nghĩ đến người xưa nằm đó, giữa vùng cỏ ấy, bốn bề vắng tanh, sao chẳng bâng khuâng man mác với bao nhiêu tình-cảnh sầu người !

Trong non, ngoài nội, dưới bể trên ngàn, biết bao nấm đất dầu-giãi tuyết sương, gió-giăng hiu-hắt, khói hương lạnh lùng !

Kia, những mồ thập loại chúng sinh vùi sâu ba thước : nào kẻ dọc, người ngang, nào quý, nào hèn, nào hiền, nào ngu, đều phách đơn, hồn chiếc, bàng-bạc trong cõi u-minh ! Hồn phách đã không có chỗ bằng-y, hài cốt lại không thân-thích thăm viếng, nông nỗi người xưa nằm đó, lòng nào lòng chẳng xót-xa !

Những kẻ đã chết hoặc vì chinh-chiến, hoặc vì tật dịch, hoặc vì thiên tai, hoặc vì đói rét, hoặc vì yêu thương kia, lúc sinh-thời, đã từng phấn-đấu với cuộc đời, mà tới nay không còn để lại một di-tích trên trần-thế, không còn ghi tên tuổi quê quán trong ký-ức người đời ! Tuy vậy họ cũng có công xây đắp cho nền tảng xã-hội họ đã dự vào công cuộc quay guồng tiến-hóa của hoàn cầu. Không một cái chết nào là vô-ích cả. Mỗi cái chết là một chuyển-lực của tạo-hóa, những nấm mồ đã họp thành nền-tảng vững vàng cho cái lâu đài nguy-nga sán-lạn của quốc-gia ; những di-hài dần dần tiêu-ma tạo thành đất thiêng của tổ quốc, một thứ đất phì-nhiêu đã từng mỗi mùa che phủ một mầu, do Hóa-công tô-điểm như hoa gấm.

Ta nên biết ơn người quá-cố, vì cái chết của họ cần cho sự sống của ta, vì theo công lệ của Tạo-hóa — nếu cây cối trồng trên mộ-địa đủ nuôi sống người đời — không có một sinh-lực nào là không do sức phá-hoại của Tạo-hóa gây nên.

Thảo mộc, cầm thú, nhân-loại đều theo cái công-lệ ấy cả. Chỗ nào, cái chết cũng đã in ngay từ lúc bắt đầu cuộc sống. Rễ cây đâm xuống đất để hút dựa mà chính trong đất chứa mùn cây đã nát. Trên cây lại có sâu bọ, cắn hại, chim chóc phá hủy. Rồi lại có các giống khác ăn thịt chim hoặc giết sâu bọ trên cây. Không một phút ngừng mà không một đời sống nọ hi-sinh cho một đời sống kia.

O' trên các loài thảo mộc và cầm-thú thì có loài người. Loài người tuy linh hơn vạn vật, có tình-cảm, biết yêu nhân-loại, nhưng cũng không tránh được cái công lệ tử sinh. Nhờ có công việc tiền nhân làm lúc sinh-thời, nên cuộc tiến-hóa của loài người không bị gián-đoạn, vì không một hành-vi, không một tư tưởng, không một nhời nói có ích cho công-chúng phải bỏ phí bao giờ.

Vậy thì ngoài bổn-phận đối với tổ-tiên, đối với ân-nhân của tổ-quốc, của nhân loại ta đối với bách-linh, nhân dịp Tết đến cũng nên cảm thương mà gửi tặng vài nén tâm-hương mà cầu-nguyện cho u-hồn được siêu-thoát.

Ta lại nên vì kẻ đã khuất mà tìm phương cứu khổ cho người hiện sống trong cảnh lầm-than cơ-cận.

Tiền-nhân có nhớ cũng nhớ ơn người trước, cho nên vì thương u-hồn oán-gửi không ai nhìn nhận, mà mỗi chỗ tha-ma mộ địa có lập am vài gian hoặc xây bệ lộ-thiên để ba chữ « Hàn-lâm sở » để thờ chung cả những hồn phách bơ-vơ.

Mỗi năm rằm tháng bảy, hoặc công làng xóm, hoặc riêng phường, riêng hội, góp tiền, gạo hay khuyên giáo, thiết đàn tràng tại cửa am để làm chay cầu nguyện cho bàn-linh, rồi thừa huệ phát chẩn cho những người sống trong cảnh bần-hàn.

Như thế là tiền-nhân thực-hành chủ-nghĩa « độ tử » và « độ sinh »: người chết cũng trọng mà kẻ sống cũng thương.

Ô ! biết bao anh-hùng bảo-kiệt, khí sinh-hiền dũng-mãnh oanh-liệt mà nay cũng chỉ vài ba thước đất, gò cao lồn-nhồn, cỏ mọc xanh rì! Nào những kẻ khôn-ngoan, những người vụng dại, lại biết bao người hưng công lập nghiệp, biết bao kẻ vong thân táng gia, người hiền, kẻ ngu, nào thánh, nào phàm, từ mấy nghìn xưa cho tới nay, tìm đâu cho thấy, chẳng qua cũng mịt-mù trong đám cỏ khâu, dưới những nấm mồ cao thấp !

« Trăm năm còn có gì đâu !
« Chẳng qua một nấm cỏ khâu xanh rì !...

Thực vậy! Trong vòng biến-cải thì không cái một vật gì mà không biến-cải. Gỗ đá vì kim cổ thay đổi mà biến-hình ; chim cá vì gió mưa thay đổi mà biến sắc ; non sông bởi biến-cải mà thành ảo ; núi khe cũng phải chịu kiếp gió bụi mà hoa cỏ cũng không tránh khỏi cuộc bể dâu !

Như vậy thì người thoát sao khỏi luật biến cải của Tạo hóa !

Kiếp phù-sinh như bình bọt-ảnh, trời đã bày ra cảnh không mà có, có mà không. « Vạn cảnh giai không » cả. Cho nên, sau trăm năm, còn có gì đâu, chẳng qua cũng chỉ là một dòng đất, một đám cỏ xanh mà thôi !

Nhưng trăm năm có được là bao, như thoi đưa như bóng câu qua cửa, như giấc mộng hoàng-lương, nếu không sớm biết tu thân, giúp ích cho đời, chỉ miệt mài trong vòng danh-lợi thì dù vinh-hiển bao nhiêu, đến khi bừng mắt dậy cũng chỉ thấy mình tay không !

Muốn cho người đời có một quan-niệm đến cái kiếp sống vờ, đến cái đời nổi, để khuyên người đời đừng phỉ tuổi trời phải chăm làm việc, cổ-nhân đã nêu nhiều tích còn truyền tới ngày nay :

Kia như tích Thuần-vu-Phần nằm ngủ thấy chiêm-bao đi đến nước Hòe-yên. Vua nước ấy gả công-chúa cho, lại bổ làm quan quận Nam-kha. Sau đánh giặc thua, phải cách chức mất vợ cũng chết. Khi tỉnh dậy thì chẳng thấy gì, chỉ thấy mình nằm ở cành phía Nam cây hòe. Nhân gọi chiêm-bao là giấc Nam-kha (kha là cành cây ; nam là phương nam).

Ấy chỉ trong một giấc chiêm-bao nhẩn-ngủi mà hiện ra cả một khung cảnh, tình và sự-nghiệp của một đời người. Cho nên nói cuộc đời tựa giấc Nam-kha vậy.

Lại chuyện chàng Lư chiêm-bao ở chợ Hàm-đan.

Lư-sinh đời Đường gặp đạo-sĩ họ Lã (Đồng-tân) ở quán chợ Hàm-đan. Sinh than nỗi mình cùng-khốn. Họ Lã rút cái gối trong đãy, trao cho sinh, bảo rằng: « Gối vào gối này, sẽ được vinh-hiển như ý sở-cầu ».

Bấy giờ, chủ-quán đương quấy nồi kê. Sinh nằm ngủ, thấy mình lấy vợ họ Thôi, đẹp và giàu. Sinh đỗ tiến-sĩ, làm quan đến Tiết-độ sứ, phá được giặc Nhung, làm tướng 10 năm. Có 5 con trai đều làm quan cả. Được hơn 10 người cháu. Sinh thọ ngoài 80 tuổi.

Khi bừng tỉnh dậy thì nồi kê hãy còn chưa chín. Sinh lấy làm quái lạ mà rằng: « Chuyện chiêm bao à ? »

Lã Đồng-Tân cười bảo : « Việc đời cũng như thế cả. »

Cái giấc chiêm-bao trong một đêm hay trong một lúc là cái giấc chiêm-bao nhỏ, cái giấc chiêm-bao trong một đời là cái giấc chiêm-bao lớn. Người không linh-ngộ, chỉ chìm đắm trong bể tham, là người sống cho qua ngày giờ trong giấc chiêm-bao cả. Cho nên muốn cảnh-tỉnh người đời bớt lòng dục-vọng để mau lo việc đời khỏi phí thì-giờ, ngày xưa ông Gia-cát-Lượng nằm trong lều cỏ, khi ngủ dậy ngâm bốn câu thơ :

Đại-mộng thùy tiên giác ?
Bình sinh ngã tự tri
Thảo-đường xuân thụy túc
Song ngoại nhật tri-tri.

Dịch

Giấc mộng lớn này, ai tỉnh trước ?
Bình-sinh ta tự biết mình ta.
Ngày xuân đẫy giấc trong am cỏ,
Ngoài cửa từ-từ bóng ngựa qua

Cuộc đời dã như giấc mộng mà đường đời chấp-kềnh nhiều bước chông gai, thì thân mình ở trong đời có khác chi con thuyền giữa lớp sóng cồn,

(Xem tiếp trang 28)

NHỮNG XU HƯỚNG

VĂN HỌC VIỆT-NAM TRONG NĂM QUA

KIỀU-THANH-QUẾ

Trong khi viết bài này, tác-giả ở miền Nam, gặp lúc sách vở bị ngừng bước « Nam tiến » từ hồi tháng tám tây tới giờ, nên không thể nói kỹ đến những tác phẩm mới ra gần đây được. Vả, chỉ ý bài này chỉ cốt phác sơ mấy nét về xu-hướng văn-học Việt-nam 1944, chứ không phải làm việc tính sổ văn-học một cách kỹ-càng tỉ-mỉ, nên rất có thể chỉ chép đại cương, mà lược bỏ tiểu tiết. Vậy mong các bạn thân mến lượng xét cho.

T. T.

Trong năm qua, điều đáng mừng: bình như sách giá đắt đến đâu cũng không đủ bán cho sự ham đọc của người xứ ở. Người ta thi nhau mua nhiều, nhất các sách giới thiệu danh nhân và học thuyết ngoại quốc. Tiểu thuyết dịch của nước ngoài cũng bán chạy. Tiểu thuyết sáng tác ngày một ít đi. Nhà tiểu thuyết đã có tên viết mãi, người ta cũng phát chán. Nhà tiểu thuyết mới, người ta còn dè dặt chưa dám tin. Nhà xuất bản bao giờ cũng chiu theo độc giả. Đáng lẽ đem in những quyển tiểu thuyết mỏng mảo như ngày xưa, người ta cho xuất bản những cuốn « sách nghiêm trọng » dày dặn. Trong lúc số sách in ra ngày một nhiều trong xứ, nhà xuất bản nào cũng sợ cuốn sách mình đưa ra bị chìm giữa các sách khác. Vì thế có sự hữu ý của các ty xuất bản trong xứ trước sự rán làm cho bất luận cuốn sách nào in ra cũng là một đống giấy kếch sù. Người ta đã có dịp mỉm cười trước cuốn *Quê hương* của Nguyễn Tuân. Nếu không muốn phí giấy một cách vô ích để lấy cái « bề ngoài to tướng » quyển tiểu thuyết ấy rất có thể không kếch sù như thế. Quyển tiểu thuyết gần như vô giá trị ấy cũng bán chạy được ngay với các sách giới thiệu học thuyết Đông Tây, là nhờ thớt lưng bồ tượng của nó. Độc giả đa số, trong khi tiêu phí bằng thêng một số tiền to gấp mười lần số tiền mua sách ngày trước, đến cuối năm muốn còn giữ được ở tủ sách gia đình những cái gì đẹp mắt. Quyển *Quê hương* cũng như bao nhiêu quyển tiểu thuyết khác cố khoác lấy bộ áo to rộng đều thỏa mãn được ý muốn ấy. Những « cái gì đẹp mắt ấy không bắt buộc phải được tôn trọng Quyển sách dày nếu không hay vị tất nó đã được quí mến. Ngoài ra người ta còn thấy cô nhà xuất bản in sách biên khảo với cái bề ngoài lòe lẹt như bìa tiểu thuyết trinh thám hay diễm tình. Người ta đã có dịp ngắm bìa cuốn *Trông giòng sông Vị* (tái bản) của Trần thanh Mại và bìa cuốn *Hát dặm Nghệ Tĩnh* của Nguyễn Đổng Chi Nếu chưa đọc và suy nghĩ dám phút về cái tên của hai quyển sách ấy, cố khỏi ai không bảo đó là hai quyển sách tiểu thuyết thuộc loại Tử trầm A? Nhất là cuốn sách của Trần quân: với cái tên của nó, ai chưa từng nghe nói đến nó lần nào, vị tất đã đoán được nó biên khảo về Tá Xương, khuống hồ nó lại khoác lấy cái bìa đầy hoa lá lòe lẹt!... Đã đành nhà văn không nên quá chiu theo ý muốn của độc giả cả đến các nhà xuất bản, cũng không nên quá xu phụ theo công chúng. In một cái bìa lòe lẹt khoác cho một cuốn sách nghiêm trọng, tuy cũng dỗ dành được một số độc giả không thích loại sách « bề đầu » phải bỏ tiền ra mua, nhưng làm mất biết bao nhiêu thiện cảm của hạng độc giả không thích những cái lố lăng.

Thái độ các nhà xuất bản, tâm lý độc giả ở xứ ta trong năm qua là thế! Còn các nhà cầm bút, xu hướng của họ ra sao trong quãng thời gian ấy?

***

Về *Thơ*, từ khi thơ của nhóm Xuân Thu tạ thế rồi (1), thi sĩ Việt Nam đa số quay về với thơ Đường. Trong năm qua, một tập thơ đáng để ý: *Mây* của Vũ hoàng Chương

1) Xem lại bài của tôi nói về nhóm thơ ấy đăng Tri Tân số 134, ngày 16 mars 1944.

Phần nửa tập thơ ấy đựng những tứ thơ vọng quê hương Hồ Tùng Linh (xem những bài *Cảm thông*, *Đêm đông xem truyện quỷ*, *Mỉa truyện hồ ly*, *Tình Liêu Trai*, *Giang Nam người cũ*, *Dâng tình*, *Đào Nguyên lạc lối*, *Hơi tàn Đông Á*) Những câu thơ rất đẽo gọt trong những bài thơ ấy phảng phất phong vị Đường thi:

Qua rồi thuở ấy tình sâu nặng
Trăng mới cuồng si nụ bán khai.
Ta nhớ tiền thân, phảng lại ngỡ...
Giấc hồ thơm tóc gái Liêu Trai
(Cảm thông)

Nhưng thơ Vũ hoàng Chương cũng có bài rất mới: mới từ lời đến điệu thơ:

Sao lìa ngôi, phương hướng ngã bên mình.
Cơn lốc rồi,
Đờn tiên thôi gọi,
Âm thầm xa bặt tiếng tiêu.
Nhưng mê man say uống miệng người yêu,
Ta cũng như Nàng,
Cảnh mộng chốn Bồng Lai đâu nhớ tới.

***

Hai xác thịt lẫn vào nhau mê mải,
Chút thơ ngây còn lại cũng vừa chôn
Khi tỉnh dậy, bàn như nơi Hạ giới
Đã dâng lên ngập quá nửa linh hồn.
(Tối tân hôn)

Vũ hoàng Chương cũng như một số nhà thơ mới hiện đại không dám táo bạo đi hẳn theo ảnh hưởng thơ Pháp, mà cũng thấy buồn rủ và già xọm nếu mình cứ khệnh khạng noi theo mãi con đường thơ Đường.

Về Kịch suốt mùa kịch năm ngoái từ 1er octobre 1943 đến 30 mai 1944, ở Hanoi và các tỉnh Bắc hà, người ta đã được xem diễn những vở của các danh sĩ như: *Tục lụy*, *Đồng bệnh*, *Nhất Tiến*, *Khúc Nghê thường*, *Cận cả*, *Cóc tía*, *Quyển sách ước*, của Khái Hưng; *Gái không chồng*, *Tào quân*, *Xuân tươi*, của Đoàn phú Tứ; *Lệ chi viên*, *Kinh Kha*, *Kim tiền*, *Trầm hương đình*, của Vi huyền Đắc; *Phạm Thái*, của Phan khắc Khoan; *Vân mười* của Vũ hoàng Chương; *Quán biên thùy* của Thao Thao.

Vở *Tục lụy* của Khái Hưng, nhà thơ Thế Lữ và nhạc sĩ Lưu hữu Phước đã dem phổ thành ca kịch diễn theo tiếng đàn đu dương réo rắt. Những vở kịch thơ đem diễn được công chúng thích hơn kịch nói. Thế không phải kịch thơ hay hơn kịch nói, Nhưng lời thơ và âm nhạc bao giờ cũng dễ cám dỗ hạng khán giả không thích suy nghĩ nhiều. Trong năm qua, vì thế, kịch thơ xuất hiện rất nhiều: lớp ra thành sách, lớp còn in báo. Nhưng rồi không chắc địa vị kịch thơ có thể vững chắc hơn địa vị kịch nói được...

***

Về *tiểu thuyết* sau quyển *Lều chõng* tả chế độ khoa cử thời xưa của Ngô Tất Tố, xu hướng phục cổ trong tiểu thuyết còn được tiếp tục bởi những quyển *Bút nghiên*, *Nhà nho*, *Mợ tú Tân*, của Chu Thiên, *Thanh đạm* của Nguyễn công Hoan, Nhưng có tánh cách vỡ lại thời xưa đầy đủ nhất có lẽ tập truyện ngắn *Vang bóng một thời* của Nguyễn Tuân được dem tái bản trong năm qua.

Trong năm qua, tôi có tiếp được thư của mấy nhà xuất bản trong đó họ bảo tôi nếu có viết tiểu thuyết nên viết tiểu thuyết giáo dục và tiểu thuyết lịch sử. Thế rồi, tôi thấy người ta dem tái bản quyển tiểu thuyết giáo dục: *Tấm lòng vàng* của Nguyễn công Hoan. Lê văn Trương chuyên viết truyện cho đàn bà xem, trong năm qua, cũng cho in mấy quyển tiểu thuyết giáo dục: *Anh em thằng Việt*, *Ba ngày lưu lạc*. Tiểu thuyết lịch sử của Phan trần Chúc, Chu Thiên, Nguyễn huy Tưởng, Nguyễn triệu Luật, người ta cũng xuất bản nhiều.

Còn một xu hướng tiểu thuyết nữa trong năm qua: quay về đồng quê. Một giải thưởng văn chương đã về tay tác giả *Bóng tre xanh*, Kỳ Tâm Đỗ thúc Vịnh.

Xã hội Việt-nam có bao nhiêu phong tục kỳ lạ, tưởng đến bao nhiêu cuốn phong tục tiểu thuyết cũng không cực tả hết được nạn tảo hôn đã bao nhiêu lần được nói đến, trong đó ai cũng thoáng hiểu rằng một người con trai lấy vợ hồi hãy còn ít tuổi hay một thiếu nữ có chồng hồi hãy còn trẻ dại. Có ai ngờ rằng dưới *Bóng tre xanh* (2) còn có câu chuyện buồn cười của một cậu bé còn bà mẹ lấy vợ lớn hơn mình những mười tuổi. Nào cậu đã biết gì! Chẳng qua cha mẹ cậu tưởng rằng lấy vợ cho cậu, kỳ thật là cưới dâu cho có người giúp việc trong nhà. Cậu Thành, con ông bà Chánh trong truyện, là con một. Cha mẹ cậu cưới Mơ cho cậu. Mỗi tối Mơ ẵm cậu đi ngủ. Vợ phải ẵm chồng đi

(*Xem tiếp trang 30*)

2) *Đào Lộ thư xã xuất bản, 1944*

CÂY QUẤT NGÀY TẾT

LIÊN GIANG

Người mình thường hay chơi cây quất để bày cảnh trong những ngày tết Nguyên-đán. Chợ Đồng-xuân ở Hà-thành, trong những ngày cuối năm, thì dân tranh nhau đi mua cây, chọn cây, chỉ sợ nhà không có chậu quất để vui tết. Cho nên người trồng thứ cây nhỏ này cũng chiều ý thế gian mà cung cho đủ, đến nỗi cái thứ cây mà có những quả đỏ tươi và bóng nhánh ấy chiếm gần hết một gian hoa thảo. Thủy tiên, họ cũng ưa cúc, họ cũng chuộng, các thứ kỳ hoa dị thảo họ cũng vẫn thích, nhưng không thiết tha nồng nàn bằng thứ cây quất dung dị này. Mỗi gia đình có mâu mặt tất phải có và; bốn chậu cây đầy những thứ quả đỏ mầu cá vàng này để nó ăn mầu với sắc mặt bốc đỏ lên vì rượu mùi, vì rượu sen, rượu cúc, vì trầu cau tươi, cho nó nồi, thêm phong vị ngày tết.

Nay giả có ai hỏi cái thú chơi quất thấy ở chỗ nào, họ sẽ trả lời rằng ngày xuân, chẳng ta đã chơi hoa phải biết chơi quả. Chơi quả đỏ cho quanh năm được gặp những vận đỏ; cái vận đỏ, thiên hạ ai là người không ước ao. Nếu ai cái năm mà hỏi cái tục chơi quất có từ bao giờ, và vì đâu sinh ra tục ấy, thì phần nhiều họ mỉm cười rằng: truy nguyên mà làm chi, người chơi, ta cũng chơi, người cười, ta cũng cười; thế gian chẳng lắm cái tục đua nhau vô nghĩa lý hơn thế, mà có cần biết nguyên-lý mà làm chi! Mồng ba tháng ba, ta ăn tết Hàn-thực, mồng năm tháng năm ta ăn tết Đoan-ngọ, rằm tháng tám ta ăn tết Trung-thu trẻ con người lớn vui vẻ về tục chơi rước sư tử, rước rồng, ta chẳng thấy đó du!

Ai có bảo rằng trong tết Hàn-thực, ta làm bánh trôi bánh chay để kỷ niệm Giới tử-Thôi; trong tết Đoan-ngọ sửa cỗ bàn để truy điệu Khuất Bình chăng nữa thì phỏng tết như thế có làm sao chưa? Danh nhân nước Tàu, người Tàu họ thương xót, ta có thương xót cũng là thương xót người thế giới. Đức thánh Khổng xưa đã nói: «Cái cung của người nước Sở đánh mất, thì người nước Tần nhặt được hay người thiên hạ nhặt được cũng vậy mà thôi». Vả chăng, ta có kỷ niệm họ Giới và họ Khuất chăng nữa, cũng vẫn là kỷ niệm ở trong tư-tưởng gián tiếp, chớ cỗ bàn bánh trái, ta vẫn để lên bàn thờ ông bà ông vải nhà ta, và sau khi thắp nén hương cửa thiên, mồm ta và trí ta vẫn lầm nhầm thụy-hiệu của các ngài. Múa sư tử hay múa rồng tuy ta bắt chước tục tàu, nhưng thực sự họ có tục chơi những đầu con vật bằng giấy dị dạng ấy trong tết Trung-thu của họ đâu? Vì dù có ông già bà cả biết nguyên do cái tục chơi ấy của người Tàu có một ý nghĩa khác, mà bấy nay ta bắt chước không phải đường, thì sự bắt chước thành cái tục ấy nó đã hoàn toàn việt-hóa rồi còn gì nữa. Ấy, các ông già bà cả nói rằng: từ năm xửa năm xưa, cái năm mà vua Quang-Tự nhà Thanh lên ngôi, và cái năm mà Tây-Thái-hậu của họ ăn thọ, các hàng bang của họ ở bên nước ta được mở hội khánh hạ. Họ phải tổ chức một cuộc biểu diễn long trọng có tính cách tôn quân, phải có những cuộc rước sách linh đình. Trong đám rước hàng bang phải xuất tử đệ đóng những bộ tuồng: vua Nghiêu vua Thuấn với Nga-Hoàng Nữ-Anh, Văn vương cầu hiền, Chu công phụ Thành vương, Tây Hán tam kiệt, Tây-vương-mẫu và quần tiên, vân vân... Tốn nhất phải dựng công chế tạo một con rồng và đầu một con thụy sư bay kỳ lân. Cái thâm-ý cuộc rước này là chúc cho vua mới đăng quang, và Thái-hậu của nước họ được hưởng thịnh-trị như đời xưa và thánh thọ vô cương vậy. Ta chẳng xem xưa những đời thịnh-trị, chép ở sử sách, thường có rồng xanh hay rồng vàng xuất hiện, và khi có thánh nhân ra đời, thiên hạ có người được trông thấy con kỳ lân. Đó là truyện đời xửa đời xưa nên lâu nay dân Tàu họ không thấy những vật dị dạng ấy nữa, họ thèm muốn họ ước ao, nên họ tưởng tượng mà chế tạo những con vật tưởng tượng ấy bằng giấy để biểu diễn, ngõ hầu để tưởng tượng lại thấy đời thái bình. Ta chẳng xem ngay như ở sử ta, đời vua Lý Thái-tôn, có rồng hiện hình ra ở điện Càn-nguyên và ở đời vua Trần Thái-tôn, giống vật linh-dị ấy lại hiện ra ở sân nơi cửa-ngã. Ta cứ yên trí rằng các tay soạn sử của ta không khi nào bắt chước các nhà soạn sử của

(Xem tiếp trang 41)

The new year

LORD TENNYSON

Ring out, wild bells, to the wild sky,
The flying cloud, the frosty light;
The year is dying in the night:
Ring out, wild bells, and let him die.

Ring out the old, ring in the new.
Ring, happy bells, across the snow;
The year is going, let him go;
Ring out the false, ring in the true.

Ring out the grief that saps the mind,
For those that here we see no more;
Ring out the feud of rich and poor,
Ring in redress to all mankind.

Ring out a slowly dying cause,
And ancient forms of party strife;
Ring in the nobler modes of life,
With sweeter manners, purer laws.

Ring out the want, the care, the sin,
The faithless coldness of the times;
Ring out, ring out my mournful rhymes
But ring the fuller minstrel in.

Ring out false pride in place and blood,
The civic slander and the spite;
Ring in the love of truth and right,
Ring in the common love of good

Ring out old shapes of foul disease;
Ring out the narrowing lust of gold;
Ring out the thousand wars of old.
Ring in the thousand years of peace.

Ring in the valiant man and free,
The larger heart, the kindlier hand;
Ring out the darkness of the land,
Ring in the Christ that is to be.

Năm mới

CACH-CHI *phiên dịch*

Nổ lên pháo, nổ vang giời cả,
Cho mây bay, cho rá tan ra;
Năm già đã chết đêm qua,
Nổ lên pháo, để năm già nghỉ an.

Vang lên nổ, nghinh xuân, tống lão,
Nổ vang lên mà ngạo tuyết sương;
Năm già đi, chớ ngăn đường,
Nổ vang tiễn chính, nổ vang thoái tà.

Vang lên nổ tiêu trừ phiền khí
Của cố lòng, khóc kẻ li trần;
Nổ vang hòa hợp phú bần,
Nổ vang kiều chỉnh muôn vàn bất công.

Nổ tan những bất cùng khiếu nại.
Thói hủ xưa, đảng phái tranh rành;
Nổ vang thiện cải dân sinh,
Ôn hòa tiếp vật, lêm minh trị người.

Nổ cho tuyệt, thói đời khinh bạc,
Hết lo phiền, tội ác, thiếu cần;
Nổ tiêu những đ ệu khóc than,
Để cho nẩy những khúc đà vui tươi.

Nổ cho tịt thói đời rèm tỵ,
Lòng kiêu căng giống quỷ, ngôi cao;
Lòng yêu chân lý rước vào,
Lòng yêu điều thiện đón chào, nổ rao.

Nổ vang giải muôn vàn ác trứng;
Nổ sạch lòng thờ cùng bò vàng;
Nổ vang tắt lửa tranh cường,
Nổ vang đón chộ vô cương thái-bình.

Nổ rước kẻ tung hoành, tự tại,
Lòng nhân từ, bác ái hơn xưa
Nổ vang tan cảnh âm u,
Rước vi độ thế, độ cho người đời.

Bắt gặp mùa Xuân

Mái Trăng non, ngày năm tàn

TUYẾT *tiên người*

Chị Bân,

Thư vừa rồi chị phàn nàn là từ ngày về Nam chị vẫn nhớ cái lạnh mùa đông của phương Bắc. Còn tìm đâu được cái thú mặc dủ áo ngự hàn, rồi thì lang thang ngoài phố để cho gió sương gội giá hai vai.

Than ôi! ở trên cái dẻo đất vô tình cảng tạo vật này mà muốn sống theo với thời tiết từng mùa thực là một điều khó.

Mùa xuân không hoa, mùa thu không lá rụng. Đến như mùa bấc là một mùa của gió lạnh thổi hanh, khiến cho người ta héo hắt khô khan, mà xuân về không tìm thấy một chút Dương xuân hòa dịu nào. Những nắng là nắng. Suốt năm trừ mùa mưa ra, còn thì là một mùa đăng đặc nhấp nháng nắng vàng.

Tuy không đến nỗi là lửa nắng chang chang thiêu đốt của mùa hè phương Bắc, nhưng mà sống mãi đều đều như thế, nhiều phen cũng thấy thiếu sót một cái gì.

Tiếc rằng mình không có đôi cánh của con hồng con nhạn để mà lánh hẳn tự thử theo mùa, chị Bân nhỉ!

Dạo này những chủa vườn ở dọc con đường về Rẫy của tôi, những nương bông vạn thọ đã xanh khắp vườn, và loáng thoáng điểm nhưng nụ hoa vàng rải trên cành lá lăn tăn xanh mát.

Những buổi chợ sớm mai đã lưa thưa chất mấy hàng dưa hấu đầu mùa.

Bông vạn thọ và dưa hấu là hai món hoa quả đặc biệt của mùa Tết ở miền này.

Ngày nhỏ, làm con nít ở Hà-tiên, chắc chị không từng kết cánh hoa vạn thọ từng xâu dài để mà đeo vào cổ làm món trang điểm quê kệch của những cô gái nhà vườn; nhưng mà có lẽ Bân đã từng khoét dưa hấu làm đèn, đốt nến vào mà xách đi chơi chợ Đêm. Cái đêm chợ Đêm độc nhất trong năm vào ngày 29 tháng chạp.

Ngày nhỏ, cái thú vui của những ngày áp Tết là vòng hoa vạn thọ và lồng đèn quả dưa đỏ.

Mấy năm nay, đèn nầy hiếm quá, các bà mẹ trong gia đình mua được một đôi nến để mà đốt trên bàn thờ trong ba ngày Tết còn khó khăn thì có đâu thừa thãi đến cho trẻ con chơi đèn dưa hấu nữa. Cho nên mặc dầu là « dưa hấu chất cao hơn nóc chợ » đi nữa, cái đêm chợ tối đẹp mà vui vẻ trong một năm người ta cũng vẫn không thấy bóng một lồng đèn dưa nào.

Cứ như cái ngữ này mãi thì rồi cái ca bàn tay khéo léo thường tỉa những bông hoa, đêm chữ gọt hình rồng trắng trên nền vỏ dưa xanh dòn của chiếc dưa ngâm nước cho mọng trái sẽ trở nên vụng về mất thôi!

Đó là một nghề chơi phong nhã mất đi cũng đáng tiếc đấy, Bân ạ!

Đã nhiều năm rồi, có lẽ từ ngày thôi chơi kết vòng hoa, thì tôi không còn thấy bông vạn thọ là đẹp nữa. Cái thứ hoa cánh nhỏ lăn tăn, lá nhỏ lăn tăn có mùi thơm ngai ngái ấy không gợi cho tôi một hương vị gì, một hứng cảm đẹp gì, về loài hoa thảo.

Nhìn những luống hoa vạn thọ sinh sống mạnh mẽ một lớp hoa vàng trải trên từng đám lá xanh xanh kia, tôi chỉ thấy cái cảm giác vui vui như khi nhìn một luống cải xanh hay một đẫy củ cải trắng lớp trong vườn.

Nó gợi cái cảm tưởng khi nhìn vườn rau xanh mọng đẫy sinh-tố hơn là cái cảm tưởng rực rỡ yêu kiều khi nhìn vườn hoa thơm đẹp.

Không tìm thấy ở loài hoa đó cái thú chơi cao nhã của các bông hoa. Có lẽ tôi đã chịu cái ảnh hưởng này của cha tôi trong đôi câu đối tập cổ dán ở cổng sân nhà:

Mạc hiềm lão phố thu dung đạm
Do hữu hoàng hoa vãn tiết hương.

Ngày Tết, không bao giờ cha tôi chơi hoa vạn thọ mà chỉ chơi toàn hoa mai.

Có lẽ chị Bân cũng còn nhớ mấy gốc mai vàng trước sân nhà đấy nhỉ! Những cây hoa đã cao

lớn ngang những cây cổ thụ đó, chính cha tôi đã đánh giống ở trên núi Bình-san mang về từ hồi còn là một chồi non mỏng mảnh.

Mỗi năm, cứ đến tối rằm tháng chạp là cha tôi lặt sạch lá mai, còn lại những cành trơ. Đó là cái thuật giục hoa nở thịnh vào lối nửa tuần trăng sẽ tới.

Thế là vào khoảng thượng tuần tháng giêng, những gốc mai vàng, gốc nào gốc ấy trổ hoa là hoa, những chùm hoa vàng mịn, cánh mỏng mảnh trĩu cành non.

Hoa tươi hương ngát quyến về biết bao nhiêu là ong, là bướm, mùi thơm của nhị hoa, tiếng động của loài ong bướm, màu vàng tươi của cánh hoa làm phấp phới tưng bừng huyên náo cả một vùng.

Muôn cánh mai vàng muôn cánh bướm
Tưng bừng yến tiệc náo làng hoa.»

Đó có lẽ là một chút tin xuân của chúa Đông hoàng gởi về cho trần giới.

Ấy mỗi năm tôi vẫn ăn tết với cái mùa xuân nho nhỏ ấy, chị Bản ạ!

Kể từ khi hoa đơm nụ, cho đến khi thịnh khai rồi đến kỳ linh lạc thì vừa hết tháng trọng xuân.

Hoa rụng trong khi cành vừa đâm lộ, lá non mơn mởn, mỏng nhẹ trên cành tơ, phấp phới lá rung, lơi bờ sẽ rụng. Lả tả từng điểm trên nhẹ như bông. Một cơn gió nhẹ là một trận mưa vàng. Màu vàng ở trên cành mà vương rải xuống khắp nơi.

Chị Bản ạ! Mỗi lần nhìn trận mưa hoa tôi đều buồn cười khi nghĩ đến chị Lê ảnh ngày xưa. Hoa rụng đẹp như kia, nhìn không kịp chán, đất trải hoa như gấm dệt cau chi mà khóc mà chôn. Ôi! thực là một chuyện vớ-vẩn không cùng, Bản nhỉ!

Thử nghĩ mọi vật ở đời này, khi sắp lìa đời có cái gì lìa đời một cách tốt lành đẹp mắt được như hoa không.

Hoa rụng là cả một bài thơ đẹp, chứ chưa chắc là vận thơ sầu đâu, Bản ạ!

Cho nên đọc câu:

Gió bay linh lạc vườn thân thế
Như cúc, vàng rơi cánh tuổi thơ.

của bài thơ thứ mười tôi đã gởi cho chị đó, chị nên nhận cái hình ảnh đẹp khi cánh rụng. Than ôi! tuổi thơ của ta nó không đến nỗi là hư hoài, thì cái sự rơi rụng của nó càng thêm xinh xắn.

Hoa sắp lìa cành gởi gió hương,
Lời chào vĩnh biệt với muôn phương.

câu thơ dịch kia hà lại không cùng có cái hình ảnh đẹp đó hay sao?

Huống chi, sau tuổi nhìn hoa hay là tả lại còn cái thú ngâm câu thơ:

Hoa lạc, gia đồng vị tảo,
Điểu đề, sơn khách do miên,

Bản ạ! Đã có một bạn thơ từ cái xứ xa xa kia vào làm khách nơi đây ngày năm trước, để mà học thuộc lòng câu thơ Đường nọ.

Nhưng mà khách vào đây thì lại vừa gặp lúc có người ngâm câu thơ:

«*Đã hết mùa trăng, đã hết hoa...*»

cho nên trăng không có đã đành, mà hoa cũng lại không có nốt, mặc dầu là hoa rụng trên sân đó mà nhìn khi hồ gia đồng chưa kịp quét.

Nghĩ mà tội nghiệp cho người bạn thơ «thiên lý vô duyên» của tôi.

Thật đấy, chị Bản ạ! Xuân năm ấy, vườn «muôn hương» không có mùa hoa. Rằm tháng chạp là tuần lặt lá mai. Cha tôi mất đi đúng vào cái ngày đó. Mai không ra hoa vì vắng bàn tay săn sóc. Nhưng tôi cứ muốn nghĩ khác đi. Trước kia, một hai khi chị Sáu tôi vẫn giúp cha tôi tỉa lá mai, chứ tôi thì chưa từng ngắt một lá giọc-giã nào!

Năm nay hai bàn tay đó mất rồi, tôi ngăn không cho ai làm công việc ấy. Nhất định để cho hoa cùng với tôi sống một mùa xuân tang tóc. Cành non lá mỏn để vì ai, cái hương thơm chiều xế của giống hoa vàng kia còn vì ai mà ngào ngạt.

Tôi không muốn hoa kia lại nở trong khi hai cột cổng nhà không có đôi liễn hồng đào:

Vườn cỗi màu thu dầu đã nhạt,
Hoa vàng cuối tiết vẫn thơm tho,

Mấy người bạn xa về chơi với tôi trong cái Tết u buồn đó, khi trở về đất Sài-côn, Lợ đã cố tình rủ tôi theo để mong tái rảnh hoa lệ tưng bừng của dịp tội chợ kéo dài kia làm khuây khỏa nỗi buồn tử biệt trong lòng tôi.

Nhưng mà Bản ạ! Đi đến đâu, khi mà lòng vẫn u buồn thì những cảnh ngựa xe rộn rịp của thị thành huyên náo càng làm cho tôi thấy mình cô quạnh và đìu hiu

(Xem tiếp trang 26)

Phóng sự ngắn

HAI CẢNH
Tết chiến-tranh

PHẠM-MẠNH-PHAN

Thầy đồ với tết

MỘT sớm chủ nhật, tôi về thăm một người bạn học cũ ở một làng xa trong những ngày gần tết. Học trò đã bắt đầu nghỉ và bạn tôi, cũng đang ngồi thừ trên chiếc ghế gỗ với những nỗi băn khoăn trong buổi năm tàn.

Thoáng nhìn nét buồn hiện trên khuôn mặt tuấn tú của người bạn trẻ, tôi bắt đầu thăm dò tâm sự người tôi trìu mến :

— Trường đã đóng cửa chắc anh đang sửa soạn tết để đón xuân sang.

Bạn tôi như ngạc nhiên mà đáp lại sau một nụ cười mai mỉa:

— Ôi! trời đất này ai còn dám nghĩ đến tết. Anh tưởng tôi sung sướng lắm sao! Thật không lúc nào bằng lúc này cái câu : « Ăn bữa hôm lo bữa mai » đối với tôi có một ý nghĩa sâu xa. Anh tính tiền kiếm thì có hạn mà mực sống đắt đỏ hằng ngày cứ lên như diều. Ở Hanoi gạo còn được mua giá chính phủ, chứ ở đây cứ vùn vụt mỗi ngày một cao. Một nồi gạo từ 6$ lên tới 20$ rồi nay tới gần 50$ tức gần 350$ một tạ. Ấy là đong từng nồi chứ ít tiền như tôi đi đong xỉ từng bữa thì tính ra họ bóp cổ tới trên 450$ một tạ...

Tôi không ngạc nhiên về những điều bạn tôi vừa nói vì mực sống ở mọi chỗ đã quá ư đắt đỏ, nhưng không muốn làm phiền lòng bạn, tôi vội ngắt lời :

— Chúng ta cố chịu đựng cho qua những ngày nay.

Bạn tôi cãi lại :

— Anh bảo chịu cái gì! Sức người kiếm có hạn. Cứ bảo giời sinh voi giời sinh cỏ, như gia đình nhà tôi một mẹ già, một vợ dại với 7 mươi con thơ cả nhà 10 người, thật nói anh đừng cười, ba bốn tháng nay mỗi ngày chỉ có một bữa cơm một bữa cháo mà cũng không xong.

Tôi lựa lời dễ xua đuổi những ý nghĩ nhuốm vẻ bi quan của người bạn cũ :

— Anh cứ nói thế chứ làm gì mà đến nỗi cơ cực vậy!

Bằng những lời thành thật, bạn tôi quả quyết :

— Thật tình một bữa cũng không đủ cho các cháu và phải bạn chế chúng, nhớn thì được ăn mỗi bữa, hai bát và bé thì một thôi! Lắm hôm chúng đói đòi ăn nữa mà tôi và nhà tôi hai người nhìn nhau phải bớt để cho các cháu ăn thêm.

Sáng ăn chiều nhịn. Có hôm nhà tôi phải chộn cám vào gạo để ăn nơ lâu. Mà ít gạo quá phải nấu cháo cả 2 bữa để mỗi người húp một bát cho đỡ đói lòng.

Tò mò, tôi liếc mắt vào nhà trong.

Thì ở đó loảng soảng, tôi đã thấy tiếng bát đĩa động. Trên một chiếc chiếu giải xuống đất ẩm tôi thấy lố nhố 7 đứa trẻ nhem nhuốc gầy còm ngồi cạnh một bà cụ già mắt lẽm kếm và mặc một chiếc áo đơn rách trông thấy cả sương sườn.

Vợ bạn tôi vốn người cũ kỹ lại gặp trong cảnh túng thiếu nên lại thêm cũ kỹ!

Trên một mâm gỗ lù lù một chồng bát đàn và cạnh nắm đũa tre, tôi nhìn thấy tất cả thức ăn chỉ là một đĩa muối chắng, một liễn nước rau luộc xanh như lá cây và một đĩa rau muống dầy có ngọn!

Lũ trẻ hầu đói quây quần cạnh mâm và tranh nhau chỗ ngồi làm ầm ỹ cả căn nhà tranh lạnh lẽo.

— Hôm nào mợ cũng mua rau luộc ăn chán lắm.

Một đứa trẻ khác cang cang giọng rầm nhà :

— Mợ ơi! hai tháng nay con không được ăn thịt.

Vợ bạn tôi vội mắng gạt :

— Thì trong nhà này ai được miếng nào mà mày đòi!

Được chứng kiến cái cảnh nghèo túng của gia đình bạn, tôi như động lòng trắc ẩn.

Quay ra nhà ngoài, tôi hỏi bạn.

— Sao anh không kê chiếc phản vào nhà trong, để cụ và bác gái cùng các cháu ngồi xuống đất ẩm giá lạnh.

— Chẳng giấu gì anh, trước cũng có một chiếc phản nữa kê trong đó, nhưng tiền hết, củi đắt không mua được nhà tôi đã đem chẻ ra đun.

Cả nhà còn một chiếc giường thì đêm cụ tôi và mấy cháu bé nằm. Còn chúng tôi thường giải chiếu xuống đất. Tuy rét nhưng cũng quen đi.

Tình cờ tôi nhìn vào chiếc bàn thờ lỏng chỏng có một bài vị và một bát bình hương cùng hai lọ gỗ, tôi hỏi :

— Anh ăn tết ở đâu?

— Đây chứ còn đâu! Kể ra tôi cũng đắc tội với gia tiên. Nhưng biết làm thế nào. Bộ tam sự và đôi câu đối của thầy tôi khi còn làm đường quan thừa để thờ tổ nhà tôi cũng đã đem « gửi tạm », ấy nói « gửi » cho nó sang, nhà ông Cảnh ở đầu làng để lấy ít tiền chi dụng! Thôi cần gì, tâm động quỷ thần chi, miễn nuôi sống cụ tôi và bầy cháu trong lúc này.

Hồi hạ giọng bằng những lời nhẻ nhẹ, bạn tôi âm thầm, gửi gắm niềm tâm sự :

— Anh ạ! lâm lúc tôi sống để tháng ngày trôi mà lạnh lùng không biết rằng mình đang sống! Tết sắp đến như nhắc nhở cho tôi bao niềm tiếc quanh. Mà trước cảnh thiên hạ nô nức đón xuân sang lòng tôi âm thầm như phủ lên một đống tro tàn. Nào đâu có dám như ai « nhà binh binh quan » mà cuộc sống hàng ngày những gay go vất vả! Cơm áo đã nhiều phen bành hạ, nên thằng ngày những bận bịu vì kế mưu sinh, không còn giờ phút rảnh để óc suy nghĩ tới văn chương chữ nghĩa.

Nhìn cảnh nhẽo nhẽo của bạn tôi vội tìm lời an ủi, nhưng lúc từ giã chia tay tôi không khỏi nhớ tới hình ảnh bà cụ già ốm yếu run lẩy bẩy trong manh áo cách với lũ con gầy còm ẩy trong túp lều tranh của bạn.

Lòng tôi se lại và óc băn khoăn những tư tưởng không đâu.

***

Tết với dân chợ đen

Dưới ánh sáng lờ mờ của đường phố, tôi lang thang trong đêm tối như một kẻ lãng du của « Hànội băn đêm. »

Gót giầy nện trên vỉa hè, tôi bỗng gặp một người quen ăn bận có vẻ sơ sài. Sau khi nhìn tôi, người ấy liền khẽ nói :

— Ông lại chơi đằng cuối phố có nhiều « cảnh đẹp » và các bà rất phạt to lắm.

Đang lúc đi tìm tài liệu cho thiên phóng sự, tôi liền ưng ý mà hỏi lại :

— Ở đâu, anh thử dắt đi xem.

— Con thề không dám nói sai Ông cứ theo con. Nhưng ông có giấy « săng » không chứ?

— Anh nói dở, không có ai hỏi làm gì.

Tôi trả lời vậy để cho tên « yêu tạ » ấy tưởng tôi là một « con mồng » thực thụ. Vừa đi tôi vừa ban khoăn về số tiền nhỏ tôi có trong ví chứ không làm gì có giấy tràm như tôi đã nói.

Trước một căn nhà rộng đèn tắt hết, sau một tiếng gọi bằng một dấu hiệu riêng, cửa hé mở. Hai chúng tôi lẻn gót bằng những bước nhẹ nhàng dón dén.

Dưới ánh đèn điện sáng chưng non hai chục người đang quây quần quanh một bàn bất, trước một bàn thờ trang hoàng lộng lẫy và nghi ngút khói hương.

Trong đám người đang chơi xuân ấy, tôi nhận thấy một thương gia có tiếng ở Hà thành, một chủ hiệu người khách, mấy bà trong đám thượng lưu vào bậc phú gia.

Một ông béo phịch vừa cười vừa nói :

— Chơi vui tết mà đánh nhỏ không thích.

Một người khác trả lời :

— Tùy quan bác.

Được thể ông béo xướng lớn :

— Nước một vạn!

Một bà khác can ngăn :

— Nhiều quá!

— Nhiều gì mà nhiều, bà mới tậu hai dồn điền trên ba ngàn mẫu kia mà.

Bà kia sĩ diện :

— Thì theo!

Một ông bạn âu phục phía tả tán thành :

— Mua một bức ảnh tới hai vạn đồng còn được nữa là. . . .

— À kể gì, đó là việc khác.

— Phải rồi, cũng như bà gì hôm nọ đã trả gánh với một ông hàn một lẳng hoa tới vạn rưỡi!

Một ông trẻ tuổi bận nam phục cũng nói xen :

— Muốn đốt gỗ, nước riêng với ông hai vạn này.

— Hai thì hai cần gì.

(Xem tiếp trang 28)

BẤT GẶP MÙA XUÂN

(*Tiếp theo trang 23*)

Cũng vào dịp đó, một buổi sáng tôi theo chân một người bạn đưa đường đến thăm một người bạn gái ở cách Sàigon vài cây số.

Trước khi đến « Tịch - mịch trang » của Bạng-bài thư-thư, tôi đã phải từ con đường thẳng tráng nhựa mà rẽ vào con đường cát, qua nhiều xóm nhà lá nhà gạch chen nhau. Quẹo một con đường mòn, rồi lại quẹo một con đường mòn. Đường đi cát lút ngập giày. Bước trên đường này tôi thấy tôi đã cách biệt lâu xa lắm với các rộn rịp ồn ào xe ngoài những phố tôi vừa qua.

Quẹo rồi lại quẹo mà vẫn chưa dừng bước. Lúc ấy tôi nhớ đến cái bản vẽ chỉ đường của cô bạn gởi về Hồ Đông kêm nọ. Tôi đã nhìn bản vẽ trong khi nhớ đến bức hình cái « đồng hồ giọt nước » của cổ thời. Cái ống dẫn nước từ bực cao xuống thấp, nó đều đều mà quẹo mãi về một chiều đó, sao mà nó giống cái nét vẽ con đường nhiều ngoặc này quá.

Chú dây đã đến cánh cổi môn, người bạn đường trỏ cánh cổng cài then kia cho tôi mà trở về.

Bản ạ! Không hiểu sao lúc ấy nhìn cổng tre đóng kín lòng tôi thấy có một cảm giác là lạ. Tôi tin rằng bên kia bức rào đây, cái chỗ « đại ẩn ẩn thành thị » của cô bạn tôi phải có một cái gì khác ngoài này lắm. Chưa biết bên trong là thế nào nhưng mà đã thấy vui vui.

Tôi rụt rè mà nắm sợi giây chuông. Rụt rè vì tôi e tiếng khua sẽ đánh tan một cái gì ở trong không khí.

Có tiếng chó sủa và tiếng người ra mở cổng. Tôi mong đó là tiếng gót giày của bạn. Nhưng không chỉ là một cậu em út của Bạng-bài. Cậu bỗ ngỡ chào tôi trong tiếng chó sủa vang.

Tiếp đến tiếng « *mắng chó vội vàng chào khách xa* » của đại-chủ nhân-ông, một ông anh cả của cô bạn.

Tôi bước qua sân chang đầu ánh nắng buổi sáng chảy dài những bóng cây cảnh lưa thưa.

Nhà rộng và vắng hẳn đi, thì ra người bạn gái, cô tiểu-chủ-nhân xinh xắn, đã vắng nhà cùng với hai đứa cháu về tỉ thử ở một nơi có khí hậu của xứ lạnh.

Nói qua loa vài ba câu chuyện, vị chủ nhân sư phó còn đang dở tiếp chữ với một ông khách về môn học tiếng cổ á-đông.

Vắng cô bạn, lòng tôi thấy buồn buồn như nhớ hai anh em nhỏ con của chủ nhân.

Thường mỗi bận tôi đến chơi khi « O Bảy » còn đang dở bận, thì cái em tiếp tôi, thân mật mách chuyện như hai con chim con, nhất là cô em bé có đôi con mắt tròn lòng lánh con nhảy.

Ở đây cũng có một cảnh vườn, Bản ạ, vườn rộng cũng như khu vườn có cây xoài chua, và cây mận có mấy chòm phong lan của chị ở Hà-tiên. Vườn đây không xoài, không mận, nhưng có rất nhiều nhãn và đang được săn sóc, nên có vẻ phong quang.

Nghe có tiếng chim chóc, tôi lững thững ra vườn. Ở cuối cùng một góc rào tiếng chim rộn-rã, trên cây vông cao hoa đỏ đầy cành. Chắc Bản cũng nhớ loại cây vông đồng mà ở đây người ta thường gọi là « ngô đồng », cũng như loại bần loại được mà đã có khi gọi là « thủy liễu » cho nên thơ đó nhỉ!

Những cánh hoa đỏ thẫm dày, ông mỡ những tơ nhung bị lẻi có cánh xả xuống như xác pháo « mãn địa toàn hồng » rải khắp gốc cây.

Chim nhiều cũng như hoa, tưng bừng rín rít làm sáng rộn cả một góc trời. Ánh nắng ở đây như cũng lây hồng mà đỏ rực lên ở lòng hoa.

Lòng tôi trong một phút đã tạm quên nỗi hoài với tiếng chim kêu hoa nở mà nhẹ nhàng cùng Tạo vật.

Tôi lẩm nhẩm mấy câu thơ thuộc sẵn:

Mấy cái sáo trưa vang tiếng gió.
Nghìn bông hoa đỏ nở cành ngô
Muốn nhàn ngồi đấy nghe chim hót
Non nước tình kia trót hẹn hò...

(Trừu-sà)

Tôi dẫu không phải đang lúc nhàn nhưng mà vẫn lưu luyến bàn hoàn không nỡ rời các màu xuân tôi vừa bắt gặp.

Nhặt lấy một cánh hoa to, mở bút ghi vào mấy chữ: « Bắt gặp mùa xuân ở chốn này » để thả một chút tin xuân về cho nước hồ Đông.

Tiếng chủ nhân gọi vọng lên vì tìm khắp nhà không thấy cô khách dân.

Tôi trở vào với một bọc những cảnh hoa chính ửng màu xuân. Chủ nhân không để ý đến những bông hoa thắm đang giấu cả một trời xuân ở góc vườn sau, vui vẻ khoe:

— Này, cái chị Tuyết này! Đã lão, cây mai vàng không có một

hoa nào, thế mà sáng nay, ra sân thấy có mấy bông hoa vừa nở lại vừa có khách xa về chơi. Mới biết khách có duyên hơn chủ đó nhé!

Tôi nhìn ra, mấy cánh mai vàng hớn hở trên cành nhỏ uốn éo trong chậu cây cảnh, con bướm vàng đang là là bay lượn.

Hoa vàng bướm lượn, hoa đỏ chim kêu, nắng tươi sân lạn, xuân ở sau vườn, xuân ở ngoài ngõ.

Ôi! Cả một mùa xuân đang nằm ở vườn này đó, chị Bân ạ! Thế mà bạn tôi lại còn đi tìm xuân ở chốn nào nữa! Bắt trí xuân tứ tại thùy gia!

Cái nguyện gặp nhau để mà nối « vần thơ Rù-rì » từ bữa biệt nhau ở Nha-trang đành là phải lỡ:

Bạng-hải quang về, Mộng-tuyết đi
Trông theo ngảnh lại: núi xanh rì!
Núi xanh mây trắng đang lưu luyến
Mây núi như người cũng hợp ly.

Than ôi! Mây trắng với núi xanh có lẽ đã nhiều phen sớm chiều tái hợp, mà cái câu thơ: « *Chia tay bên dẫy núi Rù-rì* » của Bạng-hải, từ đó rồi vẫn chưa có một lần lại bắt tay nhau.

Mấy lời hẹn:

...Đằng đẵng bao thu bởi một ngày
Đất Trúc thành Sài trong nháy mắt...

Than ôi! Đất Trúc thành Sài đâu có là trong nháy mắt, thế mà phen này ai để lỡ hẹn ai đây!

Chủ-nhân-ông đưa ra một tập giấy xinh xắn và bảo:

— Nào chị vào đây mà để mấy câu để ghi cảm tưởng buổi đầu xuân này đi.

Bân ạ! Mực đen bôi lọ, tài xưa Ban Tạ đâu đã dám ước mơ, mà chực dám bôi lem trang giấy trắng.

Tôi quên nói với chị, đây là gia-đình của một ông Trương công-Nghệ đời nay đấy, chị ạ! Cái thế gia họ « Thủy dĩ » này vốn là một đạo gia phong lưu cao cách, hoa gấm văn chương nào nức hơi hương đường-đệ.

Tập giấy này là một quyển thơ khai bút của gia đình đó, Bân ạ! Lúc bấy giờ là chưa đến tiết Thượng-nguyên, cho nên trong nhà bày biện hãy còn giữ nguyên màu Tết.

Tôi đở từng trang, từng trang. Ôi! thực là một lạc thú tuyệt vời. Quyển thơ trải đã nhiều năm, mỗi tết lại một lần đem ra mà để thơ khai bút.

Những lời thơ cổ kính của ông anh cả trong gia đình, những lời thơ bay bướm của ông thứ đệ, những ý xuân đi-dỏm của cô em, và những câu hứa hẹn của các cậu em bé.

Thú vị biết mấy, khi đọc những nét chữ ngây dại của em bé nhỏ nhất trong nhà! Từ năm bắt đầu cầm bút ghi mấy nét a b chưa ráp được vần cho đến khi viết được một câu mừng tuổi và hẹn sự cố gắng học hành. Có lẽ vài năm sau nữa cái nét chữ đó sẽ hết ngây dại, mà cũng sẽ cứng cỏi để mà viết nên những luyệt điệu hảo từ, ngang tàng khí phách như cha, như chú.

Vừa năm trước, có cả một bức họa « cành hoa con chim » đây là một trang khai bút của cô em đậu họa-sĩ.

Tôi đã nói với Bân đây là gia-đình của một ông Trương công Nghệ, thì trong tập thơ khai bút này cái ý quảng đại của người lớn, lời tin tưởng của người nhỏ, trên dưới yêu nhau, càng thấy rõ một hồn cổ của một đại gia thế phiệt, anh em chung chạ, đậm nét thư hương.

Đó là một trên bảo, là một ảng hương thiêng liêng lắm của một thế gia chan chứa trên những lời thân mật mà rất trang trọng kính vị.

Đở tập thơ mà lòng thấy triền-miên niềm trân trọng. Ở đây Xuân đầy Tết đủ như thế này mà chủ-nhân còn đợi chi ở người khách u buồn lòng không xuân thì ý Tết đâu còn vướng. Huống chi cái chuyện để thơ vách phấn, bôi nhọ tường hoa có lẽ còn có thể được chứ trên trang giấy thiêng liêng dài dặc của gia đình này đâu dám bôi lem bằng ngòi bút rác rơm xa lạ. Chủ nhân thực cũng khéo mỉa mình!

Tôi viết nhẩm mấy câu trên những cành hoa thắm nhạt ở sau vườn để gởi lại chủ nhân:

Chim kêu vang ngõ
Hoa đỏ nở cành
Xuân đã có nhiều lắm
Chủ nhân còn hãy chưa đành!
Mời khách nâng rượu,
Mời khách làm thơ
Khách là ai đó!
Là một « thi nhân » hờ!..

. . . . . .

Chẳng mai mà chẳng tuyết
Hỏi xuân, xuân được bao phần?

Ngồi trong thư trai đây ngộm những sách vở, tiếng chim kêu ngoài vườn vẫn rio rít vọng vào.

Tôi nghĩ nếu hôm nay có Bạng-hải tiếp mình thì có lẽ chủ-nhân không phải đưa tập thơ ra để cho khách đỡ đầu hầu vì vắng bạn. Được thưởng thức món văn chương quí báu nay, âu đây cũng là một chuyện « Tái-ông thất mã ».

***

Bạch ba thủy trúc có thôn mộ
Tương tăng tái môn nhật ảnh tà.

(Xem tiếp trang 47)

MỘT QUAN NIỆM...

(Tiếp theo trang 17)

nhấp nhô cửa bể mà có được là bao, chẳng qua như cái bọt, cái bèo, vật vờ trên mặt nước mà thôi! Đời người kể có bao lần mài gẫy, trải qua bao nỗi khó khăn, mà muôn sự đều tại trời, mà đạo trời lại huyền-diệu tinh-vi, như cái máy xoay chuyển không ngừng, khi mở, khi đóng, thì đã là người ai mà có thể biết trước được cái thân ngoại-vật sau này ra sao?

Kia thê-cực như in giấc mộng
Máy huyền vi mở đóng khôn lường

Bổn phận của mỗi người là phải lo gánh vác việc đời — Việc lớn hay nhỏ là tùy theo học-lực và tài-đức từng người; sự-nghiệp tuy có khác nhau, song cùng nhằm một mục-đích là muốn mưu ích lợi chung cho xã-hội, cho nhân quần.

Trong vũ-trụ đã đành phận-sự, mà ba vạn sáu nghìn ngày tí ấm thoát bao lâu. Trăm năm thân-thế, một giấc mơ màng đến khi hoa rụng, trăng tàn, nào hình hình, sắc sắc, nào lợi lợi, danh danh, cũng đều chôn chặt dưới ba thước đất.

Sướng thay những kẻ sẽ được yên giấc ngàn thu cạnh tiên-nhân, dưới bóng cây thông vi vút đứng giữa trời! Lại thương thay những chúng-sinh đã cung đời mình cho đất nước mà hồn-phách không chỗ bằng y!

Nếu công-lệ tạo-hóa là sự chết cần cho sự sống, nếu đất nước do huyết nhục tài-bồi là một bàn thờ công cộng để những sinh vật theo nhau, lần lượt tiên-ma, không bao giờ ngừng, không bao giờ thôi cho đến khi thế-giới đổ xụp, nếu đời người là một con đường hoặc dài, hoặc ngắn để đưa đến cõi chết, nếu còn là dĩ-vãng, mất là tương-lai, nếu sống là gửi thác là về, thì ta càng nên sống một đời hữu-ích và có ý-nghĩa để khỏi mang tiếng là hư-sinh.

« Một năm được mấy lần Xuân,
Một ngày được mấy giờ Đàn, ai ơi! »

Nhật-Nham TRINH-NHƯ-TẤU

TẾT CHIẾN TRANH

(Tiếp theo trang 25)

Bà béo phục phịch ngồi giữa đụt dẻ:

— Thôi đánh nốt chỗ trong túi còn non vạn này là tiền lấy áo rét của nhà tôi, tiêu hết ông ấy kêu.

Một tiếng gọi:

— Bồi, mua bao thuốc lá.

Nói đoạn người ấy chìa tờ giấy một trăm.

Năm phút sau, tên bồi mang thuốc lá về với chỗ tiền lẻ.

— Thôi còn thừa cho anh

Tên bồi khúm núm:

— Con xin quan

Câu chuyện giữa các con bạc luyên là « nghìn » với « vạn ».

Trong khi tôi đang mải theo xem kết-quả ván nước về ai, thì sau một tiếng động, mọi người đều quay lại và reo ồ:

— À, ông chủ hiệu đây rồi.

Đó là một ông bận âu phục người trắng trẻo và là một nhà đại kinh doanh có tiếng ở đây. Người ấy nói to có vẻ khoe khoang.

— Đây vừa lĩnh ở bảng về có non hai mươi vạn đồng mang lại để biếu các quan bác.

Tôi ghé tai hỏi người đã đưa tôi tới cái « tổ quỷ » thượng lưu này:

— Ông ấy làm gì mà dư tiền thế?

Người kia se sẽ trả lời:

— Ông không biết! Ông ta là chúm chọ đen đó. Các người ở đây đều chọ đen như ông ta nhưng không « mạnh » bằng. Lãi lắm ông ạ, chuyến này báo động luôn hàng càng lên cao ông ta « phất » hàng mấy trăm vạn! Ông tính cái gì ông ấy cũng tích trữ, mà có thứ mua một bán nghìn. Thật số giầu có khác, chứ trước chiến tranh ông ta có gì đâu, bất quá vốn liếng độ non vạn đồng lá cùng, nay phải biết, nhà hàng gẫy....

Lần đầu tiên tôi được chứng kiến cảnh bất thường lưu ấy và tự biết không thể « đánh đu với tình » nên tôi khẽ bảo người đã đưa tôi đến theo tôi xuống thang gác và tìm cớ thoái thác hẹn một ngày khác.

Quay gót trở về, tôi vừa đi vừa ngẫm nghĩ về đồng tiền vi phú bất nhân của họ. Tự nhiên tôi liên tưởng tới lòng tham không đáy của bao kẻ vô nhân đạo trước sự cơ cực và túng thiếu của bao gia đình trong lúc khó khăn này.

PHẠM-MẠNH-PHAN

Cùng bạn đọc ở Nam-Kỳ

Mua báo giải hạn, đăng quảng-cáo, xin giao-tiếp do địa-chỉ:

Ô. NGUYỄN VĂN-AN
Đại-diện « Tri-Tân »
118 Phố Phước-Đông
Gia-định

HOA XUÂN

(Tiếp theo trang 13)

tội. Bằng-chứng là lời phê bình trong một quyển sách nọ: Người ta chê thơ cô Anh Thơ và thơ bà Vân Đài những chi chi đó.. « văn hành công khí » ai nấy cứ tự tiện mà phê bình. Nhưng tiếc rằng người ta không nghĩ đến nỗi khổ tâm của phụ nữ Việt nam khi cầm đến cây viết để diễn tả tình cảm của mình.

Nói tóm lại, hoàn cảnh gia đình và xã hội đã trói chặt văn học của phụ nữ. Muốn cho văn học ấy được tiến triển, chúng ta cần phải cải-tổ hoàn cảnh, nghĩa là phải giải quyết những vấn đề cơ bản như là phụ nữ sanh-hoạt, phụ nữ chức-nghiệp, phụ nữ và hôn phối v.v... Thế thì một lần nữa nhắc lại Nguyễn công Trứ, tôi khuyên rằng:

Xin ai đừng dở cuộc phi lý
Trân trọng lấy hương trời cho trọn vẹn »

TỊNH-ĐỀ *nữ sĩ*

CÙNG CÁC BẠN ĐỌC

Chúng tôi xin trân trọng cảm tạ các bạn đã hưởng ứng cùng chúng tôi góp mặt trong số Xuân này.

Vì trang báo có hạn, nên chúng tôi phải theo thứ tự đăng các bài nhận được. Bạn nào không thấy bài đang ở số xuân xin lượng thứ.

Chúng tôi xin cảm ơn ông bạn Trịnh Vân đã vẽ giúp bìa và các bản khắc.

Sau số này chúng tôi sẽ cho ra một tập:

« ĐẶC SAN ĐẦU NĂM »

trong đó sẽ có bài:

1°) Tháp Bình sơn với Ngụy Đồ Chiêm — **Trần huy Bá**
2°) Ba Sương Nguyệt - Anh — **Tố Phang**
3°) Ngày xuân xem hơ — **Phạm mạnh Phan**
4°) Vẻ đẹp xưa với lớp phụ nữ ở thế hệ trước — **Trịnh-Vân**
5°) Tết Tây tạng — **Nguyễn xuân Minh**
6°) Tết ở Dalat — **Trịnh như Nghệ**
7°) Chuyện thơ Nam-kỳ — **TrựcThần**
8°) Lãnh-Sự Nguyễn thành-Ý — **Khuông Việt**
9°) Hội họa Việt-nam — **Họa sỹ Ng. văn Tỵ**
10°) Chuyện Hanoi — **Nguyễn vạn An**

và nhiều bài khác của Ứng Hoè, Nhật-Nham v. v...

Nhân dịp Tết Ất-Dậu

TUẦN BÁO THANH NGHỊ ra một số đặc san nhan đề là:

VÀI VẤN-ĐỀ ĐÔNG-DƯƠNG

phát hành vào ngày 5 Février 1945

Đại khái có những mục và những bài:

I. — VÀI VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ
- *Địa vị và tương lai nước ta* — Vũ Văn Hiền
- *Vấn đề đại diện chính trị* — Phan Anh
- *Việc cai trị ở thôn quê* — Tân Phong

II. — VÀI VẤN ĐỀ KINH TẾ VÀ TÀI CHÍNH
- *Việc chấn hưng nông nghiệp ở xứ ta* — Tảo Hoài
- *Vấn đề nước trong việc làm ruộng* — Nghiêm X. Yêm
- *Nông dân mới trong nghề nông nước nhà* — Thảo Am
- *Những căn bản của công cuộc kỹ-nghệ hóa Đông-dương* — Phan Mỹ
- *Địa vị của tiền công nghệ trong nền kinh-tế tương lai* — Đỗ Đức Dục
- *Vấn-đề giao-thông ở xứ ta* — Ng. Thiệu Lâu
- *Vấn đề đồng tiền tương hảo ở Đông Dương* — Ng Ngọc Minh

III. — VÀI VẤN ĐỀ XÃ HỘI
- *Nạn nhân mãn và việc di dân* — Vũ Đình Hòe
- *Mối liên quan giữa thanh niên tri thức và dân quê* — Đ. H.
- *Sự tổ chức những giờ rảnh việc của bình dân* — Trọng Đức
- *Sắp đặt cho tuổi trẻ* — Hoàng Đạo Thúy
- *Phong trào Hướng-đạo và thanh-niên nước ta* — Ngô Bích-San
- *Vấn đề ăn uống của người Việt-nam* — Ng. Đình Hào
- *Bệnh sốt rét* — Vũ Văn Cần

IV. — VÀI VẤN ĐỀ GIÁO DỤC
- *Việc sáng dựng một nền giáo dục Việt-nam* — V. H.
- *Mọi nền học bình dân* — Nguyễn Văn Tố
- *Khả năng của phụ nữ* — Bà Phan Anh

— VÀI VẤN ĐỀ VĂN HÓA
- *Địa-vị văn hóa Trung-quốc trong văn-hóa Việt-nam* — Đặng Thái Mai
- *Địa-vị văn-hóa Âu-tây trong văn-hóa Việt nam* — Đinh Gia Trinh
- *Văn-học Việt-nam hiện đại* — Lê Huy Vân
- *Hội họa Việt-nam hiện tại và tương lai* — Tô Ngọc Vân

NHỮNG XU HƯỚNG...

(Tiếp theo trang 19)

ngủ (1) Nào đã biết đâu !.. Mơ còn phải tắm rửa cho cậu. Câu chuyện trái tai gai mắt ấy, một hôm ông Phán — chú của Thành — ở tỉnh về chơi, nhân nói chuyện với mẹ Thành, phê bình một câu : « Thiếu người làm sao bác không mướn ?» (trang 65). Vâng, « ông Phán nói rất đúng, có lý nào chỉ vì thiếu người làm mà người ta rồ ép thành vợ chồng, một đôi trai gái chênh lệch nhau bằng chục tuổi, có lý nào chỉ vì thiếu người làm mà một thằng bé hỉ mũi chưa sạch đã có một cô vợ tối đến phải ẵm chồng đi ngủ ? » (tr. 66-67). Đến khi Thành nhớn lên ăn học thi đỗ ra làm quan, cưới vợ tỉnh, ông bà Chánh lại tìm kế cho Mơ « về » ! Mơ mắc bẫy của ông Chánh rắp sẵn, sau một trận đòn nên thân, ra đi...Trước khi đi vào cả tương lai đầy tăm tối, Mơ còn đến thăm Trà — một bạn gái của nàng nay đã có chồng con. Trà vắng nhà. Mơ dắt thằng bé Minh-con của Trà đi xem một đám cưới trong đó vai chủ động lại là một cô dâu lớn tuổi hơn chồng như Mơ ngày xưa. « — Lại một cô Mơ nữa ! » (tr. 167), câu ấy ở miệng Trà buột thốt ra là một lời than thống thiết nhất mà tác giả dùng kết câu chuyện thương tâm xảy ra dưới *Bóng tre xanh*.

Bên cạnh cuốn tiểu thuyết của Kỳ Tâm, quyển *Nhà quê* (3) của Ngọc giao cũng cùng một xu hướng. « Cuốn sách sẽ không là vầng nước bọt mưa như lâu nay Thái (tên một phân vật) thấy rất nhiều ở thư quán. Cuốn sách phải là xương máu những cuộc đời » (tr. 265). Lẽ tất nhiên đây là những cuộc đời nhà quê mà Ngọc Giao muốn nói. Mấy năm nay, Ngọc Giao rời bỏ Hanoi về ở nhà quê. Những khung cảnh đồng quê và cảnh đời dân quê, trước kia, Ngọc Giao đã thâu rời rạc trong *Cô gái làng Sơn Hạ* (4), nay ông xếp đặt liền lạc trong *Nhà quê*, với cái giọng văn mềm mỏng đầy hình dung từ thì vị, — cái giọng văn cố hữu hồi nào của ông trên mặt tờ *Tiểu thuyết thứ bảy* mỗi tuần —, khiến ta không còn say mê đến cốt truyện bằng chú trọng ở lối diễn tả của ông, mà ta thấy rất gần với lối diễn tả của Thạch Lam trong quyển tiểu thuyết viết về đồng quê : *Ngày mới* (Đời nay xuất bản). — Theo lời Ngọc Giao trong bức thư đề ngày 21 août 1944 gửi cho tôi, *Nhà quê* chỉ là tập nhất của một bộ trường giang tiểu thuyết về đồng quê của ông. Trong thư ấy ông viết : « Quan niệm về văn chương của tôi, người ta có thể nhận ở *Cô gái làng Sơn Hạ*, ở cuốn *Nhà quê* này và ở cuốn *Kêu giời* sẽ in » Quan niệm văn chương của ông, xu hướng tiểu thuyết của ông, như lời ông, ta đã thấy rõ rệt ở cuốn *Nhà quê* lắm rồi.

***

Đến loại *sách nghiêm trọng* xuất bản ở xứ ta trong năm qua, ta phải công nhận rằng nhiều và bán chạy hơn loại nào cả thảy. Nhiều nhất là các sách giới thiệu học thuyết đông tây, trong đó các ngòi bút này hoạt động hơn hết : Nguyễn đình Thi với các quyển triết học Âu Tây của ông ; Phan văn Hùm với quyển *Vương dương Minh* chứa đựng cái học thuyết nó, theo Auroussseau, là ngọn đèn sáng nhất trong triết học sử cận đại của nước Tàu ; Nguyễn bách Khoa với bộ *Nhân loại tiến hóa sử* ; Nguyễn đức Quỳnh với bộ *Lịch sử thế giới*. Mỹ ý của hai bộ Nguyễn sau cùng đáng khen, nhưng kết quả của việc làm bộ theo đuổi vị tất đã thỏa mãn được lòng ham cầu học của độc giả. Nhất là các sách của Nguyễn đức Quỳnh, trong đó tinh thần tổng hợp và khúc chiết xa vắng : người đọc có cảm giác như được xem vật đống tài liệu diễn dịch một cách nô-lệ của các sách tây mà tác giả cố kết liền lại bằng những nhát bay của một anh thợ hồ vụng-về. Lòng cầu học của độc giả năm rồi thật quá thịnh. Chẳng những bảo kỳ trước các sách giới thiệu triết học Âu Tây, người ta lại còn yêu mến triết học Đông phương nữa : bộ sách mới về *Vương Dương Minh* của Phan văn Hùm được hoan nghênh đã đành, cả đến bộ *Nho giáo* của Trần trọng Kim tái bản cũng được độc giả đua nhau mua đọc một cách sốt sắng.

Loại sách nghiêm trọng được hoan nghênh kể đó trong năm rồi là những quyển viết về hạng thanh niên từ 20 đến 30 tuổi : *Một nền giáo dục Việt nam mới* (tái bản) của Thái Phỉ, *Con đường mới của thanh niên* của Vũ ngọc Phan, *Sức sống của dân Việt-nam* của Đặng ngọc Tốt, *Trai nước Nam làm gì?* của Hoàng đạo Thúy.

Mê thích nhất là đối với những quyển dịch các áng danh văn ngoại quốc : Nhượng Tống dịch được hầu hết lục tài tử của Tàu ; Huyền hà dịch tiểu thuyết của Somerset Maugham (*Bức màn son*) ; Vũ ngọc Phan dịch tiểu

thuyết của Léon Tolstoï (An-na Kha lệ ninh).

Thứ nữa, loại phê bình văn học cũng được hoan nghênh trong năm qua: *Văn học và triết luận* của bà Mộng Son, *Khổng giáo với ô. Đào duy Anh* của Nguyễn uyển Điểm, *Nhà văn hiện đại* của Vũ ngọc Phan, *Nguyễn công Trứ* của Nguyễn bách Khoa. Quyển sau này rất được giới trí-thức chú ý. Chú ý không phải vì nó hoàn toàn, mà vì những ngụy thuyết và tinh thần khoa học gì, đối của tác giả nó.

Năm 1928, giáo sư Lê Thước cho in một bộ sách biên tập về thân thế sự nghiệp Nguyễn công Trứ. Lê quân sưu tập được đầy đủ về văn thơ Nguyễn công Trứ. Đó là một đống tài liệu quí giá cho Nguyễn bách Khoa gần đây dùng viết tác phẩm mình. Núp dưới ngọn cờ duy vật biện chứng pháp, ông Bách khoa chứng tỏ rằng:

« Một cá nhân dù xuất chúng đến đâu, cũng vẫn chỉ là sản vật của đẳng cấp, của thời đại.

« Tâm lý và tư tưởng của cá nhân phản chiếu rất trung thành tâm lý và tư tưởng của đẳng cấp — nghĩa là luôn luôn chứa đựng mâu thuẫn bởi vì một đẳng cấp, trong khi tranh đấu với đẳng cấp thù địch, luôn luôn bị hãm vào thế biến hóa ».

Phương pháp khoa học, không ai phản đối cả. Nhưng phương pháp khoa học mà ông Bách Khoa tôn thờ trong *Nguyễn công Trứ*, ai cũng phản đối. Tác giả *N. C. T.* lấy óc khoa học giả dối của mình đoán rằng vua Quang Trung bị bọn sĩ phiệt quan liêu thời ấy mưu sát chính thật, theo tài liệu

Thống-chế Pétain đã nói:

Hỡi quốc dân Pháp, các người hãy làm biểu lộ tinh thần của giống nòi bằng lời nói, cử chỉ, cách làm việc tài sáng kiến và chí phát minh.

trong sử chữ nho (*Đại Nam chính biên liệt truyện* sơ tập quyển 30, tờ 42), thì vua Quang Trung thăng hà vì chứng huyễn vận là một chứng bịnh do sự thiếu máu làm suy yếu bộ thần kinh. Bạn Hoa Bằng, tác giả bộ *Quang Trung* (I và II), trên tạp chí *Tri Tân* (số 144, ngày 1er Mai 1944) đã có viết một bài nói rõ cái chết về chứng bệnh ấy của vua Quang Trung. Ông Bách Khoa lại có cái tật là hay phóng bút trong khi hành văn. Nhân một câu của Trần trọng Kim trong *Việt-nam sử lược* chép về việc Lý Cầm xin cho người Giao-chỉ thi đỗ được làm quan như người Tàu: « Có người Giao chỉ tên là Lý Cầm làm lính túc-vệ hầu vua ở trong điện, *rủ mấy người bản xứ ra phục xuống sân mà kêu cầu thảm thiết.* », ông Bách Khoa bèn không tiếc lời sỉ mắng rằng: « Đó là nguyện vọng thấp bèn, thái độ quỵ lụy có tánh cách nô lệ » (*N. C. T.* trang 84). Chửi như thế kể cũng có quá đáng. Đến như câu chuyện bịa đặt này trong quyển *Nguyễn Du và truyện Kiều* (Hàn Thuyên xuất bản 1943) của Bách Khoa, thì không thể tha thứ được. Trong sách ấy, nơi đoạn nói về Nguyễn Du viết bài thơ Chiêu Hồn, Bách Khoa táo bạo viết: « Ta có thể tin rằng viết xong bài thơ phê sợ ấy, thì nhân đến ngột thở, đến ứa tuôn giòng lệ, đến nằm vật xuống giường mệt lả đi. »

***

Mãi đến cuối năm rồi, văn học Việt-nam hãy còn phân vân giữa hai xu hướng: nên ngã hẳn về bên nào giữa hai loại văn: sáng tác và biên khảo? Có kẻ cho văn sáng tác đã hết thời, loại biên khảo ngày một vững thanh thế, có lẽ bao sau chiến tranh loại văn sáng tác chắc có cơ kung phục. Tôi thì tôi cũng nghĩ với ông Phan văn Hùm rằng: « Lấy thí dụ mà nói, thời sách khảo cứu, cũng đứng ngang hàng với sách tư tưởng (ouvrages d'esprit) vì như gốc rễ ăn ngầm dưới đất, mà văn chương thuần túy (như thi ca và tiểu thuyết) là những cành hoa đỏm rực rỡ ở trên. Này nhờ nọ » (*Tri Tân* số 137, 4 avril 44).

Giữa các nhà cầm bút trong năm qua, có sự hiểu lầm, lẫn nhau nó thường đưa đến những xu hướng thấp kém: bút chiến một cách vô lý. Một nhà văn dịch thuật một cuốn sách ở tây về học thuyết Freud. Sách đó ra đời. Một nhà cầm bút khác cũng có viết một cuốn sách về Freud nhưng chưa kịp in ra: Thế là có cuộc bút chiến lôi thôi! Ở xứ người, về một vấn đề, có biết bao nhiêu người viết sách cho in ra. Độc giả vẫn mua đọc tất cả sách của bao nhiêu người đó. Một vấn đề được nhiều nhà vấn đề cập đến, thế là may cho văn học xứ sở. Sao lại muốn một vấn đề chỉ được một nhà văn nói đến thôi?

(3) *Bách Việt xuất bản 1944.*

(4) *Một tập truyện ngắn, Tân Dân xuất bản 1942.*

Trong năm qua, có một số tác giả và bình giả cũng có sự hiểu lầm nhau, tưởng nay cần phải phá tan ngay cái bầu không khí nặng-nề ấy.

Corneille khuyên Racine không nên viết kịch, bảo rằng kịch không phải địa hạt của Racine. Ba mươi năm trước, chính Corneille đã lãnh của Hardy những lời khuyên ấy. Có một giạo người ta hoan nghinh văn Chateaubriand và thích Flaubert. Rồi cũng có một giạo người ta hoan nghinh văn Chateaubriand, chê văn Flaubert Anatole France ban đầu bị coi thường, kế được Hàn-lâm viện Thụy điển cho là danh sĩ rồi lại bị bọn siêu tả chân (surréalistes) mạt sát. Musset vô danh năm 1850, được thanh niên hoan nghinh dưới cánh thế Đế chính, rồi bị phái tượng trưng (Symbolisme) và phái Tại sơn (Parnasse) cho là thi sĩ tồi, kế lại được hoan nghinh trở lại sau trận Âu chiến 1914-18 (5). Xem đó, ta đủ rõ: dầu khen hay chê, dầu phê bình xác đáng hay lầm lẫn nhà phê bình bao giờ cũng dự phần vào công việc gây thành tư trào văn nghệ những tác phẩm, tạo nên bất tử những danh hiệu của văn nhân thi sĩ đất nước. Một tác giả không bằng lòng nhà phê bình nói bất lợi cho tác phẩm ông ta. Nhưng ông ta còn buồn tủi gấp mấy, nếu trọn đời văn của mình, ông ta không được nhà phê bình nào đả động tới cả.

Mỗi thế hệ đều mang đến cho nhân loại một kho vàng mới. Nhà phê bình, trước sử-gia, có sứ mạng nhặt các khối vàng trong kho ấy, sắp đặt lại cho có thứ tự và tuyên bố lên cho mọi người đều hay biết.

Tác giả và nhà phê bình đều là tay sai của một linh thần mà nhân loại sáng tạo ra và vĩ đại hơn nhân loại. Linh-thần ấy có một ngôi đền ở xa khơi, trên sâu thẳm đại dương của tư tưởng. Đi tìm ngôi đền ấy, tác giả và bình giả đồng dự vào một cuộc hải trình. Có kẻ bảo nhà phê bình là thuyền trưởng trong cuộc đi xa đầy hiểm tượng ấy. Không đâu! bình giả làm gì được địa vị vẻ vang của viên thuyền trưởng trên một con tàu. Bình giả chỉ là một trong những kẻ được dự vào và được quan sát kỹ cuộc hải trình kia thôi. (6)

... Bao nhiêu số mạng xô đẩy con tàu chở tác giả và bình giả. Vậy: là nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình, chúng ta không nên vì một lẽ gì mà hằn học nhau, song phải cùng nhau cam chịu những số mạng xô đẩy con tàu, chở chúng ta đến ngôi đền linh thiêng phụng thờ tinh thần nhân loại!...

KIỀU-THANH-QUẾ

Ấu-ngãi, novembre 44

(5), (6) *Các ví dụ này đều kể theo Henry Bidon; xem tạp chí Conférencia số 1, ngày 15-12-33.*

Đón coi:

Tập phụ trương của Tri Tân số 178

« ĐỘI ĐẤT ĐƯỢC VỢ »

của Tiêu Đàm

NGUYỄN TƯỜNG PHƯỢNG

Một cô điếc và câm

(Tiếp theo trang 9)

« *Elle a la nostalgie d'un appui viril.* »

Tôi biết tìm đâu trong ngôn ngữ nghèo nàn của tôi cho ra lời để dịch câu văn thúc nhặt, như để khắc vào đá trinh, mà tình tứ bâng khuâng man mác! Ngùi ngùi mong bóng tùng quân (4)...

Bóng tùng e thẹn che thân tật đằng.

***

Mười hai năm qua rồi, từ khi cô Lavaud đỗ Tiến sĩ. Không biết cô có khỏi chăng cái cảnh lẻ loi của Lenéru?

Lúc cô trong quãng đường Louis Liard bước ra dưới lằn chớp nháng của những bóm ảnh, phóng viên các báo dồn hỏi cô về chức nghiệp tương lai. Cô có ước ngu ền làm quản lý đồ thư quán (*bibliothécaire*).

Hay là bấy lâu nguyện về phần trí thức của cô đã thỏa, mà cô mãi chịu để cho bụi sách cũ, giấy vàng, mờ, phủ nguyện về tình cảm.

***

Mà thôi. Đây tôi không phải vì cô mà thuật chuyện về cô. Tôi chỉ muốn giới thiệu cùng đồng chủng tôi một tấm gương kiên nhẫn làm việc, để tự nâng cao, để chống với hoàn cảnh, với số phận.

Trời nếu thấp bề mà nông, ta vẫy vùng theo phạm vi hẹp. Cánh trùng, gan chuột, chín vạn bằng chưa kịp, rồi sẽ lần theo.

PHAN VĂN HÙM

4) *Tôi xin dịch gượng như thế.*

Truyện ngắn

ĐỘI TRÀ BẠCH

Tặng Hoa-Bằng và cây lạp mai của bạn

GIẢN-CHI

. . . Tuy nhiên, cho tới nay, cứ mỗi lần năm hết, khi mọi người nô nức đi mua hoa mua cây để đón xuân, chơi tết, là một lần tôi lại nhớ tới cô Thuần, nghĩ đến một đôi trà khô, và lòng lại vấn vương hoài với câu chuyện cũ, một câu chuyện có thể nói được là không thành chuyện, nhưng, thực ra, đã làm tổn thương lòng tin của tôi nhiều lắm, ngay từ khi tôi sắp-sửa vào đời.

***

Không nhớ rõ năm ấy tôi bao nhiêu tuổi, chừng cũng chỉ mười sáu, mười bảy là cùng. Và đang theo học ở trường Bảo-hộ-Tưởng cần nhắc lại với anh rằng, lúc nhỏ tuổi, tôi thực thà ngờ nghệch lắm, và phải cái tội hay mơ mộng viển vông.

Tôi trọ trong làng Y-Ph. Chủ nhà tôi — Ông Hai — thích chơi cảnh và sành nghề trồng cây. Vườn của ông, — nói là sân cho đúng hơn — thực là nơi hội họp của vô số cây cối hoa quý.

Tính ông thủ thỉ; tôi thì tò mò. Cho nên những lúc tôi rỗi, ông hay dẫn giảng cho tôi về cây, về hoa.

— Đây là thủy-tùng. .

— Chậu này là Đại-mặc. .

— Lạp-mai hương rất thanh. .

— Đại-diệp-kim-biên thì mép lá nào cũng viền vàng, sắc hoa hơi nhạt hơn hoa lý. . . . .

Có khi ông lại còn đọc cho tôi nghe cả thơ — vì ông là một nhà cũ, sinh thơ, vả lại biết tôi cũng vẹt vẹt mươi lam chữ Hán — những câu thơ vịnh hoa nho nhỏ, mà tôi còn nhớ mãi đến bây giờ. Như vịnh mai, thì có câu:

Nhất chi xung phá sơng tiền nguyệt
Bất đáo La-phù mộng diệc hương (1)

để cúc thì:

Thu hoa bất tỉ xuân hoa lạc
Bảo đạo thi ông tử-tế ngâm (2)

với thủy-tiên thì:

Sắc nước tỏ mờ xuân mãy độ
Mộng trần đón kép nguyệt ba canh.

Công việc doanh-sinh để mặc bà Hai với nghề nhuộm gỗ ấy, suốt ngày ông chỉ hết rung đùi ngâm thơ, vuốt râu nhìn khói thuốc, lại thần thơ bên vài hòn non-bộ, mấy lối đón ngô. O! nếu quả « danh lợi bất như nhàn », thời anh ạ, ông Hai thực là người sướng hơn ai hết. Hết ngày ấy sang ngày khác, vuốt mười lần! tỉa lá sanh! đến uốn lộc-vòng! Anh có thể quan niệm đó là một hình thức của Hạnh-phúc được không? Nhưng lúc bấy giờ, tôi thấy cách tiêu khiển của ông Hai có đầy hứng-thú: tôi muốn cũng được, luôn luôn như ông, nhẹ nhẹ tan vào hương lan, im lìm bay theo tiếng yến, chơi-vơi lạn lội với lũ cá vàng. . .

Sau hơn một năm trọ, tôi nhận ra rằng tôi đã lây ông chủ nhà cái tính yêu cây, mê hoa. Và cái thích giống giọt khi tôi mới lên chín, lên mười — ương bụt mọc vào ống tre, giâm mặt củ rau bên vệ ao — lại trở lại cùng tôi với một bồng bột mới.

Thứ năm, chủ nhật, ngoài thời giờ ôn bài cũ, làm nốt bài mới, tôi với mấy anh Q. S. — các anh ấy trọ nhà bên cạnh và cùng một sở thích với tôi — chúng tôi thi nhau đắp những ngọn giả sơn xinh sẻo bằng đất thịt lấy ở vệ hồ, luẩn quẩn loanh quanh với những thế núi « tam-thai », kiểu cây « ngũ phúc ». Anh cười! Không, anh đừng cho chúng tôi là kỳ quặc. Anh cũng nhớ rằng độ ấy, để giải trí trong những ngày nghỉ, chúng ta đã làm gì có cái thú đá bóng, cắm trại, vào « ciné », như bây giờ? Chúng tôi lấy làm đắc ý lắm lắm, mỗi khi tỏ mò kỏi được, hoặc nhận thấy, rồi mách lại cho nhau hay, những ngón bí truyền của nhà giống cây; chẳng hạn như: làm thế nào cho hoa đào nở đúng cữ, làm thế nào cho quất chín nhằm ngày, v. v. Nhưng mà thú nhất vẫn là những phút, dưới trăng mờ trong sân cảnh hay bên ngọn đèn dầu leo lét trong gian nhà nhỏ u tịch bên hồ, chúng tôi sum lại nghe ông Hai kể cho nghe những chuyện dị dị kỳ kỳ về những cây mẫu-đơn, lạc-thạch ở Thượng-thanh-cung của chàng Hoàng-sinh, hay về những cây liễu, cây đào, lâu năm thành tinh, hiện hình đi lại với chàng Hà-Nhân ở Khúc-giang nào đó. Mà sao ông Hai biết lắm những chuyện ấy thế, khiến cho

(Xem tiếp trang 36)

(1) Một cành vươn ra, làm vỡ ánh trăng trước cửa sổ. Chỉ mộng, chứ không cần phải đến tận cảnh La-phù cũng phảng-phất được hương mai.

(2) Hoa cúc là thứ hoa mùa thu không rụng như các hoa ở mùa xuân đâu. Xin nhắn thi-ông có ngâm-vịnh về các thi nên kỹ-càng trịnh trọng.

Năm ấy, ở Pháp...

Ký ức của LÊ-VĂN-NGÔN

Leng-keng! Leng-keng!...

Tiếng chuông vang ngoài ngõ! Đương lum-kum bắt ốc trong đám cải non còn ướt hơi sương, tôi vội vàng bỏ guốc chạy ra tiếp khách. Két! Cánh cửa sắt nặng-nề mới vừa hé ra thì một giọng nói ồ-ề, từ bên ngoài tràn vào: « Bánh mì, đây! » Tôi đón lấy năm ổ bánh to-tướng hình tròn và ở giữa có chừa lỗ trống để xách cho dễ. Tiếng giày cộp cộp theo chiếc xe sang qua nhà khác.

Bữa nay, chú bán bánh mì tới sớm quá nên trong nhà ai nấy đều đi vắng cả, chỉ còn lại một mình tôi. Mỗi tuần, chú đem phát bánh mì có hai lần, mỗi lần đủ ăn ba bốn bữa, vì đây là nơi nhà quê đặc-biệt, ở giữa núi non đồng cỏ, xa thành-thị hơn 45 cây số ngàn, không có lò bánh mì mà cũng không có chợ búa chi cả; năm mười ngày, bà chủ nhà mới đi xuống làng mua đồ vật dụng một lần. Rau, cải, cây trái thì ngoài vườn có sẵn, gà thỏ thì trong chuồng rất nhiều. Thỉnh-thoảng, mấy nhà ở chung vùng giết một con bò hoặc một con heo hoặc một con trừu (cừu) rồi chia thịt với nhau.

Cuộc đời sống giản-dị nhưng đầy-đủ, xa những sự thèm muốn vô-lối của văn-minh vật-chất, đã đem lại cho họ một thân tình lực lưỡng, một tâm-hồn cao-khiết, đẹp đẽ như rặng thông sừng sững giữa trời, như đám hoa vàng tươi bên mé rừng xanh mịt. Hạnh phúc của họ còn là cảnh gia-đình êm-ái, còn là non cao vời-vợi, đồng rộng mênh-mông, còn là đám bò mà họ vắt sữa mỗi ngày, còn là bầy gà mà họ thu ăn mỗi sáng.

***

Vì quanh năm ở mãi giữa thành-thị náo-nhiệt như Lyon, nên mỗi khi bỏ đến là tôi thấy cơ-thể khao-khát khí-trời trong sạch của đồng quê và sự êm-lặng của chân núi rừng tịch-mịch.

Năm nay, nhờ một người bạn thân giới-thiệu, tôi làm quen được với gia-đình nầy và được ở tại nhà họ hơn ba tháng. Đường đi thật là trắc-trở, phải đổi xe-lửa ba lần, rồi còn phải đi xe hơi, đó hơn hai mươi cây số.

Tôi không quên được lúc tôi tới rung chuông ở nhà nầy lần đầu. Mà quên sao được cái giờ phút ấy? Cánh cửa vừa mở, một cô gái đã hiện ra với một nụ cười tươi tắn. Khi thấy tôi, nụ cười ấy bỗng nhiên bay mất, rồi cặp môi mím lại với dáng ngượng-nghịu bỡ-ngỡ vô cùng. Biết cô ngạc-nhiên vì mặt mũi của tôi, một giống người mà cô chưa từng gặp, và chắc rằng nếu để sự ngạc-nhiên ấy kéo dài thì cuộc nghỉ hè của tôi sẽ hỏng mất, nên không cần-chờ, tôi « tấn công » liền:

— Chào cô, đây phải là nhà của ông Martin không?

— Phải.

— Tôi là Thành, ở Lyon lại đặng ở đậu tại nhà cô đây.

Dầu không nên nổi sự ngượng-ngùng, cô ta cũng ráng đưa ra một nụ cười « xã giao » rồi thỏ-thẻ:

— Mời ông vào.

Đã thắng được « nước cờ đầu », tôi tính đi nước « chiếu » tiếp « chính phục » cô ngay. Tôi « tía-lia » không ngớt miệng:

— « Ô chà, con bò mập quá — lông con gà trống mướt ghê! ở đây thật mát, thấy khỏe-khoắn lắm — Ô kìa, đám xà-lách tươi quá, cô trồng được bao lâu rồi đó?... »

Sự nói cười dòn-dã của tôi thình-không biến mất. Một con chó to-tướng ở đâu chạy lại vồ sủa nhăn hai hàm răng chơm chởm như răng trên hàm cá-mập treo trước cửa một nhà giàu ở tỉnh-lỵ Bến tre tôi. Thiếu chút nữa, tôi quăng va-li « phóng nước đại ».

— Dick, có nín không?

Dick ta liền le lưỡi, ngoắt đuôi lia, tỏ dấu phục tùng cô chủ.

***

Kể từ ngày đó, tôi là người nhà của gia-quyến Martin.

Ông và bà chủ nhà đều là người đã đứng tuổi, tánh-tình hiền hậu và chỉ có một mụn con,

tức là cô Jeanne, người đã mở cửa cho tôi vào. Với tánh-tình liến-thoắng, vui vẻ của tuổi hai mươi, ngay bữa đầu tôi đã chiếm được lòng của cả ba người, rồi lần lần họ coi tôi như thân-thuộc. Lắm khi vì công-việc đồng áng liên-miên, họ bỏ nhà cho tôi coi như ngày tôi lấy bánh.

Những giờ phút êm-ấm, những chuỗi ngày thân-mật sống trong gia-đình nầy, bao giờ mà tôi quên đặng. Sáng ra, khi tiếng chim vừa lăng-líu trên nhành, khi ánh nhựt-quang vừa lọt qua khe cửa phòng tôi, thì tôi đã tung mền nhảy phóc ra cửa sổ, lại rửa mặt nơi phông-tên giữa bầy gà đương kiếm ăn trên đám cỏ. Tuy trời còn sớm, nhưng cả nhà đã ra vườn làm lụng rồi. Kế đó ai nấy hiệp lại ăn điểm-tâm: một khoanh bánh mì đã hơi cứng, một nhát dồi, một khoanh bơ lạ một tô cà-phê sữa lớn. Rồi ai lo phận nấy: ông dắt ngựa ra đồng cày ruộng: bà coi sóc rau cải, cây cối, bông hoa; cô Jeanne xách nước đi thăm thỏ, thăm gà.

Muốn nhà-quê một cách hoàn toàn, tôi vụng về mang đôi guốc cây nặng-nề và thô-kệch. Nó cứng và khó mang làm sao! Phía trên nó bao trùm hết-cẳng. Ai quen mang giày da tốt — như người thành thị chẳng hạn — thì chỉ có nước kéo lết nó mà thôi, vì nó đã quá cứng, lại quá nặng, mang đau chơn lắm. Tôi phải dồn rơm vào trong cho êm rồi đi lệt-bệt khiến ai nấy phải mỉm cười, tôi ra vườn kiếm sâu, bắt ốc.

Tôi nhớ những lúc cùng nhau lên núi hái nho, dắt theo hai con lừa mà hai bên hông đính hai cái giỏ lớn. Tới đó tha hồ mà ăn nho, chùm nào, chùm nấy sai trĩu-trịt. Rồi cùng đánh một giấc ngon lành dưới gốc thông xinh-xắn.

Tôi nhớ những lúc cùng cô Jeanne dem bò ra nặn sữa. Tôi bắt chước cũng dưa lên trì xuống nhưng chẳng làm nhỏ ra được một giọt nào! Cô bật cười:

— Phải làm như vậy nè!

Rồi cô nắm lấy tay tôi mà tập cho nó cái nghệ-thuật « làm cho ra sữa ». Rồi mỗi khi đem bò ra là một dịp cho chúng tôi cười phá nhau kịch liệt.

***

Một bạn thân khác của tôi lúc nầy là con chó Dick hết mực khôn-ngoan. Mỗi lần thấy tôi là ngoắt đuôi, là chồm, là mọp, là mơn-trớn, là kể sai cọ vẽ. Hễ vắng nó là tôi thấy hơi buồn, nên thường bữa, tôi ra đồng... chăn bò cùng nó.

Nói là cùng nó, chớ thật ra chỉ có nó là làm tất cả phận-sự, còn tôi chỉ đến đó đặng « dự-kiến » mà thôi. Cơm trưa rồi, ông Martin mở cổng, deo vào cổ mỗi con bò một cái lục-lạc nhạc rồi lùa hết ra ngoài Dick chạy theo sau. Hễ con nào ai sai đường thì nó chạy theo sủa hay cắn cẳng, bắt đi trở lại nhập đoàn. Thỉnh-thoảng, nó đứng lại, le lưỡi thè-lè dòm coi tôi có theo kịp chăng, nó có ý đợi tôi cùng đi cho có bạn. Với trên núi, bò tha-hồ đi đâu thì đi mà kiếm cỏ. Trong khi tôi núp dưới bóng cây đọc sách hay nhìn xem cảnh-vật, Dick ngồi một bên, hai chơn trước dựng đứng, mắt chăm-chăm ngó chỗ bò ăn. Khi chạy qua, khi chạy lại, khi nhìn thấy con bò nào vì ham đám cỏ non mà ra khỏi địa-phận thì Dick chạy lại sủa và cắn gót. Nhờ có lục-lạc nơi cổ nên bò nào có đi xa cũng dễ tìm, dễ kiếm.

Chiều đến, một tiếng tu-hít lét dài từ trên nhà ông Martin đưa xuống. Dick lang-xăng chạy cùng, văng vẳng nghe giọng sủa Tiếng lục-lạc càng lúc càng gần, bò lần-lần gom lại. Đếm qua một lượt, Dick đã biết đủ hay chưa; nếu còn thiếu thì nó chạy đi kiếm sữa. Rồi một con bò dực đi đầu, dẫn cả đoàn về trại. Tới ngõ, nếu cửa còn đóng thì Dick sủa to cào mạnh. Đó là phận-sự hằng ngày mà con vật trung-thành và thông minh ấy luôn-luôn thi hành một cách không sai-chạy, chẳng hề chểnh-mảng chút nào.

Ôi! ngày nay nhắc lại con thú dễ thương ấy, tôi luống những bâi-ngùi! Tôi còn nhớ: lông đen mướt như huyền, hai tai cao và nhọn luôn luôn cử-động như dương nghe một tiếng gì, bốn nhượng chơn nhỏ, nhờ đó mà nó chạy rất mau, cặp mắt long-lanh như hiểu biết, đuôi dài thậm thượt hễ thấy tôi là ngoắt lia-lịa không ngừng. Mỗi khi nó làm việc chi quấy, bị tôi rầy thì nó mọp xuống rồi rón rén bò đi hay chầm-chậm bước từ bước một lại gần mà liếm tay tôi. Dick đã thương tôi, trìu-mến tôi, vâng lời tôi muốn làm vui lòng tôi mãi-mãi.

(Xem tiếp trang 47)

ĐÔI TRÀ BẠCH

(Tiếp theo trang 33)

cái thế giới huyền ảo của những Giáng-Tuyết, Hương-Ngọc cứ ám ảnh chúng tôi hoài.

Một hôm kể xong một câu chuyện, ông trầm ngâm một lúc, rồi nói tiếp:

— « Từ ngày biết trồng cây, chơi hoa, có một lần tôi hơi lấy làm lạ: xưa nay tôi mát tay lắm, những cây chính tôi giồng không « phải » bao giờ. Lần ấy, tôi mua được đôi trà vừa ý lắm. Thâm-hồng bát-diện cũng đã cho là đẹp; dáng này lại trắng muốt, cánh to và dày. Tôi mua bằng một giá khá đắt, làm cho nhà tôi luôn mấy ngày cứ lẻo cẩn nhẩn mãi, cho tôi là phí tiền. Tôi trông nom hôn sóc cẩn thận lắm. Thế mà bỗng dưng được ít lâu, một cây cứ thế lẻo đi rồi chết, không bao lâu, cây kia cũng vô cớ chết theo. Từ đấy, tôi gây luôn mấy lần, mà không lần nào được. Có lẽ tại đất nhà này không giồng được giống trà bạch chăng. »

Nghe chuyện, bạn tôi, anh thì quả quyết rằng tại giống trà bạch yếu khó giồng; cũng bởi vậy, hiếm hơn trà đỏ; anh thì ỡm ờ bảo « Rất có thể là đôi trà bạch kia có thần, nó không ở lại với ông Hai, vì bà Hai đối với hoa đã khiếm kính. » — Câu nói khôi hài ấy, bây giờ không làm cho chúng tôi cười. Nhưng riêng tôi, tôi thầm ước ao được một đôi trà bạch.

***

Từ ít lâu, tôi vẫn có ý định sau này sẽ chơi một sân cảnh thật đẹp: tôi sẽ xin các bạn tôi mỗi người một cây; và tôi sẽ mượn tên quê các anh để đặt tên những cây ấy: Hà-trị trúc, Đông-ngạc mai, Phương-canh đào...

Sau hôm nghe ông Hai kể chuyện ấy, tôi định thực hành ngay ý định; và, bắt đầu ngay từ tết này, tìm mua cho được một đôi trà bạch.

Người ta mách tôi ở Ng. t. có nhà có giống trà này.

Nhân một sáng nghỉ, tôi một mình lên làng chuyên nghề giồng cây, giồng hoa ấy, ở cách nơi tôi trọ cũng không lấy gì làm xa. Lần đầu vào đây, tôi có cảm tưởng lạc vào một « Hoa quốc ». Quanh tôi, những khoảnh vườn nhỏ liên tiếp nhau, sạch lẫu xanh - xắn, với những luống hoa lộng lẫy đủ màu. Quả là một bữa tiệc thỏa thuê cho những con mắt ham say bình sắc... Giữa nơi san sát từ hồng, bướm ngỡ hoa, hoa nhầm bướm ấy, tôi đang phân vân không biết cây nào là cây trà, thì một tiếng lanh lảnh cất lên:

— Ai hỏi gì đấy? Và một cô gái cũng trạc tuổi tôi, từ một căn nhà lá nhỏ chạy ra.

— Tôi tìm nhà có trà bạch.

— ?

Cô nhìn tôi nửa như ngờ vực, nửa như tò mò. Tôi hơi lấy làm ngượng về cách mình ăn mặc lôi thôi xốc xếch.

— Thưa... tôi muốn hỏi mua trà bạch.

— Cậu muốn mua trà à? Trà bạch thì chính ở đây nhà tôi có.

Tiếng « cậu » đầu tiên cô dùng để xưng hô tôi với một giọng ôn tồn, nghe mấy câu dịu dàng, êm ái làm sao! Mà làm sao mãi đến bây giờ, tôi mới nhận ra cô có một tiếng nói trong, hay như thế nhỉ? Hơn nữa, tôi lại nhận thấy cô có một khuôn mặt rất đẹp, với cặp mắt một mí đen lánh, tròn, to, linh-động, nổi bật trên nước da nhỏ mịn và mịn hồng. Trong khoảnh khắc, tôi cảm thấy tất cả cái thơm ngát, mát rợi, từ bông hoa đồng ấy tỏa ra, lan tràn lòng tôi. Tôi như bị ngợp... Bao nhiêu sáng suốt tôi còn giữ lại được chỉ đủ để tôi nhận ra rằng cô đẹp, đẹp lắm. Hơn cả cô Ch. ở Y.-ph. mà ông Hai vẫn thường nói đùa sẽ làm mối cho tôi. Hơn cả cô C. người mà mẹ tôi nói sẽ hỏi cho tôi, sau khi tôi tốt nghiệp.

Khi đã trấn tĩnh lại, tôi mới mang máng nhớ hình như khuôn mặt, cặp mắt có sức thôi miên kia, tôi đã có lần gặp ở đâu rồi; với người đẹp kia, tôi đã chung sống một thứ nào mà tôi không còn nhớ rõ được. — Phải chăng, anh nhỉ, đó chỉ là hiện thân của một hình ảnh, ta đã mang theo trong sâu thẳm thức, tự bao giờ?

Lòng tôi thấy phấn khởi. Tôi tin sự gặp gỡ này là một điềm lành.

Và mạnh dạn hơn:

— Vâng, tôi muốn mua ạ. Thế trà nhà ta, cô có bán không?

Tôi định bụng, nếu cô không bán, tôi cũng khẩn khoản mua cho kỳ được. ngoài giá trị cây đẹp, trà nhà cô, với tôi, đã muốn có giá trị một kỷ niệm rồi. Tỷ nữa, anh sẽ tuấy kỷ niệm này mang theo cho tôi mãi mãi về sau ít nhiều chua xót.

Cô ngẫm nghĩ một lát.

— Cậu cũng ở gần đây?

Tôi cung khai thực:

— Thế thì được, chiều nay, hay sớm mai, cậu chịu khó trở lại đây. Thật quả hôm nay chưa rồi, tôi vội phải xuống chợ.

Tôi muốn được xem trà. Nhưng tôi cũng không muốn làm phiền một người thực tình đang vội. (Không biết tôi đã có thể nói mà không sợ là nhầm rằng: « Tôi không muốn trái ý một người đẹp » chưa?).

— Vâng, không sao ạ! Cốt nhất là cô bằng lòng để bán cho tôi, cốn lấy, thì từ giờ đến tết, tức nào cô ở đó cũng được. Cô nhớ cho là tôi muốn mua trà bạch.

— Thế thì được rồi. Hôm nào cậu trở lại đây. Nếu cô quên nhà, cậu cứ hỏi thăm tên tôi là cô Thuần, thì ai cũng biết.

« Cô Thuần ». Dọc đường về, tôi nhẩm đi nhắc lại cái tên sáng, ấm này, nó đã vừa làm bừng dậy một ánh mới trong lòng tôi và vừa mang tâm hồn tôi lên một nhiệt độ mới. « Cô Thuần »..

Ngay từ chiều hôm ấy, chiều nào sau khi ở trường về, tôi cũng mất mươi, lâm phút đứng cửa... nhìn ra đường cái quan. Cứ thế, hơn một tháng giời, cho đến ngày hai mươi bảy tết. Chắc anh đã thừa đoán được cái duyên cớ làm cho tôi mất nhiều thì giờ đáng tiếc ấy rồi.

Có điều là, — tự trọng hay nhút nhát? — không một lần nào tôi để cho Thuần nhận thấy hay bắt chợt được tôi đứng cửa nhìn cô. Cái tính trộm nhớ thầm yêu « một bề » mà bọn người nhớn chúng ta ít khi chịu để kéo dài ra mãi, đối với tôi bấy giờ, có một hương vị thơm ngát, ngọt lử như tuổi xuân.

Nhưng ngày phải nghỉ học để về quê ăn tết đã đến rồi.

Chiều hôm hai mươi bảy tết, khi tôi trở lại khoảnh vườn cũ ở Ng. t. thì tôi thấy Thuần đã đương cặm-cụi giữa những luống hoa muôn màu.

Thuần nhận ra tôi ngay, — cũng như tôi đã không quên lối. — Cô không để tôi phải đợi:

— Cậu vào đây, tôi đưa đi xem cây. Theo sau Thuần, tôi thấy hơi rờn rợn. Tại vườn vắng vẻ quá? Tại sắp được trông thấy thứ cây mà từ lâu tôi ẩn đợi, thứ cây mà ông Ha và cả bạn tôi, vô-tình, đã tô thêm nhiều huyền bí? Hay tại giữa khung cảnh đó, một mình với Thuần, tôi đã chợt liên tưởng đến bóng dáng một Giáng — Tuyết, một Hương-Ngọc của Hoàng-sinh xưa chăng?

— Đấy, cậu trông đó trả để dành phần cậu. Tôi toan hôm nay, hay mai, nghỉ học, thế nào cậu cũng lên, cho nên tôi đã bảo người nhà « ra vùng » sẵn.

Trong bóng chiều đang mờ sám, sắc trắng mấy bông trà « hàm tiếu » nổi bật bên những đóa hồng sẫm lại, và những khóm thủy-tùng đen dần. Màu da trắng của cô Thuần cũng nổi bật lên, với cặp mắt long lanh, chỉ có tôi thấy huyền bí hơn hoa trà huyền bí.

... Rồi cô Thuần giúp tôi mang cây ra tận đường cái quan.

Khi tôi sắp lên xe thuê về thẳng quê, cô cốn ân cần dặn:

— « Cậu giữ khéo, kẻo sát mất nụ...

— Thưa cô, có lẽ mấy bông này nở cũng tết được? Còn nụ thì chắc còn lâu?

Cô Thuần cười mà không trả lời.

Tôi muốn nói, thấy cần phải nói với cô hằng cây của tôi một câu gì khác nữa, mà không sao nói được nên lời.

Tình mua bán dễ dãi, sự giúp đỡ chu đáo, và lời căn-dặn dịu dàng của cô Thuần, khiến xe chạy đã được một quãng xa, tôi còn cảm động. Và bóng dáng cô chập chờn mãi bên xe, và cặp mắt cô long lanh mà trông tôi.

Gió bấc từng cơn xạc-xào... Lá khô bên đường lao-đao... Buồn của năm đi xôn xao là thế, mà lòng tôi giờ đó không nhút nhuộm nhiều thời gian... Tôi còn nghĩ đến khoảnh vườn ở Ng.. Tôi còn nghĩ tới căn nhà ngói cũ bên sông Tô đang chờ đợi tôi. Tôi còn nghĩ câu trả lời mẹ tôi lại sao về muộn. Tôi còn nghĩ tới đôi thong ngô đang dựng đầu, dựng ấm nơ buồng mẹ tôi. Tôi còn hình dung cái cảnh tượng rõ ràng những ngày xuân tới: có trầm tỏa khói, có trà nở hoa.

Nhưng những hoa trà của tôi năm ấy không nở, và rồi cũ không bao giờ nở nữa. Cũng như

(Xem tiếp trang 40)

Bộ sách giá trị nhất của
QUỐC HỌC THƯ XÃ đắc ý nhất của LÊ VĂN HÒE
KHỔNG-TỬ HỌC-THUYẾT
(Trọn bộ NĂM Quyển)
Quyển I * $50
Quyển II, Quyển III sắp có bán
Giá đặt mua tự bây giờ
15p-50p-70p-80p-150p-200p
Thư tiền để tên ô Lê V. Hòe
QUỐC HỌC THƯ XÃ
16 bis Tiên Tsin Hanoi

Hai Xuân đánh Chàm

(*Tiếp theo trang 15*)

Xuân Kỷ-dậu (Thần-võ nguyên-niên, 1069).

Nhưng nhà Tống sợ một, thì người Chàm sợ mười. Họ hết sức đề phòng. Một mặt dùng ngoại-giao khôn-khéo, luôn luôn sang cống-biến nước Đại-Việt, một mặt lo tổ chức đội-ngũ, luyện tập sĩ tốt và giao hảo với Tống-triều. Dùng bầy voi chiến của họ, họ cho chưa vừa nên lại tăng thêm kỵ-binh, xin vua Tống cho phép mua ngựa ở Quảng đông.

Tuy vậy, làn sóng Nam-tiến của ta đã bắt-đầu, người Chàm không thật tình chịu lép vế, tìm cách chống cự thì ngăn sao cho nổi.

Đến năm 1069, ý hẳn Chiêm-vương Rudravarman III (người mình gọi là Chế-Củ hay Đệ-Củ) (15), tự liệu đã sẵn-sàng, liền thình-lình khai-chiến.

Vua Lý Thánh-Tông chỉ chờ cơ-hội ấy. Ngày Mậu-tuất, Ngài xuống chiếu thân-chinh; ngày Đinh-vỵ làm lễ tế sư, rồi đến ngày Giáp-dần mới phát giá (16). Chuyến này thủy-quân Đại-Việt không ra cửa Đại-an như trong năm 1044 nữa. Vua Lý Thánh-Tông kéo chiến-thuyền ra cửa Thần đầu (Thần phù sau nầy, ở phía Nam cửa Đại-an) thì vừa gặp một cơn bão lớn, Vua phải khấn thần Núi, sóng gió mới lặng yên, (17) chiến-thuyền vào được Ngệ-an (ngày Đinh tỵ) rồi đến Nam-giới hải khẩu (ngày Canh thân). Đến hai nơi nầy, rồng vàng đã hiện ra (18), các cụ xưa viết sử bảo thế. Ngày Ất-sửu, đại quân thẳng hải-phận Chiêm-thành, Vua liền sai bọn Hoàng-Kiện đánh lấy cửa Nhật-lệ. Rồi theo Đại Trường-sa, Tiểu Trường sa, quân cứ tiến vào, đến ngày Canh-ngọ, thấu cửa Tư-dung (18). Điềm lành lại hiện: ngày Quý-dậu tháng ba rồng lại bay trên thuyền Cảnh-thắng. Hết rồng đến chim. Hai con chim bay theo thuyền ngự hình như chỉ đường đưa Vua đến Thi-lợi-bi-nại (ngày Bính-tý) (19).

Đến đây, vua Lý Thánh-Tông lùa quân vào đất Chiêm-thành. Đại-quân kéo thấu sông Tu mao thì thấy quân Chàm đã liệt trận sẵn-sàng trên bờ sông, chờ quân Đại-Việt. Một trận kịch-chiến. Tướng Chàm Bồ-Bì Đà-La bị chém. Quân Chàm chết nhiều vô số. Được tin kinh-hoàng ấy, Chiêm-vương đang đêm hấp-tấp đem vợ con chạy trốn. Dân Chàm bối-rối, thấy quân đã thua, vua đã chạy, liền kéo nhau ra bến Đồng-la xin hàng, giao thành Phật-thệ (20) cho quân Đại-Việt mặc sức tàn phá. Vua Chàm tuy đã lánh chân, nhưng cũng không chốn thoát được, đến tháng tư thì bị Lý-thường-Kiệt (21) rượt theo, bắt sống tại biên-giới nước Chân-lạp.

Quân Đại-Việt hoàn-toàn thắng-lợi, vua Lý Thánh-Tông liền đặt tiệc thết quần-thần tại điện vua Chàm. Trong lúc đắc chí, nhà vua thân-hành loan khiên và đá kiện (cầu) trên thềm điện. Một nước chiến-bại thì chỉ biết cúi đầu chịu nhục nầy rồi đến khổ khác. Chẳng bao lâu 2500 gian nhà ở Phật-thệ đều bị vua Lý Thánh-Tông đốt sạch. Rồi cũng trong tháng ấy nhà vua ban sắc, đem Chiêm-vương cùng tù-binh Chàm về nước.

Đến ngày Tân-dậu tháng sáu, Kinh-đô Thăng-long được chứng kiến một quang-cảnh có một không hai trong lịch-sử nước nhà,

Đạo quân viễn-chinh đắc thắng ca khúc khải-hoàn kéo về. Giữa ba quân hùng tráng, nghi-vệ nghiêm-trang, Vua Lý Thánh-Tông ngự trên bửu-xa, định thần cỡi ngựa chầu chung-quanh. Sau vua, Chiêm-vương ảo não theo sau (22).

Rudravarman III xin dâng ba châu Đại-lý, Bố-chính và Ma-linh để chuộc tội. Vua Lý Thánh-Tông thuận cho. Thế là làn sóng Nam-tiến của dân-tộc ta đã tràn sang dãy núi Hoành-sơn mà vào thấu Cửa Việt (Quảng-trị) bây-giờ.

***

Hai xuân oanh-liệt ấy đã qua...

Ngũ xuân năm nay, bạn vui chân vào xứ Chàm, thì có lẽ bạn phải để ý đến những đống đá sắp thành hình tròn bao bọc một hòn đá dựng đứng. Đống đá ấy người Chàm gọi là «tanoh Yan», họ đã xây lên để thờ Thần Tật-Bệnh là Thần « Pô Yan Dari ». Nhưng truyền-thuyết của người mình về những đống-đá ấy lại khác hẳn. Theo truyền-thuyết ấy thì đời xưa, mỗi lần quân Việt vào đánh Chiêm-thành thì mỗi người lính mang một viên đá bỏ thành đống dưới chân núi Hơn hay thua, người nào còn sống mà về nước, khi đi qua đống đá lại lấy bớt một viên. Thành-thử đá còn lại bao-nhiêu, là chiến-sĩ Việt đã bỏ mạng nơi xứ Chàm bấy nhiêu.

Bắt chước người Chàm, bạn kính-cẩn lượm một viên đá ném vào đống « tanoh Yan. » Trong cảnh núi non tịch mịch hoang vu, tiếng đá sột-soạt nặng-nề rơi vào lòng bạn.

Rồi khi ấy, bạn đã nghĩ những gì, hỡi bạn ?

Mãn-khánh DƯƠNG-KỲ

(Viết theo « Việt Chiêm chiến-sử » đang hiện tập)

---

15) Đại Việt sử ký, Đại Việt sử ký toàn thư, Cương mục đều gọi là Chế Củ. Việt sử lược lại gọi là Đệ Củ.

16) Việt sử lược chép : ngày Canh dần. Ông Maspéro cũng theo thế (Le Royaume de Champa, trang 141).

Nếu thế thì lại hóa ra kéo quân đi tám ngày rồi mới xuống chiếu thân-chinh (vì ngày Canh dần trước ngày Mậu tuất 8 ngày) và mười bảy ngày rồi mới làm lễ thệ sư (vì ngày Canh dần trước ngày Đinh vỵ đến 17 ngày). Vả chăng Việt sử lược lại bảo rằng làm lễ thệ sư tại thềm Vua, nghĩa là tại Thăng long kia mà ; (minh ư long trì). Đúng thứ tự, thì trước hết là xuống chiếu thân chinh, thứ đến làm lễ thệ sư, rồi mới phát giá, vào Nghệ an v.v... Vậy thì ngày phát giá phải là một trong những ngày sau khi thệ sư (Đinh Vỵ) và trước lúc vào thấu Nghệ an (Đinh Tỵ). Một trong những ngày ấy có ngày Giáp dần.

Xem như thế thì có lẽ Việt sử lược đã biên sai (chữ Giáp viết lộn thành chữ Canh), chứ thực ra, phát giá tại ngày Giáp dần. Có thế mới đúng thứ tự : ngày Mậu-tuất xuống chiếu, chín ngày sau làm lễ thệ sư (Đinh-Vỵ), bảy ngày nữa kéo quân đi (Giáp dần), đi trong ba ngày mới thấu Nghệ an (Đinh vỵ) v...v...

17) Theo An nam chí lược.

18) Xem chú thích số 10.

19) Cửa Thi-nại (Qui nhơn) bây giờ.

20) Cương mục chính biên, III, 9b chép ; « Theo Đại Thanh nhất thống chí (chương) « An nam cổ tích » thì thành Phật thệ là kinh đô cũ của vua Chiêm thành. Nay lại làng Nguyệt biều, huyện Hương thủy, tỉnh Thừa thiên »

Rồi ông Trần trọng-Kim (Việt Nam sử lược, I, trang 82), bà Huỳnh thị-Bảo Hòa (Chiêm-thành lược khảo, trang 22) đều theo thế mà bảo thành Lỗi ở làng Nguyệt-biều huyện Hương-thủy tỉnh Thừa - thiên bây giờ là thành Phật thệ, kinh đô vua Chàm đời trước.

Thiết tưởng tin theo Cương mục chưa phải là đúng.

Xét trong hai trận đánh Chàm kể trên nầy quân Việt đều vượt khỏi cửa Tư hiền (xin lấy cửa nầy làm tiên chuẩn vì hiện bây giờ tên cửa ấy vẫn còn, không thể nghi ngờ vị trí đời xưa của cửa ấy được).

Trong trận đầu (1044), không biết quân ta đã đi khỏi cửa Tư hiền bao nhiêu ngày, nhưng trong trận thứ hai (1069) thì đi quá cửa ấy đến sáu ngày từ ngày Canh ngọ tháng hai đến ngày Bính tý tháng ba năm Kỷ dậu) rồi mới vào đất Chàm, đại phá quân địch. Sau khi thắng trận, có lý nào quân Đại Việt lại quay thuyền về Bắc, lại đi qua cửa Tư-hiền vào sông Hương giang bây giờ để lên làng Nguyệt biều ?

Vả chăng, theo một cái bia chàm ở Đồng-dương, thì kinh - đô Chàm về thế kỷ thứ IX là ở Quảng nam bây giờ (Xem « Indrapura », Tri Tân số 107). Đến thế kỷ thứ mười, để tránh người Đại Việt, vua Chàm dời đô vào Nam xa Kinh đô cũ 700 lý. Như thế thì thành Phật thệ không thể ở Thừa thiên được.

Vậy nó ở chỗ nào ?

Từ Đồng dương (Quảng nam) đi về phía Nam 700 lý, thì có lẽ là Bình định.

Đời xưa, từ cửa Tư hiền đi thuyền về Nam sáu ngày nên kể cả những lúc ngược gió phải đi vát, thì vừa đến Qui nhơn bây giờ Việt sử lược chép : đến Thi lại bì nại. Thi lại bì nại chắc là Thi nại (Qui nhơn).

Hiện nay ở Bình định còn di tích một tòa thành chàm rộng lớn, mà người mình gọi là thành Chà-bàn. Đó là kinh-đô nước Chiêm thành đã bị vua Lê Thánh-Tông đánh lấy trong năm 1471.

Vậy thì có lẽ thành Phật Thệ đời Lý, chính là thành Chà bàn sau nầy

21) Việt sử lược viết : Nguyễn thường Kiệt. Trong bản chép tay của tôi, chữ « Lý » nào cũng biên thành chữ « Nguyễn » cả. Ở Huế, tôi tìm mãi không có bộ việt sử lược, nên Tiên Đàm liên sinh đã có nhã ý mượn người bạn gởi vào cho. Xin trân trọng cảm ơn tiên sinh. (H. B. chú thêm. — Sở dĩ trong Việt sử lược, chữ « Lý » nào cũng biên là « Nguyễn » là vì đời Trần sợ lòng người nhớ nhà Lý, nên mới đổi « Lý » làm « Nguyễn ». Trong bài bia Linh tế tháp ở Bắc - thủy của Trương Hán Siêu cũng viết « Lý triều » là « Nguyễn-triều. »

22) Tôi thuật trận nầy theo Việt sử lược. Chứ như các sách Đại Việt sử ký, Đại việt sử ký toàn thư và Cương mục đều chép như thế nầy :

« Năm Thần võ nguyên niên, tháng 2 .. Chiêm-thành đến phá biên giới. Vua (Lý Thánh - Tông) để nguyên phi giám quốc (nguyên phi tôn sùng đạo Phật nên tục gọi là Quan Âm nữ) tự làm tướng đem quân đi đánh Chiêm thành. Đánh lâu không hơn được, bèn kéo quân về thấu châu Cư liên, nghe đồn rằng bà nguyên phi ở nhà trị quốc, dân tâm hoan hợp, trong nước được yên ổn, vua liền phán : « Một người đàn bà mà làm được như vậy, ta đánh Chiêm thành không hơn nổi, đàn ông sao mà hèn thế ! « Rồi vua lại vào đánh Chiêm thành, hơn được, bắt vua chàm Chế củ mang về » ?

Ông Trần trọng Kim cũng theo đúng như thế mà viết (Việt Nam sử lược, I, trang 84).

Sở dĩ tôi theo « Việt sử lược » là vì thấy sách ấy chép các công việc đều có hệ thống, lại có ngày tháng hẳn hoi, có thể tin được. Chính đức Tự Đức khi đọc Cương mục đến đoạn nói trên cũng có nghi, nên Ngài đã phê rằng : « Thời ấy há không có đại-thần ở lại giữ nước hay sao, mà để một người đàn bà giám quốc. Sử chép sai sự thật, đại loại như thế ». (Cương mục, chính biên, III, 28 b).

ĐÔI TRÀ BẠCH

(Tiếp theo trang 37)

phần nhiều hoa mộng mà tôi đã thiết-tha ủ ấp trong buổi hoa niên

Sau khi đã xen trà vào thống kệ bên án gian, mấy hôm đầu, tôi nào tôi cũng thắp nương bên hoa, mong hoa mau nở — như kiểu ông Hai « thúc » thủy-tiên — và cũng để tỏ lòng thành kính với bồn hoa sắp về — như kiểu ông Hai, tụng kinh chờ hoa quỳnh nở.

Rút cục hết, ngày mồng một, rồi ngày mồng hai, rồi ngày mồng ba, tết đã qua, mà hoa trà của tôi vẫn hoàn không nở. Và đến ngày mồng năm, mồng sáu gì đó, thì mấy bông hoa trắng, từ lâu hàm tiếu, cứ thế theo nhau khô cuống rồi héo dần theo nhau.

Tết ra, các bài thi hằng tuần bắt đầu nhiều và toàn là những bài nặng. Thành ra phải học gấp, tôi không còn thừa thì giờ, mỗi chiều nào cũng « hóng » cửa, và không có dịp về thăm nhà, thăm trà. Đến khi gặp lễ Phụ sinh, tôi về thăm quê, thì đội trà xanh đẹp, mỗi hôm nào cô Thuần vẫn hộ lên xe, chốc đã chỉ còn là hai cây khô trong khu vườn nhỏ ở sau nhà tôi. Vẫn tôi sợ không ai săn sóc, vả ý chừng muốn cho cây mau lớn, mẹ tôi đã cho « ba thổ » trà. Chắc lần đấy tớ sơ ý đã đánh vỡ vùng hoặc chạm vào rễ cái. — Hay là trà bạch không hợp đất nhà tôi

Tôi muốn quỳ lạy trước đôi trà khô, kêu xin nó tươi lại. Không phải tôi quý nó đến bậc ấy. Nhưng tôi không muốn, với nó, để chết theo một sự thực tôi đang muốn biết, với cả một niềm thiết-tha.

Cố nhiên là đôi trà của tôi, — dù có thần như chúng tôi đã tưởng cây trà của ông Hai có thần đi nữa — không sao tươi lại được. Thành ra từ đấy mười mấy năm qua, tôi vẫn không giải được một mối ngờ. Đôi trà khô kia vốn là trà hồng hay trà bạch ? Mấy bông trà bạch hàm tiếu kia là do thói quen của nhà nghề mà người nhà Thuần đã tiếp vào, để bán cho xong và được tiền một đôi trà bạch, thực ra chưa tắn-tửa ; hay là chính Thuần biết là trà hồng, nhưng đã cố ý hoặc để mặc cho tôi nhầm là trà bạch, để bán được hơn tiền.

Chút lòng ngờ vực ấy khiến tôi không muốn ngắm lại cặp mắt đen lánh, chắc đấng Thượng-đế chỉ nhân sinh ra không phải cốt để nhìn những người như tôi và anh.

Anh H. T. nống cạn chén nước vối nóng, tôi đã rót mời anh, thay vào chè tầu, rượu ngọt, để cùng nhau vui một cái tết nghèo. Đoạn, anh tiếp :

— Tôi ngờ nghệch, ngây thơ quá, anh nhỉ ! Cần gì phải đi sâu mãi vào lòng đời, cần gì phải thử thách mãi lòng người, rồi mới biết được một sự thực không lấy gì làm đẹp đẽ là Tất cả những cái đẹp có phải đâu đều là cái thực » ; Và « điều kỳ thích hiểm cho lắm, chỉ tổ dễ mang lại cho mình thêm nỗi hận hoài...

(1944)

GIẢN-CHI

Thư-xã Alexandre de Rhodes

mới tái bản :

Nouvelle traduction française du KIM-VÂN-KIỀU của M. R.

— Một bản dịch pháp-văn dụng công một tác-phẩm có giá-trị về văn-chương.

— Sách in đẹp, dầy 180 trang, khổ 17x23.

Bản thường : 6$00 cước : 0$50
Bản đặc-biệt : 10,00 cước : 1,00

Thư và bưu-phiếu gửi về :
Mai-Lĩnh 21 phố hàng Điếu — Hanoi

Nhân dịp tết

Thư-xã Alexandre de Rhodes

mới in xong :

Bản dịch pháp-văn BÁN-NỮ-THÁN
của Phạm-xuân-Độ

— Dịch xát nghĩa và cố lột tinh-thần với âm-điệu nguyên-văn.

— Sách dày 120 trang, khổ 17x23, có đủ nguyên-văn quốc-ngữ, bản dịch và bản chú-thích pháp-văn

— Bìa mầu và 24 tranh in do Mạnh-Quỳnh vẽ và khắc.

Bản thường : 5$00 cước : 0$50
Bản đặc-biệt : 10,00 cước : 1,00

Thư và bưu-phiếu gửi về : Mai-Lĩnh

Cây quất ngày tết

(Tiếp theo trang 20)

họ, để phụ diễn với lũ thế. Chỉ tiếc một điều : Sử ta không chép rõ cái hình dạng con rồng nước Đại Cồ Việt có chỗ nào khác con rồng nước Đại Trung-Hoa mà thôi.

« *Lị, vị, võng, lượng : tư lữ quỷ ; Cầm, sắt, tỳ bà : bát đại vương.* » Câu mà bấy nay ta vẫn mặc-hứa là của Trạng luỡng quốc họ Mạc tên Đĩnh Chi, nay nếu ta xem trong một cuốn sách Tầu, ta thấy một câu đối na-ná giống như thế của một vị sứ giả nước Tầu tên là Dượng Cao, đối lại một vế ra của vua nước Tề đều tiên, thì tất ta cũng hơi lấy làm lạ. Câu của họ thế này : « *Cầm, sắt, tỳ, bà bát đại vương nhất bản đầu mục* » đối với *Lị vị, võng, lượng, lữ tiền quỷ các tự đồ tràng.* » Nhưng ta thấy nó có nhiều chữ hơn, thì ta tự yên ủi, vì các đại văn hào ý kiến thường gặp nhau. Nhưng khi ta đọc đến câu đối này, cũng ở trong cuốn sách Tầu ấy, thì ta tất phải nghi hoặc : « *Lạn Tương - Như, Tư - mã Tương-Như, danh tương như, thực bất tương như* — *Ngụy vô Kỵ, Trương tôn vô kỵ, như vô kỵ, ngã diệc vô kỵ.* » mà sách ấy họ dám bảo là của Lý mộng Dương, đốc học tỉnh Giang - tây của họ ra vế trên cho một người học trò trùng tên mình, mà vế dưới, của người học trò này đối lại. Nếu vậy ra *Văn Đàn Bảo Giám* gán câu ấy cho Nguyễn Hòe danh sĩ của ta, thì biết bên nào đúng. Rất đối còn bao nhiêu câu nữa, ám hợp với những cảm của các ông trạng nước mình, có cả những vế « *Nam phương chi cường dư* » và « *bắc phương chi cường dư* » nhan nhản ở cuốn sách Tầu ấy ». Thôi ! ai thử chịu khó lật cuốn sách quái gở ấy tên là *Giải nhân di*, ở mục « Bác thủ tập » của Tiên vũ Hương và Trình tử Vân, in vào năm Gia-khánh thứ mười bảy, thì chút lòng khâm phục các ông trạng nước mình có cái tài di dỏm, đã được những vế câu đối rành mãnh tất phải bại hứng. Dù sao đi nữa, gia dụ những danh nhân nước họ ăn cắp những câu ấy của danh nhân ta lấy hai gã học giả làm cuốn *Giải nhân Di* kia thêu dệt nên chuyện, ta cũng thấy ta thế nào ấy. Nhưng nghĩ cho kỹ, có làm quái chi cái vậy, chỉ sợ bắt cu ếc cái dở mới sợ người ta cười, chớ chỉ theo cái kẻ, ai cười hở mười cái xỉ. Tôi đố anh lấy chứng cớ gì bảo là mình đã bắt chước người ta ? Có phải đâu như cậu chuyện học mót câu thơ « con chuồn chuồn thuật lại làm câu thơ « con lợn » mà sợ người ta đánh đòn ! Có ai nhớ không nhỉ, cái anh nho sĩ đối ngày xưa thấy một anh nho sĩ giỏi làm hai câu thơ con chuồn-chuồn mà được một ông quan thưởng cho mười quan tiền :

« Đầu như hổ, vĩ như đình.
« Phi khứ, phi lai đảo ngã đình. »

bèn cũng xin vào làm thơ con lợn

« Đầu như hổ, vĩ như uông
« Phi khứ, phi lại đảo ngã chuồng. »

Thế là bị ông quan đánh cho ba roi đòn, dưỡi cổ ra, chẳng được tý gì cả ; ấy thế mới là học mót chứ.

Giờ nay nhắc câu chuyện cây quất ngày tết, cũng chẳng phải là câu chuyện học mót. Duyên cớ dùng cây ấy để trang điểm ngày tết, trên này tôi đã nói rồi. Sở dĩ tôi muốn kết thúc nó lại, một lẽ muốn cho khỏi sái, có đầu phải có đuôi ; hai là tôi muốn nói qua cái gốc tích của nó, cũng không phải là thừa vậy.

Này, có ai đã từng xem bức tranh « anh hùng tương ngộ » và bức tranh « tướng lộc phong đầu » của những họa sĩ Tầu chưa nhỉ ? Trong bức trên, đừng trưởng họ vẽ hai chàng anh hùng như Lưu Bị và Tào Tháo gặp gỡ nhau đâu, họ chỉ vẽ một con chim anh vũ và một con gà gặp nhau (hùng là con gấu); và bức dưới chỉ có hai con côn trùng và hai con thú : con chim sẻ (tước) con hươu (lộc), con ong (phong) và con khỉ (hầu) nào có thấy vẽ quan tướng phẩm phục chi đâu ! Thế là họ vẽ những vật đồng âm. Cái lối chơi của họ thế đấy.

Cây quất cũng vậy. Ở tỉnh Hàng-châu bên Tầu có tục đêm ba mươi tết, họ hái ít quả quất và quả lệ-chi (quả vải) để ở cạnh gối. Sáng mồng một tết dậy, họ lấy những quả ấy ra chơi, gọi là « cát lợi ». Quất là cát, lệ là lợi. Ấy nguyên thủy câu chuyện chỉ ở thế. Chứng cớ lấy ở cuốn *Thanh gia lục* của Cố Thiết Khanh, soạn vào năm Đạo-quang thứ mười, (trang 112 Tào văn Hoa thư xã ấn hành vào năm Dân-quốc thứ 24). Trong ở dẫn bốn câu thơ của Ngô nhân Vân rằng.

Mãn lê can hồng, Đặng quất hoàng,
Thâm liêu tửu tỉnh thi thôn tường,
Thính lang trần bạn mưu trang ngữ,
Tân tuế hoàn quân đại cát lường.

(Nghĩa là : quả vải xứ Mã thì đỏ và khô, quả quất xứ Đặng thì vàng — Đêm khuya tỉnh rượu thử nếm trộm xem — nghe thấy tiếng chàng nói ó a ú ớ bên gối — Thôi thì năm mới này lại trả lại cho anh cái « đại cát lường ».

LIÊN GIANG

MỘT VÀI TỤC CỔ...

(Tiếp theo trang 7)

nói đã hết mùa nực, bắt đầu sang mùa rét), tháng chín trao áo (chủ nhà trao áo cho người nhà). Ngày về tháng nhất-dương (tháng 11 của nhà Hạ, tức là tháng 11 ta bây giờ) gió rét, ngày về tháng nhị dương (tháng 12 ta) lạnh buốt không có áo rét, không có áo lông, sao được trọn năm? Ngày về tháng thứ ba (tức tháng giêng ta) đi sửa đồ cày bừa. Ngày về tháng thứ tư (tức tháng hai ta) bước chân ra đồng ruộng; Cùng vợ con ta, ăn cơm ở nam-mẫu (những người trẻ tuổi đã ra ở ngoài ruộng, cho nên người gia-trưởng đem vợ con ra ăn cơm ở nam-mẫu), chức điền tuấn (khuyến-nông) đến lấy làm mừng

«2. — *Thất nguyệt lưu hỏa, cửu nguyệt thụ y. Xuân nhật tái dương, hữu minh thương canh. Nữ trấp ý khuông, luân bỉ vi hành, viên cầu nhu tang. Xuân nhật trì trì, thái phồn kỳ kỳ. Nữ tâm thương bi, đãi cập công-tử đồng qui*», Tháng bảy sao Hỏa tinh đã xuống, tháng chín trao áo cho người nhà. Ngày mùa xuân bắt đầu ấm-áp hòa vui, có chim thương-cang (loriot, tức hoàng-ly) hót. Người con gái cầm cái giỏ đẹp, đi theo con đường nhỏ kia, để hái những lá dâu non. Mùa xuân ngày dài ấm-áp, nhiều người đi hái rau phồn (armoise blanche). Lòng người con gái buồn rầu sắp cùng công-tử cùng về (bài này nói sẽ về với công-tử, cùng với bài sau nói làm xiêm cho công-tử, làm áo cừu cho công-tử, đều là tục của dân nước Mân, tỏ tình quyến-luyến với con vua nước Mân; tôi theo bản chữ Pháp của ông F. S. Couvreur, *Chou king*, in lần thứ hai, tr. 145, dịch chữ «bi» là buồn rầu; ông Marcel Granet (*Fêtes et chansons anciennes de la Chine*, tr. 49) cho chữ ấy là «thương yêu» (angoisse d'aimer) và dẫn câu «xuân nữ bi, thu sĩ bi, cảm kỳ vật hóa giả», nghĩa là mùa xuân con gái buồn mùa thu con giai buồn, vật theo thời-tiết mà cảm-hóa).

«3. — *Thất nguyệt lưu hỏa, bát nguyệt hoàn vũ. Tàm nguyệt điều tang, thủ bỉ phủ thương, dĩ phạt viễn dương, y bỉ nữ tang. Thất nguyệt minh xứ bát nguyệt tái tục, tái huyền tái hoàng, ngã chu khổng dương, vi công-tử thường*», Tháng bảy sao hỏa-tinh đã xuống, tháng tám đi lấy cói và lau (dự bị đồ nuôi tằm). Tháng nuôi tằm, bắt đầu cả cành, lấy rìu nhỏ kia, đẵn cành dâu xa; cây dâu nhỏ chỉ hái lá. Tháng bảy chim chàng làng (pie-grièche) kêu, tháng tám mới dệt vải, nhộm màu huyền, nhộm màu hoàng, màu để của ta rất đẹp, nên làm xiêm cho công-tử.

«4. — *Tứ nguyệt tú yêu, ngũ nguyệt minh điều, bát nguyệt kỳ hoạch, thập nguyệt vẫn thác. Nhất chi nhật vu lạc, thủ bỉ hồ ly, vi công-tử cừu. Nhị chi nhật kỳ động, tái tuấn vũ công, ngôn tư kỳ tung, hiến kiên vu công*». Tháng tư cây yêu có quả (cây yêu = polygonia?), tháng năm con ve sầu kêu, tháng tám đi gặt lúa, tháng mười cây cỏ vàng rụng. Ngày về tháng nhất-dương (tháng 11 ta) đi săn, lấy da hồ-ly kia, làm áo cừu cho công-tử. Ngày về tháng thứ hai cùng đi săn như tháng trước, nối được việc võ con tung (lợn một tuổi) làm của riêng, con kiên (lợn ba tuổi) dâng lên nhà công.

«5. — *Ngũ nguyệt tư-chung động cổ, lục nguyệt sa-kê chấn vũ, thất nguyệt tại dã, bát nguyệt tại vũ. Cửu nguyệt tại hộ, thập nguyệt tất-xuất nhập ngã sàng hạ, khung chất huân thử, tắc hướng cần hộ. Ta ngã phụ tử, viết vi cải-tuế, nhập thử thất xứ*». Tháng năm châu-chấu cựa chân, tháng sáu dế đồng cất cánh, tháng bảy ở ngoài đồng, tháng tám ở dưới mái nhà, tháng chín ở ngõ, tháng mười con dế vào dưới giường ta, ta lấp những chỗ hổng, hun con chuột, ta lấp những cửa sổ hướng bắc trát những cửa sổ nhỏ. Ta thương vợ con ta, bảo vợ con ta rằng: «Sắp đến lúc đổi năm, vào ở nhà này».

«6. — *Lục nguyệt thực uất cập ức, thất nguyệt phanh quỳ cập thúc. Bát nguyệt phác tảo, thập nguyệt hoạch đạo, vi thử xuân tửu, dĩ giới mỵ thọ. Thất nguyệt thực qua, bát nguyệt đoạn hồ. Cửu nguyệt thúc thử, thái đồ tân hu, thực ngã nông-phụ*».

Tháng sáu ăn mận và nho, tháng bảy nấu rau quỳ (mauve, cây cối xay) và đậu. Tháng tám đánh nát quả táo, tháng mười gặt lúa đạo, cả bốn thứ ấy làm thứ rượu xuân-tửu, để giúp sức khỏe cho người già. Tháng bảy ăn dưa, tháng tám cắt bầu. Tháng chín nhặt hột vừng, hái rau diếp dại, (laiteron), nấu bằng gỗ hái vu (ailante), để cho nông-phu ăn (bài này ông Couvreur, *Chou king*, tr. 147,

dịch hơi khác, tôi có so-sánh với những câu giải nghĩa trong *Thi kinh đại toàn*).

«7. — *Cửu nguyệt trúc tràng phố, thập nguyệt nạp hòa giá, thử tắc trùng lục, hòa ma thúc mạch, Ta! ngã nông-phu, ngã giả ký đồng. Thượng nhập trấp cung công. Chú nhĩ vu mao, tiêu nhĩ sách đào, cức kỳ thừa ốc, kỳ thủy bá bách cốc*». Tháng chín sửa vườn làm sân phơi thóc, tháng mười gặt lúa để ở sân, lúa thử lúa tắc, lúa sớm lúa muộn, vừng đậu và lúa mạch. Hỡi nông phu ta, ta đã gặt xong để cả ở sân; có thể đem vào đô-ấp rồi làm việc về nhà cửa. Ban ngày đi lấy cỏ tranh, ban đêm đánh tranh để lợp, vội trèo lên nóc để sửa sang, rồi sang năm lại gieo trăm giống.

8. — *Nhị chi nhật, tạc thủy xung xung, tam chi nhật, nạp vu lăng âm. Tứ chi nhật kỷ tảo, hiến cao phát phỉ. Cửu nguyệt băng xương, thập nguyệt địch trường, bằng tửu tư hưởng viết sát cao Dương, Tê bỉ công-đường, xưng bỉ hủy quang, vạn thọ vô cương*».

Ngày tháng nhị dương (tháng 12 ta) đập vàng xung-xung, ngày tháng tam dương (tức tháng giêng, nay đến ngày tết người ta thường dùng chữ tam dương khai thái) cất ở nhà chứa vàng (glacière, để phòng mùa nực).

Ngày tháng thứ tư (tức tháng hai ta) sáng sớm chầu nhà thái-miếu, dâng cạn cửu cơn, tế thứ rau phỉ (poireau). Tháng chín sương xuống dữ, tháng mười quét sạch sân phơi, đem biếu hai bữ rượu, nói rằng: giết con cừu non, đem lên công-đường, cất chén rượu đựng trong sừng tê-giác, chúc nhà vua vạn thọ vô cương».

Sách Tàu nói bài thơ *thất-nguyệt* nay là Chu-công thuật lại công việc nông-tang của dân-gian để khuyên Thành-vương (gọi Chu-công là chú, vì Thành-vương còn bé mà nối ngôi nhà Chu, nên Chu-công phải phụ chính).

So với ca-dao của ta, thì thấy công việc mùa màng có chỗ khác nhau. Như câu «Tháng giêng là tháng ăn chơi; tháng hai giồng đậu, giồng khoai giồng cà; tháng ba thì đậu đã già, ta đi ta hái về nhà phơi khô» : thế là ba tháng xuân chỉ có tháng giêng được ăn chơi, tháng hai thì giồng các thứ hoa mầu, tháng ba thì đi hái đậu bới khoai, thu các hoa lợi về. So với của Tàu «Tam chi nhật vu trĩ, tứ chi nhật cử chỉ», nghĩa là «Tháng giêng đi sắm sửa cày bừa, tháng hai bước chân ra đồng», thì, tháng giêng bên Tàu tuy có đi sắm sửa cày bừa, nhưng hãy còn được thong thả, chưa phải ra đồng, cũng như bên ta còn «ăn chơi»; đến tháng hai bước chân ra đồng, cũng như bên ta «giồng đậu giồng khoai... ».

Đấy là riêng về nghề nông, còn về nghề tằm, thì thơ thất nguyệt có câu «Xuân nhật tái dương lữu minh thương cang, nữ trấp ý khuông, tuần bỉ vi hàng, viên cầu nhu tang. Xuân nhật trì trì, thái phồn kỳ kỳ...», nghĩa là «ngày xuân khí bậu ấm hòa, có chim thương-cang (tức vàng anh) hót, người con gái cầm cái giỏ đẹp đi theo con đường phỏ, để hái những lá dâu non. Mùa xuân ngày dài ấm áp, bọn con gái hái rau phồn thong-thả khoan-thai...»

Đến tháng ba thì trong thơ *Thất nguyệt* không thấy nói rõ. các bậc tiên-nho cho là tháng nuôi tằm, nên có câu: «Tam nguyệt đều tang, thủ bỉ phủ tường, dĩ phạt viễn dương, ý bỉ nữ-tang...», nghĩa là «về tháng nuôi tằm, thì đi hái những cành dâu lộn; lấy những lưỡi rìu con dao, để chặt những cành dâu cao: Lại hái những lá dâu bánh-bẻ...». Thế là tháng ba của ta với của Tàu cũng khác nhau một ít ít: Người Tàu thì đi hái dâu, mà người Nam ta thì đi thu hoạch các hoa mầu.

Nói tóm lại, trong ba tháng xuân kiện nay ta có bài hát tiêu-phùng, nói «Tháng giêng ăn tết ở nhà; tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè», mà theo tục cổ của Tàu và của ta thì đều chịu khó làm ăn về việc nông-tang (làm ruộng nuôi tằm) tức là việc y-thực trong một năm.

Thơ *Thất nguyệt* kể đủ cả việc y-thực. Ca dao của ta chỉ nói đến nhà nông. Có lẽ người đặt ca-dao thấy cảnh tự nhiên, không chú ý về y thực hay nông-tang. Nhưng hiện nay ở nước ta có nhiều nơi làm tằm về mùa xuân, mà nghề ấy đang thịnh-vượng: tằm xuân về tháng giêng và tháng hai sang tháng ba đã bắt đầu làm tằm mùa.

Vậy thì những câu trong *Kinh Thi* và ca-dao của ta tuy là nói về tục cổ mà nhiều chỗ vẫn đúng với công việc hiện tại.

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

SỰ-TÍCH TÓC...

(Tiếp theo trang 5)

cố quốc. Quỳnh có câu thơ rằng:

擢髮難酬新雨露
回頭恐負舊江山

« Trạc phát nan thù tân vũ lộ,
« Hồi đầu khủng phụ cựu giang sơn»

Dịch:

Đếm tóc, khôn đền mưa móc mới;
Ngảnh đầu e phụ núi sông xưa.

Và:

身繫重犴懷素節
命隨一髮表冊衷

« Thân hệ trùng ngạn hoài tố tiết,
« Mệnh tùy nhất phát biểu đan trung »

Dịch:

Thân mắc cửa lù, ôm tiết sạch.
Mạng treo sợi tóc, tỏ lòng son.

Để ca-tụng cái tóc của Lê Quỳnh, vua Tự-Đức (1848-1883) có bài thơ trong mục « Giai-sự bổ-vịnh » ở tập *Việt sử tổng vịnh*, đề là « Trường-phái hầu phát.» Tác giả ví tóc của Trường-phái-hầu Lê Quỳnh như đầu của tướng quân Nghiêm Nhan (1) như máu của thị trung Kế Thiệu (2), như răng của Trương Tuần (3), như lưỡi của Nhan Quả-Khanh (4).

Vì thời-thế, bái tóc « củ hành » bị lung-lay!

Từ khi kênh đào Suez khai-thông (1869), Ấn Á tiếp-xúc nhau trên trường quốc tế, cái búi tóc của giống « Tiên Rồng », vì thời thế, vì hoàn-cảnh, càng ngày càng bị lung lay.

Theo ông Sở-Cuồng trong bài « Hàm răng mái tóc,... » đăng ở *Khai trí tiến đức tập san số 4*, juillet—décembre 1941 thì «... vào đầu thế-kỷ thứ XX, người đứng lên xướng sự cắt tóc ấy là vua Thành-thái. (1889-1907). Ngài tự cắt tóc và bắt anh em ngài cùng các cung-nữ với tỳ cận-tín là những người thân cận hầu hạ ngài đều phải cắt tóc. » (tr. 5).

Nếu vậy, vua Thành-thái đối với mái tóc của người Nam bấy giờ cũng phảng phất như vua Pirere le Grand (1682-1725) đối với bộ râu của người Nga ngày trước.

Nguyên ông vua Nga này, trong khi muốn thực hiện công-cuộc duy tân, sốt-sắng cương quyết đổi mới ngay từ hình thức của dân chúng. Pierre le Grand ra lệnh suốt nước phải cắt bỏ bộ râu mà phong-tục Nga xưa đã nuôi được lê-thê dài.

Hai nhà vương-giả Đông, Tây đã gặp nhau ở chỗ cách mệnh râu tóc, nhưng ảnh-hưởng có rộng hẹp khác nhau và cứu cánh có hơn, kém khác nhau.

Cuộc cổ-động hớt tóc ở Bắc-kỳ

Ở Bắc-kỳ trong đội quân « cách mệnh búi tóc » — theo lời ông Từ long Lê Đạt — người đi đầu là ông Lương-trúc-Đàm, con ông Cử Cán. Ông Lương muốn người mình không những cải cách về phần tinh-thần, mà lại cải cách cả về hình thức nữa. Ông cổ-súy người Nam cũng hớt tóc, cũng bận tây, sống một cuộc đời mới.

Người ta còn truyền tụng bài cổ-động « Húi tóc » của một bội học ở đương thời:

« Tay trái cầm lược,
Tay phải cầm kéo.
Húi hề! Húi hề!
Thẳng thẳng cho khéo!
Bỏ cái ngu mày,
Bỏ cái dại mày
Ăn ngay, nói thẳng,
Học mới từ đây.
Đừng có ăn mặn,
Đừng có nói láo,
Ngày nay ta cúp,
Ngày mai ta cạo. »

Cái « búi tóc quốc-túy » mà hồi ấy nhiều người ưa « bảo-tồn » kia đối với con mắt mấy nhà duy tân tiền khu thật là một vật cừu địch! Họ muốn cắt nó đi cho kỳ hết mới yên tâm.

Phong trào bài trừ búi tóc ở nước ta, vào khoảng 1907—1908 đó cũng sôi-nổi như việc người Tàu bài-trừ « bó chân » sau khi lập thành Dân-quốc (1912).

Rồi phong-khí mở mang luồng sóng « hớt tóc » lan tràn khắp nước. Hễ người dân nào bỏ được búi tóc rồi, tức là người đó tỏ ra một cái dấu-hiệu đã đổi mới.

Song, khi làm một việc mới lạ trước mắt hạng người thủ cựu dân « trọc » thường bị chế giễu mỉa mai! Nếu ai không có nghị-lực đứng vững trên đường « đổi mới » tất phải lùi bước quay về lối cũ! Chính tôi ngày nay còn mường-tượng nhớ được một tấn hài kịch trong một gia đình kia đã diễn ra trước cặp mắt ngây thơ khi tôi còn nhỏ:

Bấy giờ phong-trào cắt tóc đang sôi nổi ở Hanoi. Gia đình ấy, ông anh là nhà khoa-mục, ông em là nhà tòng-sự. Bị thời-thế kích thích, hai anh em dủ nhau cùng húi đầu. Việc ấy liền bị các bà vợ đồng thanh kịch liệt phản đối, vì các bà cho rằng các ông làm vậy là làm mất « cái vẻ nho-nhã » đi rồi! Rồi các bà làm « thanh viện » lẫn cho nhau, ép các ông chồng phải nuôi tóc, bái tóc như cũ.

Đó, quan-niệm thẩm mỹ của các bà xưa là thế, mà hiếu-thượng của cái thế-hệ trước là thế đấy.

Nhiều người, sau khi đi theo tiếng gọi của thời-thế, đoạn tuyệt với búi tóc, rồi cứ ngó thẳng lối trước, mạnh bạo tiến lên với bao nghị-lực và can đảm. Chẳng đếm-xỉa đến miệng tiếng không chính đáng, dư luận không công-bằng, họ hăng hái làm một tên dân mới. Hễ thấy ai chế họ rằng trọc đầu làm thầy tu, thì họ trả lời bằng bài này của Nguyễn Quyền :

« Phen này cắt tóc đi tu,
Tụng kinh An-thái, ở chùa Duy-tân
Đêm ngày khấn vái chuyên cần,
Cầu cho ích quốc lợi dân mới là!
Quyết tu cho mở trí dân nhà.
Tu sao cho đặng nước ta phú cường
Lòng thành thắp một tuần hương,
Nam-vô Phật-tổ Hồng-bàng chứng minh,
Tu hành một dạ đinh ninh
Nắng, mưa dám quản công trình một hai! »

Phong-trào cắt tóc ở Trung-kỳ

Còn cuộc « cách-mệnh bỏ tóc » ở Trung-kỳ?

Tôi có viết ở thiên khảo-cứu về *Cuộc vận-động duy-tân khoảng 1907-1908* đăng trên tờ *Tân Việt-nam* từ septembre 1937, rằng : « ... Sóng « duy tân » xô mạnh! Số người đăng vào toán quân « bớt tóc » ngày một thêm đông. Dưới mắt Nam quan bấy giờ, kẻ nào dám cắt tóc tức là một tên dân « tinh nghị » đáng « chú ý ». Vì vậy, khi dân Quảng-nam đứng xin xâu thuế (1908), phần đông là hạng không có búi tóc, được các nhà cầm quyền tặng cho cái huy-hiệu gớm ghê : « Giặc bớt tóc ».

Năm 1941, ông Sở Cuồng cũng có viết về việc ấy, rằng : « *Nhất là vào đầu năm 1908, ở Trung-kỳ có cuộc khang sưu, những người đã cắt tóc đều bị tình nghi bất-bớ. Nhân vậy, các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở vào đến Phú yên, dân-gian đua nhau cắt tóc để cho khỏi có người bị bắt. Kể cái phong trào cắt tóc lúc bấy giờ rất là mãnh-liệt. Dân ở trong làng dủ nhau ra đình cắt tóc, cắt xong dồn lại thành đống, đốt lên khói mù trời. Nhất là tỉnh Bình-định, cả đàn-ông lẫn đàn-bà đều cắt trọc tóc; chỉ trong mấy hôm, đã gây thành một cái phong-tục mới. Về sau nhà đương cục tuy có ra lệnh cấm dân cắt tóc, nhưng dân đã biết sự cắt tóc là tiện lợi, là hợp vệ-sinh, không còn ai muốn để tóc nữa...* » (Trích bài đăng ở Tập-san Khai-trí dẫn trên).

Giai-thoại về búi tóc của một chí-sĩ

Ông Tử-long Lê Đại có một đặt sự về « tóc » kể cũng vui vui.

Khoảng năm 1907-1908, các nhà duy tân chí sĩ sốt-sắng cổ-động bớt tóc, coi cái « gốc con người » kia dường như một vật hêu-hiểu cho sự « cầu nệ ngoan cố ». Họ cầm kéo đi đến từng nhà trong các bạn đồng-chí ; hễ thấy còn cái búi tóc nào thì « hạ thủ » liền. Ông Lê không phản đối sự bỏ đầu, song cho đó là một việc thuộc bình-thức không cần phải làm trước vội. Ông thường nói với các bạn đồng-chí : « Văn minh, cốt ở tinh-thần trước, chứ không phải do hình thức mà làm vào. Bao giờ nước Việt-nam thành lập, bấy giờ tôi xin bỏ đầu ngay ». Song, nóng ruột, các bạn ông không thể rộng hạn cho ông như thế. Họ rình... rình lúc ông ngủ để « thiến » búi tóc! Đối phó lại với họ, ông cố đề-phòng, giữ được cho đến khi cái « củ hành » trên đầu ông « bắt tay » ông nhà ý vĩnh-biệt ».

Kết luận

Nhân Tết đến, bớt tóc, tôi đã lan man kể-lể tóc tây, tóc đông, tóc xưa, tóc nay, toàn là những tóc « lịch-sử » cả. Do đó, được một nhận xét : cùng là một cái tóc, thế mà lúc thì để, lúc thì cạo, chỗ thì trân-trọng gây nuôi, chỗ thì thờ-thường sửa-cắt, tùy tâm-lý từng thời-đại, tùy tập-tục từng xứ-sở, biến biến thiên thiên, không lấy gì làm chuẩn đích! Thế mới biết chân-lý không phải là món tuyệt-đối, mái tóc lắm khi cũng theo thời-thế và quốc vận mà hưng, phế, thăng, trầm!

HOA BẰNG

---

1) Nhan Nghiêm làm quan mục ở Kinh-châu, bị Trương Phi bắt được, Phi quát rằng : « Sao không sớm hàng đi? » Nhan đáp : « Xứ ta chỉ có ông tướng mất đầu, chứ không có ông tướng chịu hàng » Phi cho là người có nghĩa-khí, bèn tha ra.

2) Khi Tôn Huệ đế đánh Thành-đô, thua ở Đằng-âm, Kê-Thiệu lấy thân che-đỡ cho ngự hiện, bị tên bắn như mưa, máu chảy ướt đẫm cả áo Huệ-đế, rồi Thiệu kiệt sức mà chết.

3) An-Lộc-Sơn đời Đường làm phản ; Trương-Tuần dấy binh đánh giặc, cùng Hứa Viễn cùng giữ thành Thư-dương. Thành bị hãm, Tuần mắng giặc không ngớt. Doãn Tử Kỳ lấy dao ghè miệng làm Tuần gãy răng chỉ còn vài bốn chiếc!

4) An-Lộc-Sơn làm phản ; thái-tử ở Thường sơn là Nhan Quả-Khanh chống đánh, bị bắt, mắng giặc rằng : « Ta vì quốc-gia mà đánh giặc, giận không chém được mày! » Giặc giận, cắt lưỡi Khanh.

MỘT CÂU ĐỐI TẾT

(*Tiếp theo trang 11*)

mùi phấn hồng, trên dưới trục gấm hoàng yến, hai mép giấy viền sa Vân nam, nhuyễn và giẻo cơ-hồ xé cũng không rách. Bốn ống trúc Tương-giang luồn vào bốn đầu trục gấm, nhắc lên nhẹ như những ống đăng-tâm mà chạm vào nhau khua lên những tiếng thanh vui như những nhạc khí bằng chất ngọc ngà. Thực là một tu-ệt-mĩ phẩm của ai là người biết yêu cái đẹp tinh vi trong văn sự tài hoa.

Một tâm-hồn nghệ sĩ đã sống mạnh trong người chàng. Chàng quyết rằng trong đời chàng, không khi nào chàng được thưởng thức một vật trân ngoạn vừa kỳ-diệm vừa thanh nhã như thế bao giờ.

Chàng sẽ tay vuốt lên mặt giấy. Êm và dịu chạy mát lạnh trong người chàng. Chàng rùng mình. Mù mực xạ ở chỗ mép con lý ngư bằng đá phun ra đã ngát hơn thêm, nhựa mực đã tràn lên mép ao đặc sánh lại và đen nhánh-nhánh dưới mấy ngón tay người mải, những bụt ngà vẽ những vòng đều và dịu.

Tự-nhiên, chàng với lấy quản bút giắt trong ống sứ giang-tây, thứ bút «ngâm đáo mai-hoa» ngòi mềm tay như lông đuôi thỏ mà viết nên nét gân xương như cành mai già.

Nhúng ngòi lông vào ao mực, chàng phóng bút viết. Viết như không nghĩ. Viết như không đoái lại một cái gì. Như mê-man, như say-sưa, như hoảng hốt. Chàng đã bị chất giấy và mùi mực quyến rũ, huyễn-hoặc chàng. Tâm hồn chàng như mê-lạc trong chiêm bao phong-nhã.

Chàng viết một hơi không ngừng. Đến chỗ lạc-khoản chàng mới giật mình:

À! Ra ai nhờ mình viết mà mình viết cho ai đây?

Ngần ngại một lúc, Chàng tự nhiên đề mấy chữ nhỏ vào chỗ lạc khoản: *Dực-Phố thư-thư trang-tiền. Mùa hoa mai mới nở, Xuân-giang chợt thảo.*»

***

Cuối mùa xuân năm sau. Anh chàng lái buôn đến cuộng đó được nghe người ta kể một câu chuyện giai thoại trong làng văn-tự.

Người ta kể rằng: Có một người yêu Thơ và yêu Đẹp, có một đôi bức giấy câu đối thuộc về loại tuyệt-hảo-phẩm, đợi có một câu đối văn như văn Nguyễn Mai-Sơn, và đợi có một nét chữ như nét chữ Phùng-Tùng-Thần thì mới sẽ cho viết vào.

Bất đồ, một hôm, có một anh ngông-nghênh đại đại từ đâu lạc đến, viết lên một câu đối nôm, văn chẳng ra vặn mà chữ chẳng ra chữ.

Bực quá, bữa chiều xế hôm 30 tết, khi đốt vàng bạc cúng rước tổ tiên, ông ta đem cái câu đối đó quăng vào đống lửa cho nó thành tro. Ai có hỏi ông ta câu đối đó viết những gì, thì ông ta nhất định không nói mà mãi đến nay, câu chuyện đó cũng còn là một mối băn khoăn cho các bạn văn-chương.

Nghe xong câu chuyện, anh chàng lái buôn đứng dậy tỏ dáng điệu vui sướng khác thường, như cồi được một mối nặng nề. Chàng cất tiếng ngâm to:

Nhà đã có xuân đâu, trước đó không núi biếc hồ xanh đành chẳng gió mây nhàn-nhã.

Lòng còn nhiều thú lắm, trong đây sẵn mực đen giấy trắng, thiếu gì hoa gấm văn-chương.

Chàng cười to: Thì ra, cái câu đối viết một cách hoang phí bằng giấy tốt, mực tốt và bút tốt đó, viết ra rồi, muốn bỏ nó đi mà không biết làm sao bỏ được. Nay nghe có người đốt nó đi thì thực đáng đời nó mà cũng nhẹ lòng mình. Thử nghĩ cái thứ văn xuân-tứ, xuân-sự đặm ở một chốn đường phố khô khan náo nhiệt không có một cái gò con, không có một cái lạch nhỏ, thì để làm gì mà không đốt đi, để chi cho hại giá một bức cẩm tiên.

ĐÔNG-HỒ

(Trích ở tập *Hoài-cảm*)

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

NĂM ẤY, Ở PHÁP...

(Tiếp theo trang 35)

Tám tháng sau, nhơn dịp đi Y-pha-nho trong lễ Tết, tôi không được ghé thăm bạn cũ. Xe lửa vừa tới ga, tôi thót xuống, đáp ô-tô vào làng. Tim tôi hồi-hộp, lòng tôi vô-cùng rộn-rịp khi tôi nhìn thấy nóc nhà quen biết, khi tôi đứng trước cửa ngõ, khi tay rờ tới giây để giựt chuông.

Leng-keng! Leng-keng!

Không một tiếng đông-la!

Tôi giựt chuông mạnh thêm.

Leng-keng! Leng-keng! Leng-keng!..

Năm phút sau, xào-xạt tiếng giày thô-kịch kéo trên sỏi nhỏ. Cánh cửa cọt-kẹt, từ-từ mở. Ông Martin lộ ra với dáng mặt rầu-rầu.

— Chào ông Martin. Ain ấy đều mạnh giỏi chớ? Nhơn dịp đi ngang đây, tôi ghé thăm ông, bà

Chậm-chậm, ông đáp:

— Cả nhà đều mạnh. Mời anh vào!

— Sao coi ông buồn vậy?

Không nói, không rằng, ông Martin dắt tôi đi, kéo ghế mời tôi ngồi, rồi rót ra cho mỗi người một ly lớn rượu chát trắng của ông mới đặt năm rồi. Thấy tôi ngó giáo-giác như kiếm vật chi, ông biết ý nên nói liền:

— Hai mẹ con nó đã về bên ngoại chơi rồi. Tôi thừa dịp hộ đi khỏi đặng...

— Đặng làm gì?

— Đặng... Đặng... Hừ!.. Giết con chó Dick!

Như hoảng-hốt, tôi nắm chặt lấy tay ông:

— Sao mà giết nó?

— Dick mới sanh đặng hai con, nay đã đặng sáu tháng.

— Rồi sao?

— Từ bốn tháng nay nó có ghẻ, một thứ ghẻ mà loại chó nầy hay có khi nó gần già và thuốc men chi cũng không chữa nổi. Nếu không giết nó, ghẻ sẽ lây sang mấy con kia rồi chúng sẽ chết hết. Hồi anh kêu cửa chính là lúc tôi đương nạp bi vào súng. Vừa nói ông Martin vừa lấy tay chấm nước mắt và thở dài.

Xa-xa, tôi nghe tiếng như sủa như rên. Dòm về phía ấy, tôi thấy Dick đang cào gãi, lăn dãy dưới gốc cây. Phải chăng nó lên tiếng là bởi nó nghe tiếng tôi hay nó đoán biết có tôi ở đó? Lòng tôi bấy giờ tràn ngập một mối đau thương khó tả. Tôi ngồi lì một chỗ bứt-rứt dường như muốn khóc, vừa muốn lại gần vuốt-ve nó, vừa sợ nếu gặp nó thì để nó chết không đành.

Như muốn thâu ngắn sự buồn-bã không tránh đặng ấy, ông Martin khẳng-khái bước vào trong, ra dấu biểu tôi theo rồi kê lòng súng trên khung cửa sổ... nhắm mắt... bóp cò.

Đùng! Đùng!..

Quẳng! Quẳng!...

Không biết lúc ấy tôi làm gì, chỉ khi tỉnh dậy, tôi thấy ông Martin ngồi gục mặt xuống đất còn tôi thì té ngã vào vách, hai đầu ngón tay trỏ còn bịt hai lỗ tai, cốt đừng cho thấu vào thính-giác của tôi — nhưng, ôi! thế nào đặng! — tiếng «*đùng*» và tiếng «*quẳng*» mà hình như tôi còn nghe văng vẳng tiếng dội vòng quanh trên đồi cây trên sườn núi kia..

LÊ VĂN-NGÔN
(Fây-đô)

BẮT GẶP MÙA XUÂN

(Tiếp theo trang 27)

Ra về, lòng tôi thấy nhẹ nhàng và khoan khoái. Đường về phố xá rộn những cát bụi rựa xe bằng khuâng nhớ đến câu thơ tông bột thiên thai:

Nhân gian vô lộ nguyệt mang mang

Như hai chàng Lưu Nguyễn, đâu đó có hai lần bắt gặp mùa xuân rồi. Lòng chỉ sợ gió bụi phồn hoa sẽ làm tan một tơ xuân mỏng mảnh đang vương vướng đâu đây...

Chị Bản ạ!

Kể ra thì cái đẻo đất miền nam nầy cũng không đến nỗi là khô khan như người ta nhận thấy đó. Ông Tạo-hóa cũng không đến nỗi là vô tình với con nước nầy đâu!

Nhưng mà tay thợ Tạo kia rất là tinh anh và tế nhị, thường đem ý mùa mà gởi một chỗ nào, trên mặt nước, bên sườn non, trên ngọn cây lá cỏ. Những rét thu tố, xuân tình, một cọn gió lạ mùa đông vẫn thường ẩn náu trong một ý, một hơi, một làn, một mảnh của bốn mùa, nhưng mà nó rất là mong manh chông vánh, ta phải để cho lòng điệu hòa cảm thông cùng Tạo-vật, ta phải tinh anh tế nhị như Tạo-vật, mới nhìn được một làn mây lảnh, mới ngắm được một tơ nắng mới, và mới nghe được tiếng gió giao mùa lao xao trên cành lá.

Chị Bản ạ! Ngày năm trước, tôi đã bắt gặp mùa xuân trên cành hoa đỏ, xuân năm nay tôi tin chắc rằng tôi sẽ bắt gặp, không là mùa xuân nhưng là một *ý xuân*. Một ý xuân mong manh mà tốt đẹp lắm nó đang lẩn quất ở đâu đây, ở trên tờ thư này, trong lòng chị, ở trong lòng tôi, ở trong lòng chúng ta, có lẽ.

TUYẾT *tiểu-muội*

TỦ SÁCH « VĂN NGHỆ MỚI »

Mới có bán

NGÃ BA

truyện dài của Lê mộng Cân

giá 5$50

Tả tâm trạng một thanh niên ngoài hai mươi tuổi băn khoăn trước tình thế hiện tại cố gắng đi tìm lý tưởng chính đáng cho đời sống.

Đã xuất bản

Trong tủ sách « NGÀY MỚI »

Văn Học và triết luận

của bà Mộng Sơn (hết)

Văn Chương và Xã Hội

nghiên cứu của Lương đức Thiệp — giá 2$50

Khổng giáo với ông Đào duy Anh

của Nguyễn ngọc Diểm — giá 4$00

Việt và Sống

của Ngô xuân Huy — giá 4$00

ĐẠI HỌC THƯ XÃ

181 Henri d'Orléans Hanoi

I.— Đã phát hành khắp Trung Nam kỳ :

QUANG TRUNG tập II

giá : 9$00

THƠ NGỤ NGÔN LAFONTAINE

giá : 2$20

(vì sự vận tải khó khăn và đắt chúng tôi bỏ buộc phải tăng giá sách, xin các bạn hiểu cho)

II.— Hiện có bán :

HỘI THỀ ĐỐN SƠN

Trong những ngày xuân mới, các bạn muốn biết cuộc mưu sát Hồ-qui-Ly xưa kia thế nào, xin đọc cuốn tiểu thuyết lịch sử đầu tiên này của Tiên-Đàm Nguyễn-tường-Phượng viết rất vui và lý thú.

III.— Sắp phát hành :

CÔNG THẦN TRIỀU NGUYỄN

Văn thần võ tướng và công thần người Pháp do Nguyễn-Triều khảo cứu rất công phu

NHÀ XUẤT BẢN
TRỊNH NHƯ LUÂN
Chanceaulme Hanoi

Mới có bán

TIỀN BẠC

(Khảo cứu về vấn đề tiền tệ)

của Phan-văn-Hùm

Quyển sách đầu tiên của « Tủ sách xã hội » Tân-Việt

Giá 7$50

Cùng một lượt đã có bán :

LAM SƠN THỰC LỤC

của Nguyễn-Trãi — Lê-thái-Tổ đề tựa. Bản dịch của Mao-bỉ-Thần giá 6,00

THỐI THỰC KÝ VĂN

của Trương-quốc-Dụng — Bản dịch của Nguyễn-đồng-Chi và Nguyễn-Lợi giá 7,50

NHỮNG KẺ LANG THANG

(Les vagabonds) của Maxime Gorki — Bản dịch của Hữu-Duy giá 6,00

TRIẾT HỌC NHẬP MÔN

của Nguyễn-anh-Nghĩa giá 5,80

TÂN-VIỆT — 29 Lamblot — HANOI

Đang in sắp xong

ĐÀO DUY TỪ

(Một bậc đệ nhất công thần đời Nguyễn Sơ)

Sự nghiệp và văn-chương

Sách khảo-cứu rất công phu của **Khái Sinh Dương Tụ Quán biên tập**

Dày 200 trang — Giá bán :
hạng giấy hảo hạng dày 2o$
hạng giấy thường 1o$
hạng giấy bản tốt 5$

Ai gửi mua có kèm mandat trước thì khỏi phải chịu cước phí

tiền cước lối thơ đảm bảo là 0$75

để cho hiệu sách Đông Tây, 195, phố hàng Bông — HANOI

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi